

# BAN HƯỚNG DẪN GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM ÂU CHÂU



**TÀI LIỆU HÀM THỤ**

# CHƯƠNG TRÌNH

## TRẠI HUẤN LUYỆN HUYNH TRƯỞNG CẤP II

# HUYỀN TRANG

	Trang
Thơ ngỏ	2
<b>I. Tổng quát :</b>	3
1. Tinh thần huấn luyện trại Huyền Trang	4
2. Huynh trưởng với quê hương	7
3. Liên đoàn trưởng	11
4. Phê bình kiểm thảo	14
<b>II. Phật pháp :</b>	17
1. Mục Ngưu Đồ	18
2. Bát Chánh Đạo	28
3. Bát Quan Trại Giới	32
4. Huyền Trang Pháp Sư với Đại Thừa Phật Giáo	28
<b>III. Phật Giáo:</b>	42
1. Phật Giáo Việt nam từ 1963	43
2. Cổ Đại Lão Hòa Thượng đệ nhất Tăng Thống GHPGVNTN, Thích Tịnh Khiết.	48
3. Cổ Thượng tọa Viện Trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN, Thích Thiện Hoa	50
4. Hiện tình Phật Giáo Việt Nam tại Hải ngoại	53
<b>IV. Điều động Gia Đình Phật Tử:</b>	
1. Quản trị hành chánh GDPT	57
2. Lễ lược trong GDPT	61
3. Vạch chương trình thường niên	64
4. Hoạt động thanh niên:	
a. Trại hè	66
b. Trại công tác	69
c. Trại du khảo	71
5. Văn nghệ trong GDPT	73

## Thơ Ngỏ

Thưa anh chị em trại sinh,

Đọc qua chương trình Tổng quát của tập tài liệu hàm thụ này: Tinh Thần Huấn Luyện Trại Huyền Trang, Huỳnh Trường với quê hương, Liên Đoàn Trưởng ... anh chị em chắc đã ý thức được mục đích và tầm quan trọng của trại huấn luyện cấp 2 Huyền Trang. Đồng thời cũng nhận định rõ ràng hơn vai trò lãnh đạo và trách nhiệm của người Huỳnh Trường sau khi trúng cách.

Trại mang danh một vị cao Tăng Trung quốc để nhắc nhở chúng ta noi theo hạnh nguyện Ngài trên đường xả thân phục vụ đạo pháp và chúng sanh. Với ý chí vượt khó, nguyện học tận gốc, tìm chân nghĩa Đại Thừa, Ngài Huyền Trang một mình một ngựa, vượt qua biết bao nhiêu núi rừng hiểm trở, sa mạc hoang vu, muôn vàn nguy hiểm trên hành trình từ Trung quốc sang Ấn Độ. Chuyến đi thập tử nhất sanh của Ngài đã được học giả Ngô Thừa Ân tiểu thuyết hóa qua truyện Tây Du Ký, nhân cách hóa môn Duy Thức học (sự biến thái của tâm thức) được cả thế giới ngưỡng mộ, dịch ra nhiều thứ tiếng, quay thành phim ảnh, diễn thành tuồng hát. Và Trại Huyền Trang Âu châu 1 năm 1999 đã mượn Tứ Đại, phần vật chất cấu tạo nên con người và vạn hữu để đặt tên cho các Đội, hàm ý nói lên lý Vô Thường.

Với Trại Huyền Trang Âu Châu 2 năm nay, để noi theo bước chân Ngài trong sự nghiệp xiển dương Đại Thừa Phật Giáo mà người Huỳnh Trường phải nuôi dưỡng trong chí nguyện vừa Tu học vừa dẫn dắt đàn em, vừa góp phần xây dựng xã hội, nên Trại chọn tên cho các Đội :

- |              |               |        |
|--------------|---------------|--------|
| - Bồ đề Tâm  | với tiếng reo | Thường |
| - Bồ Tát Đạo | -             | Lạc    |
| - Vô Trụ Xứ  | -             | Ngã    |
| - Tự Tánh    | -             | Tịnh   |

Vì thiên chức của người Huỳnh Trường GDPT phải tích cực nhập thế cứu đời chứ không tìm cảnh an vui riêng thụ hưởng. 'Vô lậu quốc trung lưu bất trụ, khước lai yên ô ngoại hàn sa' (Trong cõi vô lậu 'Niết Bàn Nhị Thừa' giữ chẳng dừng, lại đến trũng sương nằm cát lạnh). Cứu cánh để người Huỳnh Trường phải đến là đây, phải tìm hiểu thấu đáo chân nghĩa Vô Trụ Xứ, Tự Tánh, Hữu Dur Y Niết Bàn.

Mong mỗi anh chị em ghi danh nhập trại đúng hạn để Ban Quản Trại phân chia Đội Chúng trước hầu khởi sự Kết Thân và Thảo Luận tài liệu hàm thụ ngay. Mọi ý kiến, thắc mắc, đề nghị ... sẽ được bàn thảo qua diễn đàn điện tử thư sẽ do anh ủy viên kỹ thuật biên soạn và phổ biến sau.

Kính chào Tinh Tấn và mong gặp đông đủ tại đất Trại chùa Viên Giác.

**BHD/Âu Châu.**

- 1 -

# **TỔNG QUÁT**

- 1. Tinh thần huấn luyện  
trại Huyền Trang**
- 2. Huynh trưởng với  
quê hương**
- 3. Liên đoàn trưởng**
- 4. Phê bình kiểm thảo**

# TINH THẦN HUẤN LUYỆN TRẠI HUYỀN TRANG

## I. DẪN NHẬP

Xuyên qua 2 trại huấn luyện trước là Lộc Uyển và A Dục có tính cách đào luyện kiến thức nội điển căn bản, thông suốt đường lối giáo dục của Tổ Chức, nâng cao kiến thức phổ thông, trao truyền khả năng chuyên môn xuyên qua 5 bộ môn hầu có thể hoàn thành bốn phận của một Trưởng cầm Đoàn mà Ban Huynh Trưởng đã giao phó.

Huyền Trang trong thực tại cũng như ở một tương lai gần là một Liên Đoàn Trưởng - đứng đầu một ban Huynh Trưởng - chịu trách nhiệm việc thịnh suy của một Đơn Vị tự trị của tổ chức GDPT Việt Nam, chịu trách nhiệm trực tiếp với đạo hữu và Giáo Hội địa phương về đời sống tinh thần của con em họ. Ngoài ra, Liên Đoàn Trưởng còn phải bồi dưỡng khả năng tay nghề cho Huynh Trưởng dưới cấp để có thể hoàn thành bốn phận của mình.

Lại nữa, Huynh Trưởng nói chung, Huyền Trang nói riêng, bốn phận và trách nhiệm nặng nề như vậy nhưng không nhận một khoản thù lao nào, ngược lại còn phải chịu đựng bao nhiêu khảo đảo, hiểu lầm, chướng duyên tấn công từ nhiều phía. Huynh Trưởng phải có tín tâm kiên cố, đạo lực vững bền mới có thể khó lay chuyển, giữ vững tay lái cho thuyền đời rẽ sóng ra khơi và đến đích.

Chân dung Huynh Trưởng là hình ảnh một người dẫn thân lợi ngược dòng đời cuồng loạn thác lũ, phải luôn luôn vững bước tiến lên. Chỉ cần đứng lại là bị đào thải, đừng nói chi là thoái hoá. Do vậy, đường hướng giáo dục, huấn luyện và đào tạo hết sức phức tạp và tế nhị.

## II. TINH THẦN HUẤN LUYỆN

Tinh thần giáo dục và huấn luyện của đạo Phật nói chung và của tổ chức GDPT nói riêng - đặt cơ sở giác ngộ tự thân - cải tạo gia đình và chuyển hóa xã hội. Công việc ấy cần phải đều tay, đồng lực và quyết tâm, nên về mặt hình thức và chức năng của Trại gồm có mấy yêu cầu chung:

- Thống nhất tổ chức
- Thống nhất điều hành và rèn luyện ý chí
- Đào tạo Liên Đoàn Trưởng

Liên Đoàn Trưởng không còn trực tiếp điều khiển đoàn sinh, mà là hướng dẫn Huynh Trưởng trong ngành của mình. Liên Đoàn Trưởng chịu trách nhiệm thịnh suy của một đơn vị, thì giờ đây, ngay trên đất trại, Trại sinh Huyền Trang cũng chịu trách nhiệm về việc thịnh suy của Trại. Do vậy Trại sinh có đời sống sinh hoạt tại Trại có tính chất nội tâm suy tư trầm lắng, giàu óc phân tích tổng hợp, quyết định nhạy bén và sáng suốt. Muốn vậy:

- Hướng dẫn phải có phương pháp.

- Điều khiển phải có chương trình
- Thực hiện phải có kế hoạch

Do vậy, tại Trại, Trại sinh Huyền Trang phải tự quản lý, tổ chức và điều khiển lấy nên có Hội Đồng Trại Sinh. Hội Đồng Trại Sinh giống hệt như một Ban Quản Trại ở các trại nhỏ. Ban Quản Trại theo dõi và chỉ can thiệp khi cần thiết. Vấn đề kỷ luật tự giác được nêu cao hàng đầu, và với tinh thần trách nhiệm cao, trại sinh Huyền Trang tự khẳng định khả năng của mình và đánh giá khả năng trại sinh khác vô tư, công bằng và xác thực. Từ đó, vấn đề tự trị (phê và tự phê) trên tinh thần xây dựng và thăng tiến lẫn nhau.

Đánh giá khả năng giảng dạy của Giảng Viên và khả năng tiếp thu của toàn thể Trại sinh, thẳng thắn phát biểu và đòi hỏi trong khuôn khổ phải được đáp ứng.

Ngoài ra, để có thể hoàn thành trách nhiệm và bổn phận thực hiện đúng đắn nhiệm vụ được giao, Liên Đoàn Trưởng cần phải lưu tâm đến 5 yêu cầu mà công tác đòi hỏi.

- 1) **Đôi nội**: Nắm vững Nội Quy - Quy Chế, nguyên tắc, điều lệ, nghi lễ sinh hoạt truyền thống của Tổ Chức. Theo dõi, kiểm soát, bồi dưỡng, hướng dẫn cho Huynh Trưởng trực thuộc. Thông thạo và có thể đảm nhận giảng dạy cho các em bất kỳ bộ môn nào.
- 2) **Đôi ngoại**: Trên nguyên tắc, Gia Trưởng mới có quyền đối ngoại, nhưng thực tế, đạo hữu phụ huynh vẫn tìm hiểu con em mình qua Liên Đoàn Trưởng. Giáo Hội cũng thường trực tiếp với Liên Đoàn Trưởng giải quyết công tác phật sự. Tuy vậy, Liên Đoàn Trưởng vẫn phải tuân theo ý kiến của tập thể, dù rằng, mình có quyền phủ quyết khi cần.
- 3) **Thông thuộc**: Luôn luôn đặt mình thống thuộc với cấp cao hơn và ưu tiên thi hành mệnh lệnh của Ban Hướng Dẫn. Ngoài phòng họp không luận bàn, phê phán cá nhân lẫn tập thể.
- 4) **Tinh thần huấn luyện**: Ban Quản Trại và giảng viên chỉ tóm tắt sự hướng dẫn của mình xuyên qua toàn bộ đề tài. Trại sinh phải động não, hội luận triển khai đề tài sâu rộng hơn. Tài liệu không phải là chùng ấy. Trại sinh lo học thuộc trả bài cho giảng viên là đã đạt. Hội Đồng Trại Sinh lập thư viện bỏ túi, trao đổi tài liệu nghiên cứu cùng với những tư ý riêng đóng góp của mình. Giảng viên đúc kết làm phong phú đề tài.
- 5) **Thái độ học tập**: Rộng thoáng, đóng góp ý kiến, khai thác đề tài rất ráo, phát triển tối đa tư duy, sáng kiến của mình, biến bực giảng thành diễn đàn. Trại sinh có quyền không bằng lòng về đề nghị, yêu cầu của Ban Quản Trại, Ban Giảng Huấn thay đổi giảng viên.

Tất cả mọi thắc mắc yêu cầu của Trại Sinh, phải được giải quyết thỏa đáng.

Điều đặc biệt chú ý, là Ban Giảng Huấn chỉ đến với trại sinh những đề tài có tính cách sinh hoạt truyền thống, hoặc Phật pháp có liên quan mật thiết đến việc hạ thủ công phu, hay cơ sở để xây dựng cơ cấu tổ chức cơ bản. Do vậy, trại sinh phải lợi dụng thời gian này để giải quyết những băn khoăn, trăn trở của chính mình.

Trại sinh phải hoàn tất các luận khóa chánh đúng thời gian quy định. Ngoài ra, trại sinh có thể gửi về Ban Quản Trại những bản tham luận nói về ý hướng xây dựng, nâng cao tầm vóc của tổ chức cũng như những phê phán, nhận định riêng của mình để kiên toàn và phát huy phương tiện tối ưu cho tổ chức, đạo pháp và dân tộc.

### **III. KẾT LUẬN:**

Tinh thần chỉ đạo của Trại Huấn Luyện Cấp II Huyền Trang là làm sáng tỏ ý thức, trách nhiệm của một Liên Đoàn Trưởng đối với đoàn sinh, đối với Huynh Trưởng, đối với Giáo Hội địa phương và nhất là sự thịnh suy của đơn vị đối với tổ chức GDPT Việt Nam. Vậy Huynh trưởng Huyền Trang hoan hỷ phát tâm gánh vác vì nó mang hai ý nghĩa:

1. Hoàn thành trách nhiệm là đã hạ thủ tu trì để tự độ và là mở đầu cho sự nghiệp độ tha.
2. Hồi hướng công đức báo đền thế hệ anh chị và chư Phật, Bồ Tát, Thánh Chúng thường trụ khắp mười phương. Kết quả thành tựu của Trại đang đợi chờ sự đóng góp tích cực của các bạn.

# HUYNH TRƯỞNG VỚI QUÊ HƯƠNG

## I. DẪN NHẬP

Người Huỳnh Trưởng Huyền Trang nhận thức rằng:

"Chúng sanh vì mê lầm tạo nghiệp dẫn đến thọ nhân báo thân. Tùy theo y báo và chánh báo mà sanh cùng quốc độ. Nên không thể tách rời quốc độ mà cầu hạnh phúc cho riêng mình."

Lại nữa, đạo Phật là đạo của Từ bi, cho nên ý thức độ tha phải tỏa rộng cũng là một phương tiện tối ưu để tiêu trừ ngã chấp kiến thủ. Không thể tìm thấy chân ngã nếu không hòa nhập tâm thức cùng đại thể của vũ trụ. Để liễu chứng sanh tử vốn không thật, để chứng nhận vô sanh pháp nhẫn. Do vậy Huỳnh Trưởng với quê hương tuy hai mà một. Phật tử với quê hương không phải là hai.

## II. HUYNH TRƯỞNG:

GDPT là một tổ chức giáo dục thanh thiếu đồng niên, con em của đạo hữu và những gia đình có cảm tình với đạo Phật.

Tổ chức này là con đẻ của Giáo Hội Phật Giáo tại Việt Nam. Do đó đạo Phật tại Việt Nam còn thì tổ chức GDPT Việt Nam đương nhiên tồn tại, vì nó là một tổ chức chi phần thuộc nội bộ Phật Giáo.

### 1. Vai trò của Huỳnh Trưởng trong GDPT.

- a) Huỳnh Trưởng: Huỳnh Trưởng là một thành phần hướng dẫn, chỉ huy và lãnh đạo của tổ chức GDPT. Tổ chức GDPT chịu trách nhiệm trước Giáo Hội về việc đào luyện Thanh Thiếu Đồng Niên của Giáo Hội trở thành Phật tử chân chính góp phần xây dựng xã hội theo tinh thần Phật Giáo. Bởi lẽ Huỳnh Trưởng không chỉ là những Phật tử phát nguyện phụng sự đạo pháp, đem đạo vào đời làm lợi ích cho đất nước quê hương, mà còn là những người truyền thừa có năng lực, có đạo tâm, do đó phải được Giáo Hội lãnh đạo, chăm lo và bảo trợ trong việc giáo dục và đào luyện Huỳnh Trưởng.
- b) Thân giáo là khởi điểm: Đạo Phật là đạo để sống từng bước nâng cao cuộc sống đến chỗ lợi lạc yên vui trước khi nói đến chuyện giải thoát giác ngộ. Huỳnh Trưởng phải là những Phật tử chân chính, việc học đạo, tu đạo, sống đạo, phải chuẩn mực là tấm gương sáng. Tự thân phải là một bài thuyết giáo không lời. Sau đó mới nói đến bực giảng hướng dẫn đàn em.

Dĩ thân tác chứng rồi dĩ thân tác chứng các Pháp truyền trao có thể nhập vào tâm hồn Thanh Thiếu Đồng Niên, toát ra sức hút, tạo nên chất keo gắn bó những cá nhân trong cộng đồng sinh hoạt Phật đạo nói chung và trong GDPT nói riêng.

Đạo Phật là đạo của tình thương và trí tuệ. Huỳnh Trưởng trong tổ chức GDPT một dòng tu tiếp hiện sẽ mở rộng trái dài tình thương và trí tuệ đó đến tận cửa những căn nhà thế tục, xây dựng một quê hương trong sáng, hòa bình, ổn định và hạnh phúc.

## 2. Sứ mệnh:

Người Huỳnh Trường tự giác gánh vác sứ mệnh vì hạnh nguyện cao cả hoằng hóa lợi sanh, báo đền công ơn hoá độ của chư Phật mà họ nhận thức được.

Người Huỳnh Trường không mưu cầu lợi lạc vật chất, công danh, sự nghiệp hay địa vị từ Tổ Chức đến Giáo Hội và ra xã hội bên ngoài.

Tất cả chỉ vì cứu cánh giải thoát giác ngộ mà ra sức hoàn thành sự nghiệp giáo dục ở hiện tại với tinh thần xả úy vị tha, thăng tiến lẫn nhau đúng với phương châm "bất ly thế gian giác" vậy.

## III. QUÊ HƯƠNG:

### 1. Định nghĩa:

Quê hương là nơi có con người cùng chung huyết thống, cội nguồn, có cùng một lịch sử, một truyền thống văn hóa, một ngôn ngữ để cảm thông, một quá khứ để tự hào và một tương lai để thực hiện.

Soi rọi vào hiện tại như quê hương Việt Nam chúng ta, một đất nước có bốn ngàn năm văn hiến, có một nền văn hóa lâu đời kết hợp những tinh hoa cổ cựu đông phương và văn minh tây phương hiện tại. Một dân tộc ít oi nhưng lại nhiều chủng tộc, một đất nước bé nhỏ thiên miên bị chiến tranh xâm lược mà vẫn tồn tại.

Đạo Phật có từ bao giờ, đã du nhập vào quê hương từ lúc nào. Tại sao đạo Phật hiện hữu giữa lòng quê hương này suốt chiều dài lịch sử hơn hai ngàn năm. Đạo Phật đã có những đóng góp gì cho quê hương này, một công dân Việt Nam còn không thể bỏ qua, huống hồ người công dân ấy là một Huỳnh Trường trong tổ chức GDPT.

### 2. Truyền thống văn hóa dân tộc:

a) Con Rồng cháu Tiên, truyền thuyết xưa thuộc huyền sử kể rằng Lạc Long Quân vốn là loài rồng kết hợp cùng bà Âu Cơ sanh được 100 trứng, nở 100 con. Vì Rồng thì ở biển, Tiên ở núi, không cùng quốc độ nên có sự chia cách, nhưng các con có thể gặp nhau kết hợp núi biển một trăm người con Việt. Kinh Phật thì Thiên (Tiểu giới), Long đứng đầu trong bát bộ phối hợp nhau nên dân tộc ta là xuất thân từ chỗ tôn quý.

b) An Dương Vương xây thành Cổ loa không được, thần nhân mách bảo muốn an cho người cõi dương phải siêu độ cho người cõi âm. Do vậy nhà vua mới lập đàn siêu độ, việc xây thành mới kết quả. Điều đó chứng tỏ đạo Phật đã vào nước ta từ thuở ấy.

c) Thờ cúng Ông, Bà: Đạo Phật lấy hiếu đạo làm đầu, lấy tinh thần tri ân báo ân làm khởi điểm của đạo mạch, nên làm phong phú thêm cho thuần phong mỹ tục, tập quán đạo đức luân lý dân tộc. Đền, đài, miếu, đình vốn là những di tích được kiến lập để tán dương công đức của tiền nhân trong sự nghiệp đóng góp xây dựng đất nước.

d) Quan Hôn Tang Tế: những truyền thống này đều mang tính chất đồng cam chịu khổ, chia ngọt xẻ bùi, nhắc nhở bổn phận và trách nhiệm của nhau trong cuộc sống và giúp đỡ đùm bọc nhau vượt qua những khó khăn.

e) Lễ lược hội hè đều mang tính chất cảm tạ đất trời để có mưa thuận gió hòa, cảm tạ bà con lân ly đã đồng sự trong cuộc sống. Vui là trải lòng, trải dạ khoan thứ cho nhau và cùng chung nhìn về chân trời an lạc tự tại và hạnh phúc.

So sánh đối chiếu lịch sử Việt Nam và Giáo sử Việt Nam, ta thấy Phật giáo cường thịnh thì đất nước Thái Bình giàu mạnh, dân cư an Khang lập nghiệp như các triều đại Đinh - Lê - Lý - Trần.

Phật Giáo lâm nguy, suy đồi thì tổ quốc loạn lạc chiến tranh đói nghèo lạc hậu. Bởi vậy Hiến Chương đầu tiên của Phật Giáo có ghi *"GHPGVNTN không đặt sự tồn tại của mình nơi nguyên vị cá biệt mà đặt sự tồn tại trong sự tồn tại của nhân loại và dân tộc"*.

#### **IV. QUAN HỆ GIỮA HUYNH TRƯỞNG VÀ QUÊ HƯƠNG**

Như trên đã trình bày, đạo Phật được truyền bá vào Việt Nam rất lâu (An Dương Vương Thục Phán) nên Đạo Pháp và dân tộc quyện làm một, do vậy Huynh Trưởng cũng kết quyện hài hòa dòng sinh mệnh của mình trong chiếc nôi tổ quốc quê hương. Cho nên trong Quốc sử cũng như Giáo sử, Tăng tín đồ Phật giáo làm rạng rỡ cho quê hương như ngài Khuông Việt, Vạn Hạnh, Tuệ Trung Thượng Sĩ, Giác Hoàn v.v... Biết bao Phật tử đã nằm xuống vì lợi quyền dân tộc, vì độc lập tự do của đất nước và nhân dân như Hòa Thượng Thích Quảng Đức và các Thánh tử đạo trong Pháp nạn 1963 - 1966, hoàn toàn không tìm đâu thấy kẻ phản bội quê hương tổ quốc.

Do vậy Huynh Trưởng và quê hương gắn bó trong cùng một dòng sinh mệnh, vì thế việc duy trì truyền thống tốt đẹp của quê hương, phát triển và làm phú cường cho quê hương, bảo tồn và truyền thừa sứ mệnh cao cả, phục vụ quê hương là nghĩa vụ của Huynh Trưởng.

##### **1. Duy trì truyền thống văn hóa dân tộc**

Tổ tiên ta ra sức tô bồi cho quê hương tổ quốc lưu lại cho chúng ta. Tự thân Huynh Trưởng phải thực hiện qua cuộc sống của mình giữ gìn gia sản quý báu ấy và giáo dục thế hệ trẻ. Biết quý trọng giữ gìn biên cương lãnh địa, di tích mồ mả tổ tiên. Nỗ lực hoạt động trên nhiều lãnh vực để đưa nếp sống tốt đẹp, biết yêu thương đùm bọc, chuộng tự do, yêu hòa bình, sống đời nhân nghĩa đạo đức có văn hóa thâm nhập vào từng người, từng nhà trên quê hương đất nước chúng ta mà cách thù thắng nhất là thực hành bát chánh đạo trong cuộc sống hiện tại.

Tại hải ngoại:

- Hãy đến với các em bằng con người Việt Nam
- Tiếp xúc với người bản xứ phải biết hãnh diện về nền văn hóa của ông cha - mạnh dạn giới thiệu những tinh hoa của dân tộc cho họ.

##### **2. Phát triển quê hương**

- Nỗ lực tinh tấn trau dồi Ngũ Minh Pháp là góp phần phát triển khoa học kỹ thuật và văn hóa.
- Nỗ lực thực hiện 5 điều luật là góp phần phát triển một xã hội lành mạnh và tốt đẹp.
- Thực hiện châm ngôn Bi Trí Dũng là tích cực phát triển quê hương

lấy căn bản từ con người ưu việt.

- Tận tụy với sứ mạng giáo dục là đào tạo nhân tố tích cực phát triển quê hương.

### **3. Bảo tồn những truyền thống và di sản của tiền sử**

Muốn bảo tồn những truyền thống, tập quán, văn hóa xã hội và di sản văn hóa dân tộc thì phải thường xuyên un đúc thế hệ trẻ, tạo nhận thức đúng đắn, biết quý trọng giá trị thực sự những gì chúng ta đang có. Huỳnh Trường GDPT là người tiếp cận thường xuyên với tuổi trẻ nên việc truyền thừa được nâng lên hàng sứ mệnh.

## **V. KẾT LUẬN**

Mục đích của tổ chức GDPT là "Đào luyện Thanh Thiếu Đồng Niên trở thành Phật tử chân chính, góp phần xây dựng xã hội theo tinh thần Phật giáo" đó là mục tiêu của cuộc sống, là lý tưởng cao đẹp mà người Huỳnh Trường tự nguyện gánh vác. Có thể nói Huỳnh Trường là người chiến sĩ thầm lặng, kiên trì trong việc bảo tồn và kiến tạo quê hương suốt cả dòng sinh mệnh của chính mình. Đây là tinh thần xả kỷ, vị tha cao cả mà Huỳnh Trường đã thệ nguyện làm lẽ sống.

# LIÊN ĐOÀN TRƯỞNG

## I. DẪN NHẬP

- Liên Đoàn là một tổ chức hoàn hảo, cơ bản và xuyên suốt của GDPT.
- Dù Liên Đoàn Nam hay Nữ, cũng thu hút mọi lứa tuổi, trình độ, thành phần xã hội.

Do đó Liên Đoàn Trưởng đòi hỏi tư cách, đạo đức, trình độ, khả năng "LÃNH ĐẠO"

## II. VỊ TRÍ CỦA LIÊN ĐOÀN TRƯỞNG

Trên nguyên tắc, đứng đầu một GDPT là Gia Trưởng. Trên thực tế, Gia Trưởng chỉ đóng vai trò tổng quát đối ngoại. (Trừ Gia Trưởng là Huynh Trưởng có cấp của GDPT).

Còn về điều hành, đối nội thì Liên Đoàn Trưởng phải quán xuyến mọi việc. Do đó Liên Đoàn Trưởng phải thông suốt rành rẽ về trách nhiệm, quyền hạn, bổn phận của mình. Trách nhiệm Liên đoàn Trưởng là chịu sự thịnh suy của một đơn vị GDPT.

Theo Quy Chế Huynh Trưởng: Phải trúng cách trại Huyền Trang mới được làm Liên Đoàn Trưởng, thực thụ và được đề nghị xếp vào cấp "tín". Chính cái vị trí này bắt buộc Liên Đoàn Trưởng phải thấu đáo trọn vẹn tổ chức về cơ cấu, liên hệ ngang dọc, mục đích và phương pháp giáo dục.

Chỉ có sự thấu đáo toàn triệt bằng cách dự các trại huấn luyện Huynh Trưởng từ dưới lên trên và sống đúng với Nội Quy- Quy Chế Huynh Trưởng.

## III. QUYỀN HẠN - NHIỆM VỤ- BỔN PHẬN CỦA L.Đ.T

***Trong Quy Chế Huynh Trưởng, Chương thứ hai, Khoản I, Mục VI- Cấp Tập.***

Điều 18 - Nhiệm vụ - Bổn phận

- Tham gia vào Ban Huynh Trưởng của một Gia Đình
- Làm Đoàn Trưởng và Trại Trưởng trại Huấn luyện Đội Chúng Trưởng.
- Có trách nhiệm về sự thịnh suy của một Đoàn.

Điều 19 - Quyền hạn

- Có quyền biểu quyết công việc trong một GDPT.
- Được đại diện Gia Đình để biểu quyết trong các cuộc họp do Ban Hướng Dẫn triệu tập.
- Có quyền giới thiệu người vào Gia Đình để tập làm Huynh Trưởng

***Trong Quy Chế Huynh Trưởng, Chương thứ hai, Mục VII-Cấp Tín***

Điều 20- Bổn phận và nhiệm vụ

- Làm Liên Đoàn Trưởng, Trại Trưởng trại Lộc Uyển và Huấn Luyện Viên Trại A Dục.
- Có trách nhiệm về sự thịnh suy của một Gia Đình

**Điều 21 - Quyền hạn**

- Có tất cả quyền hạn của cấp Tập.
- Được đại diện GDPT cấp Tỉnh để biểu quyết trong các cuộc họp do BHD Trung Ương triệu tập.
- Có quyền biểu quyết trong các phiên họp, Đại hội Huynh Trưởng Cấp Tỉnh.
- Ứng cử vào Ban Hướng Dẫn Tỉnh.

***Trong Nội Quy GDPT Việt nam, Chương thứ hai điều 7: Nhiệm vụ và liên lạc.*****Mục V: Cấp Gia Đình****Khoản 2: Liên Đoàn Trưởng**

- Điều động Ban Huynh Trưởng
- Thi hành chỉ thị của BHD Tỉnh
- Tổ chức các khóa huấn luyện Đội Chúng Trưởng trong Gia Đình để chuẩn bị dự các khóa huấn luyện do BHD Tỉnh hay Thị xã tổ chức.
- Tổ chức các cuộc Lễ - Trại - Triển lãm, văn nghệ và công tác xã hội thuộc phạm vi Gia đình có sự đồng ý của BHD Tỉnh, Thị xã.
- Báo cáo hàng tháng cho BHD Tỉnh hay Thị Xã.

Ngoài các nhiệm vụ, bổn phận, trách nhiệm ghi rõ trong Nội Quy - Quy Chế Huynh Trưởng, Liên Đoàn Trưởng còn quán xuyến:

- Soạn thảo chương trình sinh hoạt thường niên cho ban Huynh Trưởng Gia Đình.
- Tổ chức thi vượt bậc thường niên cho Gia Đình (Riêng Trung và Chánh Thiện do BHD tổ chức)
- Thấu đáo Tổ Chức, Nội Quy, Quy Chế Huynh Trưởng, chương trình tu học Huynh Trưởng và Đoàn Sinh.
- Liên hệ hàng ngang với cấp Liên Đoàn trong Gia Đình.
- Liên hệ hàng dọc lên Đạo hữu Gia Trưởng, BHD Tỉnh (Thông qua Đại diện BHD tại Quận)

**IV. TƯ CÁCH LIÊN ĐOÀN TRƯỞNG**

Mục đích thứ hai của GDPT là cải tạo xã hội theo tinh thần Phật Giáo.

- Cải tạo xã hội trước hết cải tạo con người (Con người không thể tách rời xã hội)
- Một Huynh Trưởng với Tứ Nhiếp Pháp tất yếu không rời xã hội
- Ở trong xã hội mà giữ được tư cách của mình để nhiếp hóa các Huynh Trưởng cấp dưới và các em Đoàn sinh
- Tư cách là cái nhân cách cá nhân. Cái phong độ phát triển nơi ý nghĩ, lời nói, việc làm, làm cho người khác phát lòng kính mến để mà noi theo.
- Tư cách của Liên Đoàn Trưởng, trước hết là tư cách Huynh Trưởng nói chung và tư cách của một Liên Đoàn Trưởng nói riêng.
- Tư cách sâu đậm hơn "Tư cách lãnh đạo"

Tóm lại, vì trách nhiệm, bổn phận của một Liên Đoàn Trưởng đối với tổ chức GDPT, đối với Đạo, đòi hỏi Liên Đoàn Trưởng có tư cách xứng đáng.

- Tư cách được phát hiện trên toàn diện con người
- Từ hình thức bên ngoài, ăn mặc, đi đứng, nằm ngồi, hành động trong cuộc sống hàng ngày.
- Tinh thần bên trong: Tư tưởng, tâm hồn (khẩu ý)

Phổ quát, Liên Đoàn Trưởng không đóng khung trong GDPT mà còn thể hiện ngay tại gia đình riêng, trong mọi sinh hoạt xã hội, cha con, vợ chồng, thầy trò, bạn bè v.v.. điển hình Phật dạy ở kinh Thiện Sinh.

## **V. ĐÀO LUYỆN TƯ CÁCH**

Tư cách không phải tự nhiên mà có. Tư cách phải đào luyện với ý chí nhẫn nại và thường xuyên sống với tư cách. Phương pháp rèn luyện nhân cách, đức Phật đã cho chúng ta trong Chương thứ I kinh Thiện Sinh:

- Khái quát về nhân cách
- Hoán cải tâm lý
- Hoán cải hành động
- Hoán cải sự giao du

Tâm lý, hành động (thân, khẩu, ý), giao du là 3 yếu tố xác định tư cách. Một sự hoán cải theo chiều hướng thiện huân tập máu vào tim, vào ánh mắt, nụ cười để hướng ý nghĩ, hành động, lời nói của chúng ta đúng với tư cách thánh thiện.

## **VI. KẾT LUẬN**

Liên Đoàn Trưởng đóng vai trò quan trọng, được liệt vào hàng lãnh đạo GDPT. Để hoàn thành nhiệm vụ này, người Liên Đoàn Trưởng phải được đào luyện qua các trại huấn luyện. Ngoài ra không ngừng cầu tiến học hỏi, nghiên cứu và áp dụng vào cuộc sống hằng ngày một cách nhuần nhuyễn. Có như thế mới xứng đáng đứng vào hàng lãnh đạo Phật tử, là một đầu tàu kiên dũng đưa Liên Đoàn và Gia Đình dũng tiến.

# PHÊ BÌNH KIỂM THẢO

## PHẢN GIẢNG VIÊN

Đề tài này, Giảng viên không giảng thành bài mà chỉ hướng dẫn, nêu chủ điểm "Một cuộc hội thảo kiểm điểm công tác trong tháng với những sự việc xảy ra" và xin ý kiến về tổ chức, hướng dẫn hội nghị. Các Trại sinh là những Liên Đoàn Trưởng phải làm gì trong hội nghị Huynh Trưởng Liên Đoàn. Nêu ra những trở ngại để Trại sinh giải quyết.

Trong "Gia Ngữ Thực" có chép chuyện Quý Cao ra lệnh chặt chân người nọ. Khi nước Vệ có loạn, Quý Cao tẩu thoát gặp người một chân ấy chặn đứng giữa cửa thành. Anh ta chỉ chỗ tường đổ có lỗ trống cho Quý Cao trông, Quý Cao bảo người quân tử không leo tường, chui lỗ. Sau cùng anh ta chỉ nhà cho Quý Cao vô núp. Quý Cao hỏi anh ấy: "Ta ra lệnh chặt chân người và đây là dịp cho người báo thù, sao người lại còn giúp ta?" Anh ấy đáp: "Lúc ra án phạt tội, ông phạt bất đắc dĩ. Tại tôi có lỗi nên ông phạt tôi nhưng ông tỏ ra ưu sầu, ông là quân tử, vì vậy tôi cứu ông".

Việc quyết định và quy trách nhiệm rất quan trọng đối với người điều khiển.

Mục đích phê bình kiểm thảo là để xây dựng cho được hoàn bị hơn, một tư cách, một phương pháp, một công tác gây cho cá nhân ý thức trách nhiệm, biết trực nhận các thiếu sót của mình. Vì ý kiến cá nhân thường hẹp hòi chủ quan, phiến diện nên cần nhiều ý kiến, do đó rút được nhiều ưu khuyết điểm.

Nhưng phê bình kiểm thảo đồng thời cũng là một hình thức cao hơn để quy trách cho những gì tạo ra khuyết điểm mà người có lỗi không thể phủ nhận trước ý kiến của đa số.

## CÁC HÌNH THỨC PHÊ BÌNH KIỂM THẢO

Việc phê bình ở cấp Liên Đoàn cũng như ở Đoàn và Đội, Chúng, có phê bình **không ghi biên bản** và **có ghi biên bản**, sau đó mới đưa ra Hội Đồng Kỷ Luật. Phê bình có tính cách cá nhân.

Việc kiểm thảo (thảo luận và kiểm điểm) nhằm vào một cuộc tổ chức bất thường, một công tác thường kỳ, thành hay bại và nguyên nhân của nó.

Trong cả 2 hình thức đều có thể kể thêm tự phê và tự kiểm.

Trước đây khi chưa chia Ngành Nam, Nữ, đạo hữu Gia trưởng chủ tọa cuộc phê bình kiểm thảo. Nay phân biệt Ngành, Liên Đoàn Trưởng ngành nào chủ tọa ngành ấy. Những việc có tính cách Gia Đình hoặc ảnh hưởng đến toàn Gia Đình do Gia trưởng chủ tọa.

## NHỮNG VẤN ĐỀ ĐƯA RA PHÊ BÌNH KIỂM THẢO

Có 4 vấn đề chính:

- Tư cách, tác phong của Đoàn Trưởng đối với Đoàn Sinh có ảnh hưởng đến Đoàn Sinh và quần chúng
- Nghệ thuật điều khiển của Đoàn Trưởng trong việc trông coi Đoàn của mình.
- Tổ chức quản trị và thực hiện công tác mà hội nghị Liên Đoàn đã thông qua
- Công tác bất thường (tu học, trại chung, thi đua, văn nghệ) được hội nghị trước phân công và đã thực hiện

## TỔ CHỨC MỘT BUỔI HỘI THẢO

Thành phần:

- Chủ tọa

- Thư ký
- Thuyết trình viên nêu vấn đề (được bầu hay thông qua)

Chương trình:

- Những vấn đề đưa ra hội nghị phải được 2/3 chấp thuận theo thứ tự ưu tiên những vấn đề nào quan trọng bàn trước.
- Trước hết Thuyết Trình Viên đưa điểm then chốt của vấn đề, tìm nguyên nhân, lấy ý kiến chung.
- Cá nhân liên hệ phát biểu: Vì ai mà nên? Bởi gì mà hư? Tự phê
- Hội nghị nhận xét, biểu quyết, ghi biên bản những gì không giải quyết được để đưa lên cấp trên.

## **TINH THẦN HỘI THẢO**

Dám nhìn thẳng sự thật  
 Tránh tự ái hào, bất mãn  
 Cầu tiến  
 Xây dựng  
 Tôn trọng ý kiến cá nhân  
 Thành tâm  
 Hỷ xả  
 Giải quyết dứt khoát trong hội nghị

## **PHÊ BÌNH KIỂM THẢO : DAO 2 LƯỠI**

Một mắt là:

- Khí cụ khiển trách của cấp điều khiển, ném đá dẫu tay.
- Nguyên tắc đa số nếu bị lợi dụng sẽ đè bẹp cá nhân
- Phê bình kiểm thảo không dứt khoát, gây nên những dư luận không tốt đẹp, tai hại hơn cả khi chưa đưa ra hội nghị.
- Khi cá nhân đã tự phê bình kiểm thảo tức là đã muốn tránh trách nhiệm, giải đãi công việc.

Mắt khác nếu biết dùng sẽ:

- Tạo được không khí thông cảm giữa các Huynh Trưởng để hăng say công việc.
- Mình hiểu thêm mình để tiến bộ vì con người thường thấp đuối soi người mà không tự soi sáng cho mình.
- Cấp điều khiển xét được sự phối hợp công tác của mình bị sơ hở chỗ nào, sáng kiến áp dụng có đúng như dự tính hay không.
- Hiểu tâm lý mỗi cá nhân khi họ phát biểu trong hội thảo để tiện điều khiển và giao phó nhiệm vụ.

## **NHỮNG TỆ TRẠNG**

Thực ra phê bình kiểm thảo có nhiều hình thức không cứ phải ngồi vào bàn hội nghị. Nhận xét giúp cho nhau đó không phải là phê bình hay sao? Khen nhau trong những việc mình nhận thấy hay, đó chả là rút ưu điểm để khuyến khích nhau sao?

Nếu lợi dụng kiểm thảo đê nhau, lấy áp lực hội nghị để hạ cấp dưới hoặc chờ có hội thảo để đưa ra những phần nộ, thiên kiến của mình cho hả là lầm vậy. Ngược lại có những cá nhân muốn tạo một dư luận bất lợi cho người mình không ưa, chỉ có rĩ tai mà không đưa thẳng ra hội nghị, cũng không phải cách.

Nếu gặp người xấu miệng, Liên Đoàn Trưởng cũng phải biết cách làm ngơ, cũng như kẻ buồn cứ để người ta khóc, cho xong đầu lại vào đây.

Tinh thần Đại Thừa Phật Giáo không chấp nhất một hình thức nào, cấp điều khiển miễn làm sao có sự hòa hợp thường xuyên trong tổ chức, gây ý thức trách nhiệm và thương mến nhau là được. Khi đó không có phê bình kiểm thảo cũng đạt được mục đích hơn là có luôn mà chia bè phái, cho nên không mà có, có mà không vậy.

## **LIÊN ĐOÀN TRƯỞNG ĐỐI VỚI PHÊ BÌNH KIỂM THẢO**

Xem vấn đề gì thật cần thiết, cân nhắc lợi hại đã, mới đưa ra phê bình kiểm thảo, lợi hại cho cá nhân Huỳnh Trưởng, cho uy tín của cấp điều khiển, cho Tổ Chức. Bỏ qua những vụn vặt để khỏi nhàm.

Tránh đừng sắp đặt, dùng đa số để hạ thiểu số, mảnh khỏe xảo quyết này nhất định không được tồn tại trong Tổ Chức chúng ta.

Bình tĩnh, vô tư, nhiệm vụ Liên Đoàn Trưởng là dung hòa những mâu thuẫn nên thái độ phải khoan dung nếu không sẽ mất bớt tiềm năng và dĩ nhiên mâu thuẫn là nguyên nhân chính làm tan rã Tổ Chức. Đừng quên nhiệm vụ đó.

Biết khuyến khích cá nhân làm lỗi, thiếu sót bốn phạm ngoài ý muốn, đặt mình trong hoàn cảnh đó để hiểu rõ và dìu dắt.

Lời nói của cấp điều khiển rất quan hệ, thà tiết kiệm lời nói còn hơn nói ẩu, gây nghi ngờ lung củng trong các Huỳnh Trưởng. Phải công bằng, đừng chuộng người này hơn người khác để đến nỗi khi ra hội nghị người ta đã đoán được chiều hướng hội nghị đi đến đâu rồi.

Đừng khắt khe nguyên tắc quá đáng, vạch lá tìm sâu, đừng kết án cả Đoàn, mất nhuệ khí và mía sâu có đốt, nhà dột có nơi.

Nhưng cũng phải biết quyết liệt trong vấn đề xét ra hệ trọng để nâng cao giá trị Tổ Chức, đừng xuề xòa cá mè một lứa.

Nhiệm vụ điều khiển của Liên Đoàn Trưởng quá hệ trọng nếu không có tài đức phải tiên liệu đừng chỉ phê bình người mà không biết phê bình mình.

*Chân mình đã lấm mê mê  
Lại còn thấp đuốc mà rê chân người.*

- II -

# **PHẬT PHÁP**

- 1. Mục Ngưu Đồ**
- 2. Bát Chánh Đạo**
- 3. Bát Quan Trai Giới**
- 4. Huyền Trang Pháp Sư  
với Đại Thừa Phật Giáo**

# MỤC NGƯU ĐỒ

## I. DẪN NHẬP

Diễn giải về TÂM, trong hầu hết kinh điển của Phật, Tổ cũng như nhiều bài giảng, sách vở của chư vị cao Tăng, Thiền sư, học giả thường dùng nhiều danh từ và phương pháp khác nhau để người học Phật tùy theo trình độ, căn cơ, khả năng, hoàn cảnh để nhận được và Tu sửa. Về danh từ, trong kinh Bát-nhã gọi Bồ đề vì lấy giác làm bản thể hoặc Niết bàn vì chỗ quy hướng của chư Thánh; kinh Hoa Nghiêm gọi Pháp giới vì giao triệt và dung nhiếp; kinh Kim Cang gọi Như lai vì không từ đâu đến; kinh Bồ Tát giới gọi Tâm địa vì hay phát sinh muôn việc lành ... Về thể tánh, kinh Lăng nghiêm chỉ các vọng tâm để suy ra chân tâm, Duy thức chỉ hệ thống kết hợp và chuyển hóa, kinh Kim Cang chỉ phương pháp hàng phục và an trụ... Trong một số ví dụ, quý Ngài lại thường dùng mặt gương, viên ngọc, mặt trăng, sóng nước, dòng điện... Trong hàng trưởng-tử Như lai nhận thấy Miền Đông Á chúng ta đại đa số dân chúng sống về nông nghiệp và hình ảnh con Trâu gần gũi, thân thuộc nhất đối với mọi người nên mượn Con Trâu và Người Chăn để chỉ nghĩa lý vi diệu của TÂM - một Pháp vô hình, trừu tượng, không thể nghĩ bàn, lại có khả năng đảo lộn vũ trụ, xoay chuyển kiếp người: giải thoát, giác ngộ thành Phật hoặc mãi mãi luân hồi trong sáu nẻo. Vì thế mà Mười Bức Tranh Chăn Trâu được ra đời.

Người Huynh-Trưởng GDPT vừa tu học lại vừa còn bốn phận dẫn dắt đoàn em. Trúng cách trại Huyền Trang, anh chị sẽ đảm trách phần hành cấp Liên đoàn hoặc trong Ban Hướng Dẫn. Trọng trách ở vai trò lãnh đạo đòi hỏi anh chị phải luôn luôn là tấm gương để các em noi theo, do đó vấn đề Thân Giáo phải đặt lên hàng đầu, thường xuyên tự kiểm việc tu việc học của mình. Qua Mười Bức Tranh Chăn Trâu, chúng ta có thể tự kiểm từng giai đoạn tu học. Nhờ đó mà không chán nản thối bỏ đề tâm hoặc tu ít mà tưởng nhiều sanh tự cao ngã mạn để rồi bị sa đọa!

## II. XUẤT XỨ

Tranh Chăn Trâu tức Mục Ngưu Đồ ra đời từ triều-đại nào, dưới ngọn bút lông nào, khó mà tra cứu cho đích-xác được. Điều chắc chắn là tranh có từ xa xưa lắm, ban đầu chỉ có sáu bức, sau thất lạc luôn. Mãi đến đời nhà Tống, thế kỷ XII, nhiều bộ tranh mới bắt đầu xuất hiện từ các tông lâm, thiền-viện, phản ảnh nhiều khuynh-hướng khác nhau trong sự tu-tập. Như vậy không phải chỉ có một bộ, mà nhiều bộ 'mục ngưu đồ' khác nhau, tất cả đều đượm nhuần tinh-thần Phật-giáo Bắc-Tông. Trong số ấy hiện nay được truyền tụng nhất là tranh của hai họa-sĩ áo nâu Thanh-Cư và Quách-Am. Tuy có nhiều bộ tranh, nhưng bộ nào cũng như bộ nào, đều có 10 bức, mỗi bức có một bài tụng bằng thơ tứ-tuyệt, và một bài chú giải bằng văn xuôi. Đó là về hình thức. Còn về tinh-thần thì tranh tuy có nhiều, nhưng có thể xếp thành hai loại: loại tranh theo khuynh-hướng Đại-thừa và loại tranh theo khuynh-hướng Thiền-Tông. Trong hai loại, tranh vẽ sai khác nhau hết, nhưng bài tụng và chú riêng cho mỗi loại vẫn không thay đổi.

Vì phạm vi hạn hẹp của tài-liệu huấn luyện, chúng tôi không ghi nguyên văn các bài tụng bằng Hán văn, mà chỉ ghi lời dịch qua văn xuôi, cùng lời giải về ý nghĩa của từng bức tranh, dựa theo tài liệu của Hòa-Thượng Thích Thanh-Từ và Trúc-Thiên.

### III. TRANH ĐẠI THỪA

#### A. - NỘI DUNG

Đề-tài chung của các loại tranh chẵn trâu là đường lối tu-tập. Đường lối tuy nhiều, song không ngoài việc BẮT TÂM. Nên thập mục ngư đồ có thể coi như lời giải đáp cho câu hỏi trong kinh Kim-Cang :

'Vân hà hàng phục kỳ tâm?' (làm sao làm chủ được cái tâm?)

Tâm ở đây là con trâu. Vì có trâu nên có mục-đồng. Vì có tâm nên có cảnh. Tất cả cố gắng của Đại-thừa đều nhằm vào sự 'cột' trâu, tức là 'điều tâm' vậy. Tâm là con trâu hoang. Muốn trị nó phải dùng những biện pháp mạnh, như đánh bằng roi, xỏ mũi bằng dây ... Cũng vậy, muốn trị tâm, cần quy y, giữ giới cấm, phát tâm bồ-đề ... Lâu ngày chầy tháng, trâu trở nên thuần-thục, tâm trở nên điều hòa. Đó là bước đầu diễn tả bằng 5 bức họa : Chưa chẵn, Mới chẵn, Chịu phép, Quay đầu, Vâng chịu. Đây là giai-đoạn của GIỚI, mở đường cho ĐỊNH phát sanh trong giai-đoạn kế. Trong giai-đoạn này, tâm đã thuần phục, khỏi phải chẵn giữ. Tâm đã Định, không gặp gì chướng ngại.

Tâm định là Ngã chấp hết, song vẫn còn Pháp chấp. Đó là bước tu chứng của hàng Tiểu-thừa (Thanh-văn và Duyên giác) diễn đạt bằng hai bức họa 'Không ngại và Tha-hồ'. Cần đi thêm bước nữa, khai-thác Huệ giác đến chỗ TÂM VÔ TÂM. Đến đây mới phá được Pháp chấp : pháp cũng không mà ngã cũng không, trâu cũng mất mà người cũng mất, cảnh cũng quên mà tâm cũng quên. Trước hết trâu mất còn người. Rồi người cũng mất luôn. Đó là cảnh giới của Bồ-tát, diễn-tả bằng hai bức họa 'Cùng quên và Soi riêng'.

Từ đó, đi thêm bước nữa vào cảnh giới Như-Lai, không nói được nên lời, mà chỉ có thể hình dung bằng một vòng tròn: Viên-giác. Đó là ý-nghĩa của bức tranh chót (Dứt cả hai) khép lại quá-trình tu chứng theo Tiệm-Giáo, đi từ Giới đến Định và Huệ, từ Thanh-văn, Duyên-giác đến Bồ-tát, Phật, từ hữu tâm đến tâm và vô tâm, từ chỗ tất cả đều có đến chân pháp đều không... Đó là vô-dư Niết bàn.

#### B.- HÌNH THỨC VÀ Ý NGHĨA

*Tranh số 1 : Chưa chẵn (Vị-mục)*

Mục-đồng thấy trâu đang ngồng cổ sải chân chạy. Chú ve-vãn, bé cỏ non nử, nhưng trâu không hề để ý. Trâu tính còn ngông cuồng, đầu sừng thì ngang ngạnh, nó chạy càng chạy bướng, vừa chạy vừa kêu rống om sòm, nó lội qua suối, băng qua non, bắt kể núi cao suối sâu, càng chạy nó càng xa chủ xa chuồng, đi bừa vào lúa mạ người.



**GIẢNG:** Chúng ta ai cũng có sẵn tánh-giác (Chân tâm, Phật tánh) nhưng vì bị sự mê-hoặc của tham, sân, si ... nên trở thành vọng tâm. Vọng tâm chạy theo sự cám dỗ của tiền tài, sắc đẹp, danh lợi, ăn ngon, ngủ kỹ mãi để cam chịu trải qua vô số kiếp luân-hồi. Đến một lúc nào đó, chợt tỉnh muốn trở về thì mù mịt không biết lối đi, và khi ra đi rồi thì cố hương ví như hang động, bây giờ cửa hang bị mây đen che khuất, tìm lại rất khó thấy. Kinh dạy do Vô-minh mới có Hành, vì ra khỏi hang vô-minh thì hành đẩy đi, càng đi càng tạo nghiệp, càng tạo nghiệp thì quanh-quẩn mãi trong luân-hồi, giống như mỗi bước chân của trâu đi dẫm đạp lên lúa mạ của người, phạm nhiều lầm lỗi. Đó là giai-đoạn người tu chưa biết gìn giữ kèm chế tâm, để tâm buông lung chạy theo nghiệp, bị nghiệp dẫn đi luân-hồi trong lục đạo xa cách tánh giác.

*Tranh số 2: Mới chăn (Sơ-điều)*

Tuy mới chăn mà chú mục- đồng xỏ mũi được trâu, nếu một phen trâu nghênh ngang chạy càng chạy bướng, thì chú đánh cho nó thật đau. Từ xưa đến nay tánh nó vốn hạ-liệt, khó điều-phục. Chú mục đồng ra sức lôi cổ nó, nhưng nó cũng chống cự ghì kéo chú. Vì chú mục-đồng yếu hơn trâu, nên chú đứng sai chân kéo trâu mà trâu cứ ngồng cổ chạy đi, chỉ ngoạ chút đầu lại thôi.



**GIẢNG:** Người mới tu chọn một pháp tu để điều-phục kèm chế tâm. Thịnh-thoảng tâm thanh-tịnh được phút chốc, song vọng niệm vẫn dấy khởi, hết duyên cảnh này đến duyên cảnh nọ, cứ sống theo thói quen của tình-thức rất khó điều-phục, nên phải gan dạ cắt đứt các duyên liên hệ bên ngoài, chăm chăm nương theo phép tu không cho lơ lửng.

Nói cho dễ hiểu, ví dụ khi mắt ta vừa tiếp-xúc vào vật gì, biết đẹp hoặc xấu; tai nghe âm-thanh biết hay dở, lời khen, tiếng chê... và các giác quan khác cũng vậy, đừng để cho sự phân tách chổi dậy khiến chúng ta sanh ra ham mê, ghét bỏ, vui, buồn, giận... Hãy tìm cách chặn đứng chỗ phân-tách, chỗ nguyên nhân sanh ra thích, ghét, vui, buồn... đấy là nương theo phép TU.

*Tranh số 3 : Chịu phép ( Thọ chế)*

Trâu bắt đầu tuân phục theo người, không còn chạy ngược chạy xuôi nữa. Trâu đã trắng tới đầu. Chú mục đồng cầm dây mũi dẫn trâu lội qua suối, xuyên qua mây, mỗi bước mỗi bước trâu đều đi theo chú, chú đi đâu trâu đi theo đó. Tay chú vẫn cầm roi và nắm chặt dây vàm, không phút giây lơ lửng. Chú mục đồng trọn ngày lo chăn trâu quên cả mệt nhọc.



**GIẢNG:** Người tu sau một thời gian cố gắng nỗ-lực tu-tập, tâm không còn điên-đảo rong ruổi nữa. Vọng-niệm vừa dấy lên liền thấy, vọng niệm tự lặng, thường xuyên tỉnh giác không dám lơ lửng. Song, vọng niệm vẫn cứ khởi hoài, tuy nhiên mỗi lần vọng niệm dấy khởi liền thấy, vọng niệm tự lặng không phải nhọc lòng rầy la như trước nữa.

*Tranh số 4 : Quay đầu ( Hồi thủ)*

Đã lâu ngày chú mục đồng ra sức chần giữ, giờ đây trâu mới chịu quay đầu. Tâm điên cuồng sức ngang ngạnh của nó bây giờ đã được điều-phục dần dần. Tuy vậy, chú mục-đồng vẫn chưa tin nó đã thuần nên vẫn còn cột dây mũi vào cây để chần giữ, chưa cho nó đi tự do.



*GIẢNG : Nhờ công-phu tu-tập lâu ngày, nên tâm tạm thuần, vừa khởi niệm liền thấy thì vọng niệm tự lặng mất, không phải nhọc nhằn kèm giữ hay quở nạt, chỉ cần thấy vọng niệm là vọng niệm tự lặng mất. Đó là công phu tu đã được sâu nên sức cuồng loạn của tâm đã tạm dừng. Nhưng vọng niệm còn dấy còn khởi, nên phải thường xuyên tỉnh-giác không lơ lửng. Tu tới đây bớt nhọc nhằn, dụng công tu tập được nhẹ nhàng.*

*Tranh số 5 : Vâng chịu ( Thuần-phục)*

Bên bờ suối xưa, dưới bóng cây liễu xanh, chú mục đồng đứng chơi, tay chú chỉ cầm roi mà không giữ vàm. Bây giờ, trâu đã trắng hai phần ba. Đối với trâu, chú thả ra hay giữ lại không còn khó khăn nữa. Trời chiều, mây xanh, cỏ thơm, trâu theo chú mục đồng cùng trở về nhà.



*GIẢNG: Tu tới đây, lúc cần suy nghĩ thì suy nghĩ, lúc không cho suy nghĩ thì lặng lẽ, muốn ngồi thiền thì ngồi, muốn đi thì đi, muốn dừng thì dừng, không khó khăn. Tu càng tiến thì tâm càng nhẹ nhàng thành-thời, cảnh vật chung quanh càng đẹp càng nên thơ. Người khi mới tu, tâm cuồng loạn vì nhiều chấp nê phiền não nên thấy cảnh vật u buồn, thấy người xấu, người khó, ai cũng làm phiền mình. Nhưng nếu khéo điều phục một thời gian, tâm thuần thực an vui, thấy ai cũng tốt, cũng dễ thương, cảnh vật cũng tươi đẹp. Để thấy, tu là chuyển nội tâm mình trở nên thanh tịnh tốt đẹp, chớ không phải chuyển cảnh vật bên ngoài.*

*Tranh số 6 : Không ngại ( Vô ngại)*

Trâu đã trắng toàn thân, chỉ còn đen ở cái đuôi, nó thản nhiên nằm ngủ ở dưới đất trống, không còn dây mũi, không còn roi để câu thúc kèm chế. Dưới cội tùng xanh, chú mục đồng ngồi nghỉ chơi, thổi sáo hát một bản nhạc thanh bình vui thật là vui.



*GIẢNG: Tu tới khi tâm an vui lặng lẽ khỏi phải dụng công kèm chế, lúc đó thành-thời nhàn hạ, thổi sáo hát ca trong hân hoan.*

*Tranh số 7 : Tha-hồ (Nhiệm vận)*

Bờ liễu xanh lặng lẽ, hồ xuân lặng sóng, nước trong nên phản chiếu ánh sáng, lại có khói mờ, cỏ thơm màu xanh thắm đẹp như nhung. Chú mục-đồng tùy thời đói thì ăn, khát uống, rồi trên tấm đá chú ngủ một giấc say sưa.

*GIẢNG: Tu tới gian đoạn tâm lặng lẽ mà sáng soi thì không còn dụng công tu-tập nữa, nhìn thấy cảnh vật rất nên thơ đẹp đẽ. Lúc bấy giờ tùy thời đói ăn khát uống, mệt ngủ, không bận lòng với thế sự. (Tu tới chỗ tâm lặng lẽ sáng soi thì đói ăn mệt ngủ được, nếu tâm còn dong ruổi chạy nhảy lạng xăng mà đói ăn mệt ngủ là buông lung, phóng túng, cần phải răn phạt).*



*Tranh số 8 : Cùng quên ( Tương vong)*

Con trâu trắng thường nằm trong mây trắng, trâu không để ý tới người, người cũng không nghĩ tới trâu. Trắng sáng soi qua mây trắng, bóng mây hiện vẫn là màu trắng. Trắng trong mây trắng tự nó qua đông hay qua tây không ngăn ngại.

*GIẢNG: Tâm thanh-tĩnh thì cảnh vật cũng thanh-tĩnh, tu đến chỗ vô tâm thì tự tại vô ngại. Đây mượn hình ảnh trắng trong mây trắng để nói lên trạng thái vô tâm, tự tại vô ngại.*



*Tranh số 9 : Soi riêng ( Độc chiếu)*

Trâu không còn, chú mục-đồng rất là nhàn hạ. Bây giờ bầu trời xanh chỉ còn có một mảnh mây nhỏ vắt ngang qua. Chú mục-đồng vỗ tay hát ca dưới bầu trời trong trắng sáng. Trên đường về nhà vẫn còn có một lớp cổng chắn ngang, chưa qua suốt.

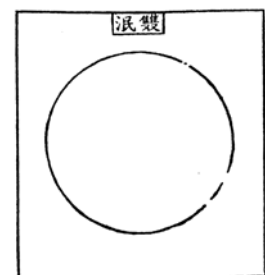
*GIẢNG: Tới đây là chỗ bất nhị, bởi không còn hai nên không còn tâm, mà không còn tâm (trâu) thì tu-tập cũng không thành tu-tập. Chỉ có người vui ca hát dưới bầu trời trong trắng sáng. Tuy tới chỗ không hai, không còn dụng công tu-tập, hành-giả đã thành-thời rồi, nhưng chưa phải là rồi mà còn phải qua một lớp cổng nữa mới xong.*



*Tranh số 10 : Dứt cả hai ( Song dẫn)*

Người không còn, trâu cũng mất, dấu cũng không, chỉ còn ánh trắng sáng bàng-bạc cả bầu trời không có một hình bóng của vạn vật. Muốn hỏi đại ý của Phật Pháp là gì ? - Chỉ là hoa đồng cỏ nội tự nó xanh tươi, chẳng ai phí công trồng trọt, mọi vật đều sẵn vậy.

*GIẢNG: Lý đạo đến chỗ Ngã Pháp đều vong thì hoàn toàn thanh-tĩnh sáng suốt viên mãn. Vòng tròn trắng tượng trưng cho tánh viên giác tròn sáng. Các Thiên-sư gửi thơ cho nhau muốn nói chỗ giác ngộ viên-mãn chỉ vẽ một vòng tròn, không viết thêm một chữ, không nói thêm một lời.*



## IV. TRANH THIÊN-TÔNG

### A . NỘI DUNG

Cũng như ở hầu hết các pháp môn khác, vấn đề đặt ra cho Thiền vẫn là sự 'hàng phục kỳ tâm'. Tâm của Đại-thừa là ngã tướng. Đến Thiền thì cái ngã được thu hẹp thành cái niệm. 'Tôi tư-duy, tức có tôi'. Niệm là ý nghĩ, là tư-duy, được coi là phần tử cốt cán của cái 'tôi'. Nên Thiền dạy vô niệm, dạy cắt đứt suy tư, bất cứ suy tư gì :

Vô niệm : niệm tức chánh

Hữu niệm : niệm thành tà

(Pháp Bảo Đàn kinh)

Do đó Thiền kỳ lý luận, không giảng dạy, thường chỉ ngâm miệng quên lời, thảng hoặc có nói thì thường chỉ nói bằng lối phi lý-luận. Trong quá-trình phân phái của đạo Phật, Thiền quả là nhát búa cuối cùng đập vào óc thông-minh ưa lý-luận mà loài người chúng ta hằng tự phụ.

Trong hệ thống các pháp môn, Thiền là đốn giáo, chủ-trương thấy được tánh là tức-khắc thành Phật, tại đây và ngay ở phút giây này. Tuy nhiên, pháp môn nào cũng có tu và có chứng. Chứng là một biến cố đột ngột, ngoài thời gian. Đó là một sự thật quá ư thật, như tiểu-sử nhiều thiền tổ đã chứng rõ. Nhưng cũng vẫn những tiểu sử ấy còn cho ta thấy trước khi được đốn ngộ, hầu hết các tổ, và trước hết là Phật-tổ, đều trải qua nhiều đoạn đường dọ dẫm rất gay go. Như vậy là sự tu-tập vẫn phải đặt trong chiều thời gian mà đi đến lần hồi vậy, hay nói một cách khác: tu thì tiệm mà chứng thì đốn.

### B. HÌNH THỨC TRANH VÀ Ý NGHĨA

*Tranh số 1 : Tìm trâu (Tầm ngưu)*

Chú mục-đồng lòng nao nao bồn chồn vạch cỏ bụi để tìm kiếm trâu. Chú lội qua suối sâu, chú trèo lên núi cao, chú vượt đường dài xa thẳm. Sức chú đã kiệt, tinh thần chú đã mỏi mệt, nhưng chú vẫn chẳng biết trâu ở đâu mà tìm. Trời chiều, giữa cảnh rừng rậm, chú chỉ nghe trên cành cây tiếng ve ngâm.



*GIẢNG: Trong một phút giây khác thường nào đó, đặc biệt trong cảnh thanh vắng, nhàn rỗi, tâm-trí nhẹ-nhàng, tự nhiên niềm suy-tư của chúng ta đâm ra ngờ vực về bản-thể của mình, về cảnh vật quanh mình, muốn tìm cho ra chân-lý cuộc đời. Người bắt đầu tìm hiểu qua sách vở, kinh-điển, bắt đầu tu-tập. Người mới tu với tất cả ý-chí dũng mãnh thiết tha, muốn tu cho thành tựu đạo quả, nên đến hết đạo-tràng này, lại đến Pháp hội kia để học hỏi tìm tòi. Càng đi tìm tòi, càng học hỏi thì càng nhọc sức, vẫn không nắm bắt được cái mà mình muốn kiếm tìm. Nhìn lại, chỉ thấy sinh-hoạt cũ kỹ của ngày tháng qua.*

*Tranh số 2 : Thấy dấu ( Kiến tích)*

Bên bờ sông, trên bờ suối, dưới mé rừng dẫu trâu rất nhiều nên chú mục đồng vạch cỏ cây lùm bụi để tìm trâu. Chú cho rằng trâu sẽ ở đâu đây. Dẫu cho là núi sâu lại ở chỗ sâu thẳm, nhưng mà lỗ mũi cao ngất trời giấu đâu được nữa. Tức là tìm kiếm mà thấy dấu rồi nhất định sẽ thấy trâu không nghi ngờ.



*GIẢNG: Lời Phật dạy trong Kinh, lời Tổ dạy trong Luận, trong Ngũ lục, là mỗi chúng sanh đều có sẵn Tánh-giác. Hành giả tin Phật, Tổ không nói dối nên gắng sức tu tập theo lời Phật Tổ dạy, không sớm thì muộn chắc chắn sẽ thành Phật.*

*Tranh số 3 : Thấy trâu ( Kiến ngu)*

Trên cành cây, chim hoàng oanh hót từng tiếng, từng tiếng. Trời ấm, gió mát, trên bờ có rặng liễu xanh. Chỉ ở đây, không có chỗ xoay lại được nữa. Rõ ràng trâu hiện đầu sừng ra rồi mà vẽ không được.



*GIẢNG: Ngay khi mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, không khởi thức phân biệt đẹp xấu, hay dở, thấy chỉ thấy, nghe chỉ nghe ... ngay khi đó Tánh thấy, Tánh nghe ... đang hiện hữu rõ ràng. Thế Tánh chân thật hiển hiện rõ ràng mà không diễn tả được.*

*Tranh số 4 : Được trâu ( Đắc ngu)*

Chú mục-đồng tận dụng hết sức lực mới bắt được trâu, xỏ mũi cột vàm. Tuy bắt được nó rồi, nhưng tâm nó cang cường, sức nó mạnh mẽ nên khó chế ngự điều phục, lại có khi nó vừa đến cao nguyên lại chui vào mây khói ở sâu trong đó.



*GIẢNG: Hành-giả đã tận lực huân tu mới nhận được thể tánh chân thật của chính mình. Tuy đã nhận ra, nhưng nó không thường hiển lộ, vì tập khí lâu đời nên mỗi khi Căn tiếp xúc với Trần liền phân biệt tốt xấu, hay dở chớ không nhớ mình có 'CÁI BIẾT KHÔNG PHÂN BIỆT', và cứ thế chạy theo trần cảnh khởi vô số vọng niệm khó mà điều phục. Cao-nguyên là dụ cho tâm thể chơn thật đang hiển hiện, mây khói là dụ cho thức tình vọng tưởng. Có khi tâm thể chơn thật mới vừa hiện ra chưa được ba phút, nó lại ẩn trong đám mây mờ vọng tưởng đang dấy khởi. Bị vọng tưởng che phủ, nó không hiện nữa, giống như trâu lên cao nguyên đứng thì dễ thấy, nếu nó lúi vô đám sương mù thì mất hút. Tâm chúng ta cũng vậy, mới vừa an lặng rõ ràng hiện tại, hiện trong phút chốc lại bị che mất bởi vọng tưởng nữa. Hình ảnh này diễn tả thật cụ-thể sự tu-tập rất khó khăn ở giai-đoạn đầu.*

*Tranh số 5 : Chăn trâu ( Mục ngư)*

Roi và dây chú mục-đồng luôn luôn nằm trong tay không bao giờ rời. Chú sợ trâu nháy vọt vào lùm bụi, nên phải luôn luôn chần thật kỹ. Bao giờ trâu được thuần rồi, thì chừng đó mới buông dây mũi không kèm chế nữa, trâu tự nó đi theo chú.

**GIẢNG:** Tuy đã nhận ra thể tánh chân thật rồi nhưng vọng niệm vẫn còn dấy khởi, nên hành giả phải luôn luôn phản tỉnh, niệm dấy liền biết không theo, và thường xuyên tỉnh giác. Như thể lâu ngày tâm sẽ thuần, chừng đó muốn khởi niệm thì niệm khởi, không muốn khởi niệm thì tâm lặng lẽ thanh-tịnh.



牧牛

*Tranh số 6 : Cỡi trâu về nhà ( Kỳ ngư quy gia)*

Chú mục-đồng cỡi trâu đi bên vệ đường để trở về quê nhà. Tiễn biệt trời chiều, miệng chú thổi sáo vi-vu, tay chú gõ nhịp, chú ca câu ca tuyệt vời. Bây giờ, trâu đã trở thành bạn tri-âm của chú. Chú đâu nó đó, chú không còn rầy la đánh đập nó nữa.

**GIẢNG:** Người tu điều-phục tâm đến chỗ thị phi gác bỏ ngoài tai, được mất không bận lòng, sống trọn ngày chỉ biết cười vui, tự mình cũng không nhọc nhằn dụng công, người hướng dẫn tu cũng vui cười, không còn bận lòng nhắc nhở hoặc la rầy.



騎歸家牛

*Tranh số 7 : Quên trâu còn người ( Vong ngư tồn nhân)*

Chú mục đồng đã cỡi trâu về đến nhà rồi, chú không còn bận lòng nghĩ đến trâu để chần nữa, nên nói trâu đã không, người cũng rảnh. Vì còn trâu là còn chần giữ, nay trâu không còn, chú được rảnh rang nhàn rỗi nên sáng ngày, mặt trời lên ba sào mà chú vẫn còn ngủ say. Khi ấy, dụng cụ chần trâu như roi dây không cần, quăng hết vô nhà cỏ.

**GIẢNG :** Cũng vậy, khi tâm vọng không còn dấy khởi nữa, hoàn toàn lặng lẽ, tức là tâm đã trở lại chỗ ban sơ thanh tịnh sáng suốt thì hành giả không còn dụng công tu-tập nữa, đối với mọi vật không bận lòng, tùy thời đói ăn mệt ngủ.



忘人牛

*Tranh số 8 : Người trâu đều quên ( Nhân ngư câu vong)*

Trâu đã không, nên roi gậy cũng bỏ, người chần cũng không nốt. Trời xanh thênh-thang không có một gợn mây, thì lúc đó trông thấy cái gì ? Cho nên tin tức không thông được. Lò lửa đỏ hừng đâu còn một mảnh tuyết. Chừng đó mới hiệp với con đường Phật, Tổ đi.

**GIẢNG:** Người khi đã vượt qua kiến chấp đối đãi hai bên thì không còn ngã và pháp. Ngã pháp không còn thì trí-huệ viên-mãn, nên tượng trưng bằng vòng tròn viên-giác, chỗ mà Lục-tổ nói 'Bản lai vô nhất vật' đó vậy.



忘人牛

*Tranh số 9 : Trở về cội nguồn ( Phán bốn hoàn nguyên)*

Phán bốn hoàn nguyên đã phí công  
 Đâu bằng thẳng đó tợ mù câm  
 Trong am chẳng thấy ngoài vật khác  
 Nước tự mênh mông hoa tự hồng



*GIẢNG: Cội nguồn là thể chân thật, nó vốn sẵn có như vậy, không cần phí công để tìm, không cần phí sức để trở lại. Chỉ cần mắt thấy sắc không phân biệt đẹp xấu, tai nghe tiếng không phân biệt hay dở. Thấy nghe mà không phân biệt tốt xấu hay dở, cũng giống như mù như điếc nên nói mù câm. Trong am là chỉ cho tâm thể thanh thang trùm khắp không có một vật gì ngoài nó.*

*Chừng đó mới thấy tự-tại, thấy nước mênh mông, thấy hoa tự nở hồng nở tía mà không bận tâm không vương mắc, đó là phán bốn hoàn nguyên, gọi là vào cảnh giới Phật.*

*Tranh số 10 : Thông tay vào chợ (Nhập triền thùy thú)*

Thiền-sư mặc áo bầy ngực, chân không giày dép đi vào chợ để làm những việc rất tầm thường như người đời. Miệng cười hỉ hạ tới mép tai, không cần gìn giữ giới hạnh mẫu mực của người tu, không thuyết giảng giáo lý cao-siêu mẫu-nhiệm, chỉ làm một con người rất tầm thường để dạy cho những người bán cá bán thịt ở ngoài chợ, ở quán rượu, là những con người không có chút đạo-đức, khiến cho họ có chút đạo-đức biết tu hành. Đó là trọng trách giáo hóa của người tu đã đến chỗ viên-mãn.



*GIẢNG: Chỗ này là chỗ thiết yếu, hành giả cần phải hiểu cho rõ, người tu sau khi vào cảnh giới Phật tức là đã triệt ngộ, rồi mới vào cảnh giới ma để xả thân vào đời, làm lợi ích cho đời. Nếu chưa ngộ, chưa vào cảnh giới Phật mà vào cảnh giới ma, tự mình đã không tiến tu mà cũng không làm lợi ích cho người được, thì chắc chắn sớm muộn gì cũng thành ma. Đừng nghe loáng-thoáng, hiểu lơ-mờ rằng mỗi người ai cũng có Phật-tánh, cho rằng mình cũng có ông Phật rồi tùy ý phóng dăng, ăn nhậu, chơi bời làm nhiều chuyện tội-lỗi, thì sẽ rơi vào địa-ngục như tên bắn. Vì vậy, học là phải hiểu và tu cho chính chắn, cho thấu suốt để tu tập không sai lầm, và tu đến nơi đến chốn.*

**V.- KẾT LUẬN**

'Thập Mục Ngư Đồ' theo tinh thần Đại-thừa, vẽ lại quá trình công phu của người học đạo, trước hết tự thẳng bản năng mình, sau tự trị, cuối cùng chỉ để tự-tại thôi. Cái vòng tròn tranh thứ 10 Dứt cả hai (Song dẫn) tượng trưng cho sự đoạn-tuyệt tất cả những nếp suy tư, cắt đứt hẳn một trạng thái ý thức và hiện hữu mà thường chúng ta không được biết.

Và yếu-lý chung của 10 bức tranh Thiền Tông, được diễn tả qua bài kệ được dịch nghĩa :

*Tìm trâu cần phăng dẫu,  
Học đạo cốt vô tâm  
Dấu đâu thì trâu đó  
Vô tâm đạo dễ tầm .*

Và sau đây bảng đối chiếu để chúng thấy sự sai khác giữa hai loại tranh, về hình-thức cũng như nội dung :

Tranh Đại-Thừa	Tranh Thiền Tông
1. Chưa chặn	1.- Tìm trâu
2.- Mới chặn	2.- Thấy dấu
3.- Chịu phép	3.- Thấy trâu
4.- Quay đầu	4.- Được trâu
5.- Vâng chịu	5.- Chặn trâu
6.- Không ngại	6.- Cỡi trâu về nhà
7.- Tha hồ	7.- Quên trâu còn người
8.- Cùng quên	8.- Người trâu đều quên
9.- Soi riêng	9.- Trở về cội nguồn
10.- Dứt cả hai	10.- Thông tay vào chợ

Đối với Lam viên sanh trưởng tại Âu-châu này, nếu hình ảnh con trâu có phần xa lạ, anh chị có thể đổi trâu thành hình ngựa, bò, chó, mèo ... cho được gần gũi thân thương và nếu chó mèo không cưỡi được, lại cứ đổi nữa thành ẵm, ôm vào lòng cũng chẳng sao, miễn nhận được Lý (Tâm) là được rồi, tất cả đều là phương tiện.

Chí-Pháp  
Uy-viên Nghiên-Huấn  
Ban Hướng dẫn Âu-Châu  
Hòa-Lan, 6/4/ 1997

# BÁT CHÁNH ĐẠO

## I. MỞ ĐỀ

Trong 37 món trợ đạo, Bát Chánh Đạo là một pháp môn thường được coi như là pháp môn chính, được nhắc nhở đến nhiều nhất. Vì thế, khi nói đến Đạo Đế là người ta liền tưởng đến Bát Chánh Đạo. Thậm chí có người tưởng lầm rằng Đạo Đế với Bát Chánh Đạo là một.

Sở dĩ Bát Chánh Đạo được xem là pháp môn chính của Đạo Đế vì pháp môn này rất đầy đủ có thể bao gồm được các pháp môn khác của Đạo Đế. Nó rất phù hợp với mọi căn cơ, mọi thời đại, mọi phương sở, đối với Tiểu Thừa cũng như Đại Thừa, người Đông phương cũng như Tây phương ai ai cũng đều công nhận giá trị hoàn toàn cao cả của Bát Chánh Đạo, và đều áp dụng, pháp môn này trong sự tu hành của mình để đoạn trừ phiền não, khổ đau, hầu bước lên con đường giải thoát, an vui, tự tại.

## II. CHÁNH ĐỀ

### A- Định nghĩa Bát Chánh Đạo

Bát Chánh Đạo là tám con đường ngay thẳng, hay tám phương tiện mẫu nhiệm đưa chúng sinh đến đời sống chí diệu.

Người ta cũng có thể dịch nghĩa "Bát Chánh Đạo" là con đường chính có tám nhánh, để đưa chúng sinh đến địa vị Thánh.

Cũng có khi người ta gọi Bát Chánh Đạo là "Bát Thánh Đạo" vì cái diệu dụng của nó sau đây:

- Những kẻ phạm phu học đạo, noi theo pháp môn này mà tu, thì khỏi lầm lạc vào nẻo nguy hiểm, lần hồi sẽ chứng được quả Hiền Thánh.
- Những bậc Hiền, Thánh nương theo tám phương tiện này sẽ đi đến cảnh Niết Bàn.

Bát Chánh Đạo gồm có:

- Chánh Kiến
- Chánh Tư Duy
- Chánh Ngữ
- Chánh Nghiệp
- Chánh Mạng
- Chánh Tinh Tấn
- Chánh Niệm
- Chánh Định

### B- Nội dung và giá trị mỗi thành phần của Bát Chánh Đạo.

#### 1. Chánh Kiến:

Chánh là ngay thẳng, đúng đắn; Kiến là thấy; nghe hay biết một cách ngay thẳng, công minh, đúng với sự thật khách quan. Người có chánh kiến thấy như thế nào thì nhận đúng như thế ấy, không lấy trắng làm đen, xấu làm tốt, dở làm

hay, hay trái lại. Sự nhận xét sự vật của người ấy không bị tập quán, thành kiến, dực vọng ngăn che hay làm sai lạc. Người có chánh kiến biết phân biệt cái nào giả, cái nào thật. Và khi đã biết cảnh giả, vật dối, thì mắt không chăm, tâm không chú; còn khi rõ biết cảnh vật thật, lời lẽ chân thì chuyên tâm vào sự lý chân thật làm cho đèn huệ sáng ngời, tiền trần không phương che án được.

## 2. Chánh Tư Duy:

Tư duy là suy nghĩ, nghiệm xét; nó thuộc về ý thức. Chánh Tư Duy là suy nghĩ, xét nghiệm chân chánh, tư tưởng đúng với lẽ phải.

Người tu theo Chánh Tư Duy, thường xét nghĩ đạo lý cao siêu, suy tìm thể tánh nhiệm mầu, biết xét những hành vi lỗi lầm, những ý nghĩ xấu xa để sám hối; biết suy nghĩ về ba món vô lậu học: Giới, Định, Huệ, để tu giải thoát; biết suy xét vô minh là nguyên nhân đau khổ, là nguồn gốc của tội ác, và tìm phương pháp đứng đắn để tu hành hầu giải thoát cho mình và cho người.

## 3. Chánh Ngữ:

Ngữ là lời nói: Chánh Ngữ là lời nói chân thật, công bình, ngay thẳng và hợp lý.

Người tu theo Chánh Ngữ, không bao giờ nói sai thật, không thiên vị, thấy dở nói hay, không xuyên tạc, nghe một đường nói một ngả. Người theo Chánh Ngữ rất thận trọng lời nói; trước khi muốn nói gì phải suy nghĩ coi có lợi ích và chân thật không. Xưa đức Khổng Tử vào giếng chốn cổ miếu, thấy bức tranh họa một hình người bị kẹp miệng ba lần, ngài quay lại dạy môn đệ phải cẩn thận lời nói.

Ngày xưa, trước khi đức Phật sắp nhập Niết Bàn, có đệ tử hỏi:

- Bạch đức Thế Tôn, khi Phật nhập Niết Bàn rồi, người đời sau gặp nhiều sách vở ngoại đạo, không sao phân biệt với Kinh Phật, như thế, biết tin theo lời nào tu?

Phật dạy:

- Chẳng luận là lời nói của ai miễn lời ấy đúng sự thật, hợp chân lý thì cứ tin theo mà tu.

Vậy, phàm những lời nói đúng, hợp lẽ, có lợi ích cho toàn thể chúng sinh là chánh ngữ. Những lời nói ấy chúng ta phải tin theo và tập nói cho đúng như thế.

## 4. Chánh Nghiệp:

Nghiệp là do người Trung hoa dịch chữ Phạn **Karma** mà ra. Nghiệp hay Karma nghĩa là hành động tạo tác.

Chánh Nghiệp là hành động, việc làm chân chính, đúng với lẽ phải, phù hợp với chân lý, có lợi ích cho người lẫn vật.

Người theo đúng "Chánh nghiệp" là người luôn luôn thận trọng, giữ gìn mọi hành động của mình, để khỏi làm tổn hại đến quyền lợi, nghề nghiệp, địa vị, danh giá, hạnh phúc, tánh mạng của người khác. Hơn nữa người theo đúng chánh nghiệp bao giờ cũng tôn trọng lương tâm nghề nghiệp của mình, luôn luôn hành động có lợi cho mọi người, mọi vật; và nếu cần, có thể hy sinh quyền lợi hay tánh mạng mình để giải thoát nỗi đau khổ cho người khác

Ngoài ra, cũng gọi là Chánh nghiệp, khi dùng trí huệ để quán tưởng những pháp chân chính, hoặc ngồi thiền, niệm Phật, hoặc trì tụng kinh hành, để giữ gìn thân, khẩu, ý ba nghiệp cho thanh tịnh.

### 5. Chánh Mạng:

Mạng là sự sống, đời sống. Chánh Mạng là sinh sống một cách chân chính bằng nghề nghiệp lương thiện, trong sạch của mình. Người theo đúng Chánh mạng sống một cuộc đời ngay thật, không gian tham, không làm giàu có trên mồ hôi, nước mắt của người khác, không làm cho người và vật phải đau khổ vì nghề nghiệp của mình. Người theo đúng Chánh mạng sống một cuộc đời có ý nghĩa lợi mình, lợi người, xứng với bát cơm mình ăn, mảnh áo mình mặc chứ không ăn không ngồi rồi, sống bám vào người khác.

Người theo Chánh mạng sống đúng chánh pháp, không mê tín dị đoan và biết thân tứ đại vốn vô thường, nên lấy tịnh giới làm thể, lấy trí huệ làm mạng, bỏ niệm vọng cầu, an vui với chánh pháp.

### 6. Chánh Tinh Tấn:

Chữ tinh tấn ở đây cũng cùng nghĩa như tinh tấn đã nói là chuyên cần, siêng năng, thẳng tiến đến mục đích đã vạch sẵn không vì một lý do gì mà lùi bước. Chánh Tinh Tấn là chuyên cần, siêng năng làm việc chính nghĩa, lợi lạc cho mình cũng như cho người và vật.

Người theo đúng Chánh Tinh Tấn, trước tiên, bao giờ cũng hăng hái sửa mình, cương quyết bài trừ những điều ác, quyết tâm phát triển mọi hạnh lành (xem Tứ Chánh Cần). Người theo đúng Chánh Tinh Tấn, dũng mãnh tiến lên trên đường đi đến giải thoát, cho đến lúc nào đạt được mục đích cao cả, cùng tột ấy mới thôi.

Nói tóm lại, người theo đúng Chánh Tinh Tấn, quyết tạo nghiệp vô lậu xuất thế gian, lấy chánh trí làm mãnh lực, lấy Niết Bàn làm chỗ quy hướng, một lòng chẳng trễ, muôn kiếp không dờ, cố gắng công phu, quyết định thành đạo quả để trước tự độ, sau hóa độ chúng sanh.

### 7. Chánh Niệm:

Niệm là ghi nhớ. Chánh niệm là ghi nhớ đến những điều hay lẽ phải, những điều lợi lạc cho mình, cho người, những đạo lý chân chính quý trọng cao siêu. Chánh niệm có hai phần:

- Chánh Ưc Niệm: là nghĩ nhớ đến các điều lỗi lầm để thành tâm sám hối và nghĩ nhớ đến Tứ Trọng Ân: ân cha mẹ, ân tổ quốc, ân chúng sinh và ân Tam bảo để lo báo đền.
- Chánh Quán Niệm: là dùng tâm từ bi xét nghĩ cuộc đời là khổ não, tật bệnh, mê mờ mà chúng sanh đang mắc phải, để mở rộng lòng thương yêu và quyết ra tay cứu độ.

Người theo đúng Chánh Niệm, thường quán sát cảnh chân để năng tưởng niệm các pháp trợ đạo, bất luận ở đâu và làm gì, cũng nhớ nghĩ đến cái quả vô lậu xuất thế gian, dù trải qua bao nhiêu số kiếp cũng không thối tâm xao lãng.

### 8. Chánh Định:

Chữ "Định" ở đây cũng đồng nghĩa như những chữ định trong các bài trước, nghĩa là tập trung tư tưởng vào một vấn đề gì, để thấy cho rõ ràng. Chánh Định là tập trung tư tưởng vào một vấn đề chính đáng, đúng với chân lý, có lợi ích cho mình cho người.

Người theo đúng Chánh Định, thường tập trung tư tưởng để quán sát những vấn đề chính sau đây:

- Quán thân bất tịnh (bất tịnh quán) tức là quán tưởng thân không thanh tịnh, để trừ tham dục, si ái (xem đoạn quán thân bất tịnh trong Tứ Niệm Xứ)
- Quán Từ Bi (từ bi quán) là quán tưởng tất cả chúng sanh đều là một chân tâm, bình đẳng không khác, để đoạn trừ thù hận và mở rộng lòng thương yêu để cứu độ chúng sanh.
- Quán nhân duyên (nhân duyên quán) là quán tưởng tất cả pháp hữu hình như muôn vật, vô hình như tâm niệm đều là giả hợp, duyên nhau mà có, chứ không có một cách chân thật, không thường tồn, để đoạn trừ ngu si, pháp chấp.
- Quán hơi thở (sổ tức quán) nghĩa là quán tưởng bằng cách chuyên chú đếm hơi thở ra vào, đối trị sự tán loạn của tâm thức.

### III. KẾT LUẬN

Như đã nói ở đoạn mở đầu, Bát Chánh Đạo là pháp môn rất được thông dụng. Sự thông dụng này sở dĩ có được là nhờ lợi ích thiết thực và quý báu của nó đối với đời sống cá nhân của người tu hành, đối với xã hội, và đối với đời sống tương lai. Có thể tóm tắt những lợi ích, hay công năng của Bát Chánh Đạo trong ba điểm sau đây:

1. Cải thiện tư thân: Nếu con người chuyên tu theo tám đường chánh này, thì sửa đổi được tất cả mọi sự bất chính, mọi tội trong đời sống hiện tại của mình, như ý niệm mê mờ, ngôn ngữ đảo điên, hành vi sai quấy, đời sống vô luân. Khi những điều trên đây đã được cải thiện, thì tất cuộc đời riêng của mỗi người sẽ chân chính, lợi lạc và thiện mỹ.
2. Cải thiện hoàn cảnh: Nếu trong xã hội ai ai cũng để tâm chuyên tu theo tám đường chánh này, thì cảnh thế gian sẽ an lành, tịnh lạc, không còn chiến tranh xâu xé giết hại lẫn nhau.
3. Sẽ chứng quả Bồ Đề: Người chuyên tu theo tám đường chánh này, không những có nhiều lợi lạc trong cuộc đời hiện tại mà còn gây tạo cho mình một tương lai tươi sáng, gieo trồng cho mình những hạt giống Bồ Đề để ngày sau gặt hái quả vô thượng Niết Bàn, đầy đủ bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

Vì những lợi ích quý báu như thế, mọi Phật Tử hãy phát nguyện cương quyết tu theo Bát Chánh Đạo.

# BÁT QUAN TRAI GIỚI

## I. MỞ ĐỀ

Đức Phật Thích Ca nói Pháp gần 50 năm, có đến 84.000 pháp môn, vô lượng diệu nghĩa. Mặc dù giáo pháp nhiều như thế, nhưng không ngoài ba môn chính là "giới, định, huệ"

Trong "giới, định, huệ" thì **giới** là phần quan trọng, là phần căn bản. Nhờ giới, tâm mới định, tâm có định, huệ mới phát sanh, huệ có phát sanh mới dứt trừ được vô minh phiền não; vô minh phiền não có dứt trừ mới minh tâm kiến tánh và thành Phật. Nhưng giới cũng có nhiều thứ: có thứ cao, thứ thấp, có thứ áp dụng cho hàng xuất gia, có thứ cho hàng tại gia. Trong hàng xuất gia, thì Sa Di chỉ giữ 10 giới, Tỳ Kheo giữ 250 giới, Tỳ Kheo Ni đến 348 giới. Về phía tại gia thì có Tam Quy, Ngũ Giới, Bát Quan Trai Giới, Bồ Tát Giới. Tam Quy, Ngũ Giới thì chúng ta đã học rồi; Bồ Tát Giới thì khó khăn hơn, chúng ta sẽ học sau. Bây giờ đây, chúng tôi chỉ nói đến Bát Quan Trai Giới.

## II. CHÁNH ĐỀ

### A- Định nghĩa.

Bát Quan Trai Giới là một phép tu hành của người tại gia áp dụng trong một ngày một đêm (24 giờ). Chữ "Quan" là cửa, cửa ngăn chặn tám điều tội lỗi. Chữ "Trai", tiếng Phạn là **Posadha**, nghĩa là khi đã quá giờ Ngọ (12 giờ trưa) không được ăn nữa. Vậy "Bát Quan Trai Giới" là sự giữ gìn cho thân tâm được thanh tịnh trong 24 tiếng đồng hồ bằng cách ngăn chặn tám điều tội lỗi sau đây:

1. Không được sát sanh
2. Không được trộm cướp
3. Không được dâm dục
4. Không được nói dối
5. Không được uống rượu
6. Không được trang điểm, thoa dầu thơm, múa hát và xem múa hát.
7. Không được nằm ngồi giường cao rộng đẹp đẽ.
8. Không được ăn quá giờ Ngọ.

### B- Giảng rõ tám điều răn cấm nói trên.

#### 1. Không được sát sanh

Chúng sanh, mặc dù hình dáng có khác nhau, nhưng cùng có một điểm quan trọng giống nhau là tham sống, sợ chết, biết đau khổ vui mừng. Không cần phải dẫn chứng cho xa xôi, ngay trong sự quan sát hằng ngày, chúng ta cũng nhận thấy: cá thấy người cá lội xa, chim thấy người chim bay cao, cũng như người thấy cọp người lẩn trốn, vì đều sợ lâm nguy đến tánh mạng cả. Khi bị bắt, chim, cá hay người đều vùng vẫy để cố trốn thoát. Và khi được thả ra, thoát chết, chao ôi! Còn gì sung sướng cho bằng !. Nhận thấy được sự tham sống sợ chết, nỗi vui mừng, đau xót của muôn loài như thế, mà chúng ta còn đang tâm giết hại sanh mạng, thì thật là nhẫn tâm, tàn ác vô cùng.

Từ trước đến nay, loài người đã giết hại rất nhiều, bằng đủ phương tiện, nào làm lưới để bắt cá dưới nước, dùng cung tên súng đạn để bắt cầm thú trên đất... và nhất là dùng mưu mô kế hoạch để giết hại chém giết lẫn nhau. Về phía thiện, thì có nhiều người cũng thiện vô cùng; nhưng về phía ác, thì rất nhiều người ác vô cùng.

Chúng ta là Phật Tử, nghĩa là những người theo Đạo Từ Bi. Chúng ta cần phải cố gắng đừng sát hại sinh vật và nhất là đừng sát hại người. Về sự sát hại người, trong ngũ giới Phật đã tuyệt đối cấm chỉ, và chúng ta cũng đã phát nguyện giữ giới ấy. Nhưng về sinh vật, vì một số Phật Tử còn ăn mặn, nên chưa tuyệt đối giữ được giới sát. Vậy ít ra trong ngày thọ Bát quan Trai, chúng ta hãy tuyệt đối giữ giới ấy. Chúng ta không giết người, không trù tính mưu mô giết người, đã đành !

Chúng ta cũng không nên động đến sanh mạng của tất cả mọi loài hữu tình. Hơn nữa, nếu thấy ai có ý giết hại sinh vật, chúng ta phải khuyên lớn ngăn cản đừng cho người ta thi hành ác ý ấy.

Được như thế là ta giữ được trọn vẹn giới sát, mặc dù chỉ trong một ngày đêm, nhưng lợi ích sẽ lớn lao vô cùng cho việc tu hành của chúng ta.

## 2. Không được trộm cướp.

Hai chữ trộm cướp ở đây có một ý nghĩa rộng lớn vô cùng. Những vật thuộc quyền sở hữu của người ta, từ bạc, vàng, châu báu, đất ruộng, nhà cửa cho đến đồ đạc, cây kim sợi chỉ, cọng rau, người ta không cho mà mình lấy, là trộm cướp. Lường thặng tráo đấu, đo thiếu lấy thừa, đi làm trễ giờ, bóc lột công nhân, lấy của công, ăn hối lộ, được của người không trả lại, đều là trộm cướp.

Người đời coi tiền của hơn tánh mạng, trèo non, lặn suối, lo mưu này tính kế nọ để làm ra tiền nuôi thân và gia đình, và để dành dụm phòng khi đau ốm, tai nạn. Nếu rủi bị mất tiền của do mồ hôi nước mắt mà có, người ta vô cùng đau khổ, tuyệt vọng có khi đến quỳen sinh. Chúng ta cũng đã có nhiều khi đau buồn vì mất của, thì xét người khác cũng vậy. Chúng ta không muốn ai trộm cướp của ai. Đó là lẽ công bằng rất giản dị. Huống chi chúng ta là Phật Tử, nghĩa là những người quyết tâm diệt trừ tham dục, để được giải thoát, thì lẽ nào ta lại lấy của phi nghĩa.

Trong cuộc đời tranh đấu hằng ngày để sống, có nhiều khi chúng ta không giữ được một cách tuyệt đối giới cấm này, chẳng hạn, chúng ta làm ít mà cố đòi lương cho cao, bán hàng xấu với giá cao, mưu tính, chước này kế nọ để được lợi nhiều một cách thiếu chính đáng... Có khi chúng ta nhận thấy như thế là bất chính, nhưng tự bào chữa rằng vì sự sống của gia đình, thân thuộc mà phải làm như thế.

Nhưng trong ngày thọ Bát Quan Trai Giới, chúng ta hãy triệt để giữ giới đạo. Chúng ta nhất quyết không trộm cướp đã đành, mà cũng không được để cho một ý nghĩ tham lợi mống lên trong tâm. Chúng ta không trộm cướp, không nghĩ đến sự trộm cướp, mà thấy ai trộm cướp hay nảy ra ý trộm cướp thì chúng ta khuyên can họ, ngăn ngừa không cho họ làm bậy. Không những không trộm cướp và ngăn ngừa sự trộm cướp mà thôi, chúng ta còn bố thí cho những người nghèo khổ, thiếu ăn thiếu mặc, tìm cách giúp đỡ những người thân thuộc, trong cảnh túng thiếu.

Giữ được giới này một cách tuyệt đối thì dù thời gian ngắn ngủi trong 24

giờ đồng hồ, chúng ta cũng đã gieo trồng được những nhân lành tốt đẹp cho sự tu hành của chúng ta.

### 3. Không được dâm dục.

Dâm dục là cái nghiệp như sanh tử luân hồi, nên người xuất gia phải đoạn hẳn. Phật dạy rằng: *"Người muốn đoạn trừ sanh tử, chúng quả Niết Bàn mà không trừ hẳn dâm dục, thì không khác nào kẻ nấu cát sạn mà muốn cho thành cơm, dù ra công đem nấu, trải qua trăm ngàn kiếp cũng không thành cơm được"*. Vậy những Phật Tử xuất gia, muốn thành Phật quả thì phải trừ dâm dục. Còn những Phật Tử tại gia, chưa có thể hoàn toàn đoạn trừ dâm dục được, thì Phật chỉ cấm tà dâm, nghĩa là ngoài vợ chồng, không được lang chạ, và giữa vợ chồng cũng cần phải giữ chánh lễ, biết tiết dục để cho thân tâm được trong sạch nhẹ nhàng.

Nhưng đây là nói về ngày thường của Phật Tử tại gia. Chứ đến ngày thọ Bát Quan Trai Giới, thì tuyệt đối phải giữ giới tịnh hạnh, không được hành động dâm dục đã đành, mà cũng không được nhớ nghĩ đến những điều dâm dục. Nếu triệt để giữ đúng giới này, thì dù chỉ trong 24 giờ đồng hồ, lợi ích cũng rộng lớn vô cùng, vì chúng ta đã có dịp gieo nhưn tịnh hạnh là một nhưn rất quý báu trong sự tu hành diệt dục.

### 4. Không được nói dối

Nói dối là tâm nghĩ miệng nói trái nhau. Nói dối có 4 cách. Đó là: nói không thật, nói thêu dệt, nói lưỡi hai chiều, nói lời hung ác.

Chúng ta đã thấy, hằng ngày trong đời, tai hại của sự nói dối. Tai hại lớn nhất là làm mất lòng tin cậy nhau. Trong một gia đình mà không tin nhau, thì gia đình sẽ tan nát; trong một xã hội mà không tin nhau, thì xã hội sẽ điêu tàn.

Trong đời sống hằng ngày chúng ta chưa có thể hoàn toàn giữ giới này được, thì trong ngày thọ Bát Quan Trai Giới, chúng ta hãy triệt để thực hành giới cấm này. Chúng ta không nói sai, không thêu dệt, không nói hai chiều, không nói lời hung ác, đã đành; chúng ta lại còn khuyên răn những người chung quanh giữ đúng giới không nói láo ấy.

Nếu thực hành triệt để giới cấm này, thì dù chỉ trong một ngày đêm, chúng ta cũng đã gieo được một hạt nhưn quý báu rất hiếm có trong đời này là: lòng chân thật.

### 5. Không được uống rượu

Rượu làm say mê, tối tâm trí não người uống. Nó còn nguy hiểm hơn cả thuốc độc, vì thuốc độc uống vào chết ngay, song chỉ giết chết một đời người thôi; chứ rượu làm cho người cuồng tâm, mất trí, gây nên nhiều tội lỗi, chết đi sanh lại, luân hồi nhiều kiếp trong tối tăm si ám.

Bởi thế, trong Kinh, Phật dạy: "Thà uống nước đồng sôi cho tan mất thân này, chứ không nên uống rượu "

Chúng ta là Phật Tử, nghĩa là những người đang trau dồi trí tuệ để được sáng suốt như Phật, chúng ta không được uống rượu. Chúng ta không uống rượu đã đành, mà cũng không khuyên mời người uống rượu. Tự mình uống rượu tội còn nhẹ, chứ khuyên mời người khác uống, tội lại nặng hơn.

Song, trong lúc đau ốm, nếu lương y bảo phải có rượu hòa với thuốc uống mới lành bệnh, thì chúng ta cũng được tạm dùng. Khi đó rượu trở thành một vị thuốc, chứ không phải là một vị làm cho trí não ta cuồng loạn nữa.

Đây là nói về ngày thường, chứ trong ngày thọ Bát Quan Trai Giới, chúng ta phải trừ tuyệt rượu, không được uống đã đành, mà còn khuyên răn người khác đừng uống nữa.

#### 6. Không được trang điểm, thoa dầu thơm, múa hát và đi xem múa hát.

Năm giác quan: tai, mắt, mũi, lưỡi, thân là năm cửa ngõ, có thể mở đường cho chúng ta đến cảnh giới Niết Bàn, hay vào địa ngục. Nếu chúng ta biết mở năm cánh cửa ấy về nẻo thanh tịnh, nghe những lời hay lẽ phải, thấy những điều thiện, điều lành, ngửi những mùi thơm tinh khiết, đạo vị, thì con đường đến Niết Bàn, giải thoát không xa. Trái lại, nếu chúng ta hướng những cánh cửa giác quan ấy vào cõi ô trọc, mở rộng chúng cho tội lỗi ùa vào, nào nghe tiếng du dương luyến ái của dục vọng, thấy cảnh trụy lạc, dâm ô, ngửi mùi vị say nồng, kích thích dục lạc, thì con đường địa ngục đã sẵn sàng mở rộng để đón chờ chúng ta.

Phật cấm Phật Tử trang điểm, tô son trét phấn, xúc ướp dầu thơm, múa hát là lời, quyến rũ, hay cấm đi xem nhưng cảnh múa hát ấy, là vì muốn cho chúng ta khỏi đọa vào địa ngục.

Nhưng trong đời sống hằng ngày của người Phật Tử tại gia, vì còn tiếp xúc với đời sống xã hội, nên phải ăn mặc tề chỉnh trang nghiêm, đôi khi cũng phải đi dự những buổi hòa nhạc, hay múa hát, miễn là những thứ âm nhạc, những điệu múa hát ấy có tính cách trong sạch, xây dựng và hướng thiện. Nhưng trong hiện đại, các thứ nghệ thuật: kịch nhạc, ca vũ, cải lương, chiếu bóng..phần nhiều có tánh cách trụy lạc, thoái hóa, chúng ta nên đề phòng, đừng quá dễ dãi mà sa vào vòng tội lỗi.

Trên đây là nói trong ngày thường, chứ ngày thọ giới Bát Quan Trai, chúng ta nhất định không được trang điểm, xúc ướp dầu thơm, múa hát hay đi xem múa hát. Hơn nữa, chúng ta phải cố gắng diệt trừ những âm hưởng, bóng dáng của những thứ nghệ thuật không lành mạnh, trong đầu của chúng ta.

Được như thế, thì tuy thời gian chỉ ngắn ngủi có 24 giờ, ảnh hưởng tốt đẹp của nói vô cùng quý báu cho sự tu hành của chúng ta.

#### 7. Không được nằm ngời giường cao đẹp, rộng lớn

Điều răn cấm này, cũng như điều răn cấm thứ sáu, có mục đích ngăn ngừa thân xác ta, không cho buông lung theo những cảm giác mơn trớn khoái lạc của giường cao nệm tốt, chăn ấm màn êm. Vì những cảm giác này có thể kích thích lòng ham muốn bất chính của xác thân, tạo điều kiện cho chúng ta gây tội lỗi, nên Phật chế ra giới cấm này. Xưa Ngài Ngô Đạt Quốc Sư là một bậc cao đức, được vua Ý Tôn và vua Hy Tôn hết sức ưu đãi. Vua ý Tôn cúng cho Ngài một bảo tọa bằng trầm hương rất quý báu. Từ khi được bảo tọa ấy, Ngô Đạt Quốc Sư mống niệm danh lợi, thành ra thất đức, phải chịu nhiều tai vạ và khổ đau.

Vì hiểu rõ cái tai hại của giường cao chiếu rộng, chăn ấm nệm êm, nên xưa ngài Hiếp Tôn Giả từ khi xuất gia, lưng không nằm chiếu: Ngài Cao phong Diệu thiên sư lập nguyện: ba năm không nằm giường chõng: đức Phật Thích Ca, trong khi xuất gia tìm đạo, đã gối cỏ nằm sương, từ năm nay sang năm khác.

Nơi giường người xưa, các vị xuất gia chỉ nằm trên một cái giường nhỏ hẹp, vừa ngủ, chứ không bao giờ dùng giường rộng nệm cao. Kẻ tại gia cũng nên tập dần đức tánh giản dị, đạm bạc ấy. Nếu chưa làm được trong ngày thường, thì ngày thọ giới Bát Quan Trai, cũng phải triệt để thi hành giới thứ bảy này.

### 8. Không được ăn quá giờ Ngọ

Trong luật Phật dạy: "Chư Thiên ăn sớm mai, Phật ăn giờ Ngọ, súc sanh ăn sau giờ Ngọ, ngạ quỷ ăn tối, chư Tăng học theo Phật, phải ăn đúng Ngọ."

Ăn đúng giờ Ngọ, được năm điều lợi sau đây:

- ít mộng tâm sai quấy
- ít buồn ngủ
- dễ được nhất tâm
- ít hạ phong
- thân được yên ổn và ít sanh bệnh.

Trừ một vài trường hợp như khi đau ốm, luật cũng châm chước cho được ăn cơm cháo sau giờ Ngọ, nhưng khi ăn phải sanh lòng hổ thẹn.

Vì những lợi ích thiết thực nói trên, nên người xuất gia cần phải thực hành. Còn Phật Tử tại gia, khi tu bát Quan Trai Giới cũng phải giữ giới này.

## III. KẾT LUẬN

### 1- Lợi ích của Bát Quan Trai Giới rất lớn lao

Như chúng ta đã thấy ở các đoạn trên, Bát Quan Trai Giới là một pháp tu vô cùng lợi ích cho Phật Tử tại gia. Trong thời gian tu hành ấy, thân, khẩu, ý của người thọ giới được hoàn toàn thanh tịnh, tuy chỉ có 24 giờ đồng hồ, nhưng 24 giờ ấy còn quý báu hơn cả một đời của người không tu hành. Tuy lượng rất ít, mà phẩm lại nhiều. Nó chỉ là một giọt nước, nhưng là một giọt nước trong sạch hoàn toàn, cho nên nó còn quý hơn cả một ao nước đục bùn nhơ; nó chỉ là một viên ngọc nhỏ xíu, nhưng đó là viên ngọc Ma Ni, nên nó còn quý hơn trăm ngàn châu báu khác.

Chúng ta hãy phân tách một cách rõ ràng những lợi ích mà chúng ta đã thu hoạch được trong 24 giờ ấy mà xem:

- Nhờ giới thứ nhất, tâm ta không có ác ý giết hại sanh vật, miệng ta không nhai nuốt những máu huyết tanh hôi, thân ta không nặng nề vì thịt cá. Đối với chung quanh, ta không làm cho người và súc vật đau khổ, mất thân mạng.
- Nhờ giới thứ hai, tâm ta không động, ý ta không tham lam, thân ta không mang nặng những vật phi nghĩa. Đối với người chung quanh, ta không làm họ đau khổ vì mất của cải mà họ đã nâng niu, quý trọng.
- Nhờ giới thứ ba, tâm ta được thanh tịnh, thân ta khỏi ô uế. Đối với người bạn trăm năm, cùng những người chung quanh, ta giữ đúng lễ, làm cho họ kính trọng.
- Nhờ giới thứ tư, tâm ta không tà vạy, lưỡi ta không dối trá, điêu ngoa. Đối với người chung quanh, ta giữ được chữ tín, làm mọi người khỏi lo sợ, nghi ngờ vì ta.
- Nhờ giới thứ năm, tâm ta được minh mẫn, miệng ta không nồng nặc hơi men, thân ta không loạn động. Đối với người chung quanh, ta không làm cho họ phải lo sợ, khổ sở vì con ma men hành hạ.
- Nhờ giới thứ sáu, tâm ta không buông lung theo dục lạc, giác quan ta không dung chứa những hình ảnh, mùi vị, âm thanh tà tạp, dâm ô. Đối với người chung quanh, ta không làm cho họ phải tập nhiễm những cảm giác không trong sạch, không thanh thoát.

- Nhờ giới thứ bảy, tâm ta không mống lên những niệm danh lợi, xa hoa; thân ta không bị dục lạc lôi cuốn. Đối với người chung quanh, ta dễ gần gũi, thân cận, vì không bị cái cao sang, phù phiếm bên ngoài ngăn cách.
- Nhờ giới thứ tám, tâm ta được bình tĩnh, sáng suốt, thân ta nhẹ nhàng, ít bệnh tật, đối với người chung quanh, như người nghèo đói, ngạ quỷ, súc sinh, ta không gây ra sự thèm khát, vì sự lục lạc ăn uống về đêm.

Bao nhiêu sự lợi ích cho mình và cho người mà chúng ta đã thu thập được trong khoảng 24 giờ đồng hồ, thử hỏi có một pháp tu hành của người tại gia nào quý báu hơn thế nữa?

## **2- Bởi vậy Phật tử nên thực hành Bát Quan Trai Giới**

Phật Tử tại gia mặc dù suốt ngày suốt tháng bận bịu về sinh kế làm ăn, mỗi tháng cũng nên sắp xếp việc nhà, vào chùa thọ Bát Quan Trai Giới một vài lần. Nếu hoàn cảnh thuận lợi, có thể thọ được nhiều lần lại càng tốt.

Nếu không đủ điều kiện đến chùa, thì phương tiện ở nhà tu cũng được, nhưng lợi ích không bằng đến chùa.

Vậy xin khuyên các Phật tử tại gia, nên cố gắng thực hành y như lời Phật dạy, tu theo hạnh giải thoát, rồi khuyên nhiều người thực hành theo, để cùng nhau tiến bước lên đường giải thoát, an vui.

# HUYỀN TRANG PHÁP SƯ VỚI ĐẠI THỪA PHẬT GIÁO

## I. DẪN NHẬP

Vào khoảng 100 năm sau khi Phật nhập Niết Bàn, phái Bảo Thủ Y Giáo Phụng Hành, gìn giữ lời Phật, trùng tuyên nguyên ý. Nhóm Cải Tiến có ý cạnh tranh, sanh ra các dị kiến. Ngài Da Xá thấy thế, cản ngăn không được, liền đi triệu tập các vị Trưởng Lão Tăng về nhóm họp tại thành Tỳ Xá Ly (nơi trú cứ của nhóm Cải Tiến) để giải quyết các vấn đề được coi là phi pháp. Nhưng không hóa giải được, nhóm Tỳ Kheo Bạt Kỳ biệt lập thành một phái. Đây là sự phân hóa đầu tiên. Nhóm do ngài Da Xá triệu tập, hội họp trùng tuyên kinh luật Phật dạy, sau gọi là Kiết Tập lần thứ hai; nhóm này đa số các vị Trưởng lão nên gọi là Thượng Tọa Bộ. Nhóm Cải Tiến đa số các vị Tăng trẻ tuổi đông đảo hơn nên gọi là Chúng Bộ.

Đại Chúng Bộ về sau phát triển thành Đại Thừa Phật Giáo. Từ khi phân lập, việc tranh luận xảy ra giữa hai phái rất thường và kéo dài rất lâu. Mấy chục năm sau cho đến khi Mahadeva (Đại Thiên) xuất hiện, đề xướng tân thuyết 5 điểm, thì Phật giáo mới thực sự chia thành hai Bộ phái: Thượng Tọa Bộ (Tiểu Thừa), Đại Chúng Bộ (Đại Thừa). Và cho đến khi Ngài Mã Minh viết bộ Đại Thừa Khởi Tín Luận, Chánh pháp chuyển thành hai bộ phái Đại Thừa và Tiểu Thừa một cách phân minh. Song song với sự phát triển của hai hệ phái, các Luận Sư mỗi thời thường tranh luận để lý giải với nhau làm giàu thêm cho tạng Luận. Ngài Huyền Trang là một trong những luận sư xuất sắc, đã làm rạn vỡ giáo nghĩa Đại thừa Phật Giáo.

## II. TIỂU SỬ PHÁP SƯ HUYỀN TRANG

Huyền Trang tục danh là Trần Vỹ, sinh năm Khải Hoàn thứ 16, đời nhà Đường (595) ở huyện Hầu Thị, châu Lạc Xuyên. Thân sinh là Trần Huệ, trước làm quan ở Giang Lăng, nhận thấy tình thế nhiễu nhương, cáo quan về quê dạy học. Trần Huệ có bốn con trai, Huyền Trang là con út, người anh thứ hai làm Hòa Thượng ở chùa Tịnh Độ đất Lạc Dương.

Thuở nhỏ Ngài theo Nho học, trong những buổi đến thăm anh ở chùa Tịnh Độ, Ngài thường ở lại nghe kinh, Pháp, với trí tuệ khác thường Ngài lãnh hội được lý nghĩa Đại Thừa rất sâu rộng. Từ đó Ngài bỏ Khổng, quy y theo Phật Giáo.

Năm 13 tuổi, Ngài được vị chủ khảo, quan Khâm Sai Trịnh Thiện Quả, đặc cách cho miễn tuổi do sự đối đáp thông minh trôi chảy. Ngài được dự vào cuộc sát hạch tuyển chọn Tăng sĩ triều đình và trúng tuyển. Sự nghiệp lớn bắt đầu từ đây.

Ngài có vóc dáng đẹp đẽ, phong quang rực rỡ, có nhiều tăng mỹ tướng. Chính Trịnh Thiện Quả đã dựa vào phong mạo của Ngài để biện bạch cho sự quyết định của mình: "Tòng nghiệp mà học đạo cho thành thì dễ, chớ phong cốt luyện cao được thì khó lắm. Cậu bé Trần Vỹ này nếu được làm Tăng, tất nhiên sẽ thành vị Cao Tăng Đại Đức trong chốn Thiền Môn không ai sánh kịp".

Ngài chính thức xuất gia tại Chùa Tịnh Độ. Về sau đất Lạc Dương biến loạn, anh em Ngài đi về Trường An, tu tại chùa Trang Nghiêm. Rồi vì Trường An gặp lúc khó hành đạo, các Ngài dời đến Thành Đô tại Chùa Khuông Tuệ. Năm 27 tuổi, Ngài vân du khắp Trung Quốc để cầu học với các danh Tăng Hoa, Ấn. Dù đã đạt đến trình độ siêu việt, các giáo nghĩa của Đại Thừa vẫn chưa thỏa mãn khát vọng của Ngài. Năm 31 tuổi Ngài bắt đầu cuộc Tây du. Trải qua vô vàn gian khổ, cuối cùng Ngài đã đạt được ước vọng không lường của mình. Đi đến nơi, về đến chốn, năm 50 tuổi Ngài trở về Trường An. Ngài được vua quý trọng, xem như quốc bảo và ban làm ngự đệ. Ngài đã làm nên một sự nghiệp thế kỷ, dịch 75 bộ 1.335 quyển kinh từ chữ Phạn ra chữ Hán.

Ngài mất năm 664 tại Trường An khi trong tay đang cầm bút dịch kinh Đại Thừa. Đường Cao Tôn rơi lệ, bãi Triều 3 ngày và than thở: "Trẫm nay mất rồi một người quốc bảo". Một triệu người tham dự đám tang, ba mươi ngàn người lập lều ở quanh mộ Ngài tại Bạch Lộc Nguyên. Hình ảnh Ngài được phổ cập khắp thế giới, nhất là Đông Nam Châu Á, trong đó có Việt Nam qua sự tích Đường Tam Tạng Thỉnh Kinh (Tây Du Ký).

### **III. NGÀI HUYỀN TRANG XIÊN DƯƠNG ĐẠI THỪA PHẬT GIÁO**

#### **1- Tại Trung Quốc:**

Huyền Trang trước khi xuất gia thường nghe Pháp Đại Thừa tại chùa Tịnh Độ, với lợi căn thông tuệ, Ngài lý hội tất cả kinh điển nghe qua. Do đó khi phát tâm xuất gia, Ngài đã ý thức được một trong năm đức lớn: "Chỉ cầu Đại Thừa vị độ nhân cô". Như thế khi xuống tóc xuất gia, Ngài đã bắt đầu phát bồ đề tâm: "Trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh". Tâm bồ đề ấy Ngài đã tuyên dương qua câu trả lời với vị Chánh chủ khảo: "Tôi muốn xa nổi chí chư Phật, gần hoằng dương Chánh Pháp". Để thực hiện chí nguyện, Ngài đã đi tìm cầu học khắp Trung Quốc với các vị Cao Tăng thạc đức. Song kinh điển truyền sang thời đó còn hạn chế, việc lý giải, dịch thuật chưa đáp ứng được chí tiến tu của Ngài mặc dù Ngài đã say mê tìm học đến quên ăn bỏ ngủ. Vào thời đó, Ngài là vị Giảng Sư trẻ tuổi nhất, đã đăng đàn giảng kinh Niết Bàn, bộ kinh Đại Thừa uyên thâm nhất. Năm 31 tuổi Ngài gặp học giả nổi tiếng là Pháp Sư Phạ Mật Đa Na, học trò xuất sắc của Ngài Giới Hiền từ Trung Ấn qua, Ngài được giải tỏa nhiều nghi vấn. Và thế là chí Tây Du của Ngài được quyết định.

#### **2- Tại Ấn Độ:**

Với chí nguyện học tận gốc, tìm cho ra chân nghĩa Đại Thừa, năm mươi vạn dặm đường dài từ Trung Quốc qua Ấn Độ, phải vượt suối trèo non, băng qua sa mạc nắng cháy, những đêm lạnh cóng xương, một mình một ngựa đối đầu với muôn ngàn khó khăn nguy hiểm, mạng sống như treo đầu sợi tóc. Với chí nguyện Đại Thừa "Hủy thí thân mạng, tôn sùng đạo cố" là một trong năm đức của người xuất gia. Chí nguyện và lòng cầu nguyện Bát Nhã Tâm Kinh niệm Quán Thế Âm Bồ Tát. Và đây câu trả lời dứt khoát, khi vua nước Cao Xương Khúc Văn Thái lưu luyến giữ Ngài lại: "Đại Vương có thể giữ được hài cốt của bản đạo thôi, chứ tinh thần ý chí của bản đạo thì Đại Vương không thể giữ được". Và chí nguyện sắt đá

của Ngài cũng thành tựu qua 24 bức thư giới thiệu với 24 tiểu quốc của vua Y Ngô.

Ngài đến đất Phật, một mặt chiêm bái các Phật tích tông lâm, mặt khác Ngài tầm học các Kinh Luận bằng Phạn văn của cả Đại lẫn Tiểu Thừa (như Câu Xá Luận của Thế Thân, Thành Thật Luận của Ha Lê Bạt Ma) với các vị Pháp sư danh tiếng: Nhưng có lẽ nổi bật nhất là Ngài được Pháp sư Giới Hiền, lúc bấy giờ đã 105 tuổi, vẫn phá lệ khai đàn giảng lại bộ Du Già Sư Địa Luận trong 15 tháng (đặc biệt cho Ngài Huyền Trang) tại tu viện Nalanda, một ngôi Phật Tự được coi là tráng lệ nhất - đại học Phật giáo xưa nhất Ấn Độ, một trung tâm văn hóa xứ Phật, chứa tất cả Kinh Luận Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa, kinh Phệ Đà cho đến sách Gia Chu Tử. Sau ba năm Ngài đã thông suốt:

- 03 thiên bộ Du Già Sư Địa Luận
- 01 thiên bộ Thuận Chánh Địa Luận
- 01 thiên bộ Hiển Dương Đối Phá
- 02 thiên của các bộ Nhân Minh, Thanh Minh Tập luận
- 03 thiên của các bộ Trung Luận, Bách Luận.

Và quan yếu nhất là giải tỏa được nhiều điểm nghi ngờ trong các Kinh Luận Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa.

Trong vòng sáu năm, Ngài đã đi khắp Đông, Tây, Nam, Bắc xứ Trung Ấn Độ, qua trên 100 nước lớn nhỏ, đọc, học, ghi chép, lý giải thông qua các Kinh Luận, sách vở tàng trữ trong các thư các, đền, chùa, ghi chú thứ tự từ phong tục, tập quán, địa lý, thiên văn, đặc sản v.v... rất có hệ thống.

Đỉnh cao và công hạnh lớn nhất của Ngài đối với việc xiển dương giáo nghĩa Đại Thừa tại Ấn Độ là việc tranh luận sôi nổi nhất, có tính cách quyết định sự hưng vong của Đại Thừa Phật Giáo. Ngài dùng lý luận sắc bén, trí tuệ bao trùm, bẻ gãy 700 bài luận huênh hoang là vô địch "Phá Đại Thừa" của Bát Nhã Cúc Đa, một Luận sư uyên thâm có nhiều thế lực của phái Tiểu Thừa. Bằng 1.600 bài Phá Ác Kiến Luận, Ngài Huyền Trang đã đánh tan mọi mê chấp của phái Tiểu Thừa. Cao hơn nữa làm cho các Luận sư pháp Tiểu Thừa tâm phục, khẩu phục. Phá Ác Kiến Luận có giá trị siêu việt tuyệt đối đến nỗi vua Giới Nhật, một vị vua hùng mạnh nhất xứ Trung Ấn đã tuyên cáo: Nếu ai tìm thấy một chữ sai lầm vô lý, có thể bác bỏ được thì Trẫm xin cắt đầu để tạ ơn. Sau 18 ngày Ngài ngồi ghế luận chủ, Huyền Trang đã đánh bạt tất cả luận điểm sai trái, xiển dương giáo lý Đại Thừa rạch rỡ trên đất Phật. Lý lẽ vững chắc, trí tuệ sắc bén của Ngài đã làm cho nhiều Pháp sư, học giả bỏ ngay tà kiến và quy ngưỡng theo Đại Thừa tại chỗ. Tất cả Vương Tôn Công Tử, Đại Thần... tuân phục, ca ngợi Ngài không ngớt. Chính họ đã tranh nhau cúng dường Ngài vô số châu báu, lụa là, Ngài đều hồi hướng từ chối tất cả. Khi ấy vua đành lấy bộ tăng phục của Ngài đặt lên kiệu voi trắng với lời hiệu triệu truyền ra cho công chúng: "Vị Pháp Sư Trung Quốc đã kiến lập Đại Thừa và phá hủy tất cả mọi tà thuyết trong 18 ngày không ai dám đối lập. Nay tin cho công chúng biết".

Ba mươi lăm ngày tiếp theo, Giới Nhật Vương, cung thỉnh Ngài minh chứng đại hội Vô Già tại Bản La Đa Già quốc (Prayaga). Số người tham dự lên tới 50 vạn. Đoàn đại thí bày ra một tháng mới đủ và hội trường mới giải tán.

### 3- Trở về cố hương:

Nếu ở Ấn Độ Ngài là một học giả, một Luận sư danh tiếng, khi trở về Trung quốc Ngài là một nhà trước tác dịch thuật đại tài. Ngài dâng trọn cuộc đời còn lại cho việc phổ cập Kinh Luận Đại Thừa mà Ngài đã học hỏi, nghiên cứu suốt hai mươi năm.

Năm 664 Ngài thành lập Hội Đồng Phiên Dịch chia thành nhiều nhóm.

- Nhóm thứ nhất: Vị Dịch chủ tinh thông Phạn văn- Hán văn (Ngài Huyền Trang)
- Nhóm thứ hai: Chuyên dịch từ Phạn văn ra Hán văn
- Nhóm thứ ba: Chứng nhận xác định đã dịch đúng Phạn văn
- Nhóm thứ tư: Nhuận văn sửa lại cho đúng văn pháp Trung Hoa.
- Nhóm thứ năm: Nhuận nghĩa, so bản dịch với nguyên bản.
- Nhóm thứ sáu: Duyệt xét lần cuối.

Tổng số Kinh Luận đã được dịch là 75 bộ gồm 1.335 quyển, trong đó có hai pho lớn nhất là:

- Đại Tỳ Bà Sơ Luận 200 quyển
- bộ Định Đạt Bát Nhã gồm 600 quyển.

Phương pháp dịch thuật, làm việc của Ngài thật chu đáo, khoa học, tiến bộ có thể nói vô tiền khoáng hậu như chuyển Tây du của Ngài vậy.

Nhờ công trình dịch thuật vĩ đại của Ngài mà Đại Thừa Phật Giáo được phát khởi mạnh mẽ ở Trung Quốc và các nước phía đông như Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam.

## IV. KẾT LUẬN

Huyền Trang một mình một ngựa ngàn dặm gian lao, du học khắp xứ Ấn Độ, học vấn thành tựu, biện tài vang khắp, công thành quả mãn, Ngài đã tiếp bước Mã Minh với Đại Thừa Khởi Tín Luận, Ngài Long Thọ với Trung Quán Luận; Vô Trước, Thế Thân với Thành Duy Thức Luận. Huyền Trang có 1.600 tụng Pháp Ấc Kiến Luận đã nhiếp phục tất cả những kẻ đối nghịch cả hai phái Đại và Tiểu Thừa. Tại bản xứ Ấn Độ thắp sáng chói ngọn đuốc trí tuệ Đại Thừa, đưa Đại Thừa lên đỉnh cao hưng thịnh, kết thúc việc tranh luận giữa hai bộ phái kéo dài hơn một thiên niên kỷ.

Dân Ấn người Đại Thừa tôn xưng Ngài là Đại Thừa Thiên (Ông trời Đại Thừa). Những vị Tiểu Thừa xưng tụng Ngài là Mộc Xoa Đề (Giải Thoát Thiên hay Trời Giải Thoát)

---

*Tài liệu tham khảo:*

- Huyền Trang Nhà Chiêm Bái và Học Giả ( Do Tỳ Kheo ni Thích Nữ Trí Hải dịch từ bản tiếng Anh " Hsuan Tsang, The Pilgrim and the scholar " của Hòa Thượng Minh Châu).
- Huyền Trang Pháp Sư của Thượng Tọa Trí Quang.
- Tài liệu Huyền Trang 93 BHD Long Khánh.

**- III -**

# **PHẬT GIÁO**

**1. Phật Giáo Việt nam từ 1963**

**2. Cổ Đại Lão Hòa Thượng  
Đệ nhất Tăng Thống  
GHPGVNTN, Thích Tịnh Khiết.**

**3. Cổ Thượng tọa Viện Trưởng  
Viện Hóa Đạo GHPGVNTN,  
Thích Thiện Hoa**

**4. Hiện tình Phật Giáo Việt  
Nam tại Hải ngoại**

# PHẬT GIÁO VIỆT NAM TỪ 1963.

## I. DẪN NHẬP

Cuộc vận động năm 1963 của Phật tử Việt Nam không phải xuất phát từ sự tranh chấp giữa người Phật giáo và người Ki tô Giáo. Cuộc vận động này chỉ nhằm chống lại chế độ độc tài nhà Ngô. Cuộc vận động đã được các giới không phải Phật tử ủng hộ, trong đó có nhiều thành phần Ki tô Giáo, kể cả linh mục và giáo hữu. Họ đại diện cho những người Ki tô Giáo có lương tri, có óc phê phán công chính, có thừa cam đảm để chống lại những gì đi ngược lại tinh thần Phúc Âm chân chính. Cuộc vận động còn được hầu như cả dư luận thế giới ủng hộ.

## II. NGUYÊN NHÂN

**1- Nguyên nhân xa:** Phật Giáo bị chèn ép.

Quốc trưởng Bảo Đại bị truất phế từ năm 1955 nhưng Dự số 10 do ông ký ngày 6.8.1950 vẫn được nhà Ngô thi hành. Dự này chỉ nhìn nhận Ki tô giáo là tôn giáo, không bị ràng buộc vào thể chế hiệp hội. Các tôn giáo khác, kể cả Phật Giáo, đều là những hiệp hội. Ví dụ: Chỉ có An Nam Phật học hội, Hội Phật học Nam Việt v.v...mà không như Giáo Hội Công giáo Việt Nam hay Giáo Hội Thiên chúa Việt Nam. Chế độ còn ép uổng người Phật tử bỏ đạo hay vu khống, chụp mũ để bắt bớ, giam cầm những Tăng sĩ hay Cư sĩ, cán bộ trung kiên của các tổ chức Phật Giáo. Đầu năm 1963, Hội Phật Giáo Việt Nam tại trung phần đã công bố hai tập tài liệu ghi chép những vụ vi phạm nhân quyền, kỳ thị tôn giáo và đàn áp Phật tử từ năm 1959 đến năm 1963 (tập 1 dày 49 trang; tập 2 dày 98 trang).

Nghiêm trọng hơn hết là năm 1957 chính quyền ra lệnh loại bỏ ngày Phật Đản ra khỏi số ngày nghỉ chính thức trong năm. Để trả lời lệnh này của nhà Ngô và cũng để tỏ thái độ, Phật Đản năm ấy được tổ chức rầm rộ hơn mọi năm.

**2- Nguyên nhân gần:** Triệt hạ cờ Phật Giáo trong ngày Phật Đản (1963).

Ngày 6.5.1963 (nhằm 13.4 Quý Dậu), từ Văn phòng Tổng thống gửi một công điện ra Huế chỉ thị cấm treo cờ Phật Giáo. Sáng ngày 7.6.1963, Hòa Thượng Pháp Chủ cùng quý Thầy Mật Nguyên, Trí Quang, Mật Hiển, Thiện Siêu tới gặp Nhà cầm quyền đánh điện vào Sài Gòn phản đối nhưng vô hiệu. Đến 2 giờ chiều, nhân viên công lực đi khắp thành phố HUẾ triệt hạ cờ Phật Giáo.

## III. CÔNG KHAI VẬN ĐỘNG:

Trong cuộc rước Phật ngày Rằm tháng Tư từ Diệu Đế về Từ Đàm, Phật tử đã trưng biểu ngữ đòi bình đẳng tôn giáo, nhưng Thầy Trí Quang và Mật Hiển ra lệnh tịch thu. Phật Giáo tranh đấu trong im lặng, không ồn ào và bất bạo động. Tối hôm đó Đài Phát Thanh Huế không tường thuật buổi Lễ Phật Đản như chương trình đã loan báo trước. Phật tử kéo về Đài Phát Thanh mỗi lúc một đông để chờ nghe đài tường thuật lại buổi lễ. Trong khi đó Chính quyền điều động các lực lượng công an, cảnh sát, quân đội đưa xe tăng, thiết giáp bao vây đồng bào Phật Tử. Tỉnh Trưởng Nguyễn Văn Đăng đến thì bị Phật Tử phản đối, xe vòi rồng bắt đầu xịt nước rồi súng nổ vào rừng người hỗn loạn. Kết quả 14 Phật tử bị thương, 9 Phật tử thiệt mạng. Phật tử bao vây các cơ quan. Quân đội và các lực lượng vũ

trang sẵn sàng bắn xả. Tỉnh Trưởng kêu gọi Thầy Trí Quang khuyên Phật Giáo đồ bình tĩnh. Ngày 10.5.1963, Tăng Ni Phật Tử ra tuyên ngôn xác định lập trường tranh đấu đến cùng để đạt nguyện vọng, cụ thể qua 5 điểm:

- 1) Chủ trương và hành động bất bạo động nhưng cương quyết không run sợ trước bạo lực.
- 2) Không lật đổ Chính phủ mà chỉ đòi hỏi cải thiện chính sách và nhằm vào mục đích công bằng xã hội.
- 3) Ý chí và nguyện vọng:
  - Cờ Phật giáo phải được treo ở tư gia Phật tử trong những ngày lễ Phật Giáo.
  - Đòi hỏi sửa đổi hoặc hủy bỏ điều 44 Đạo Du số 10 đặt tôn giáo trong đó có Phật giáo ra ngoài sự hạn chế của các hiệp hội.
- 4) Chấm dứt hành động khủng bố, trả thù, cố sát, ngược đãi và vu khống Phật giáo đồ trên cả nước.
- 5) Mục tiêu công bằng, bình đẳng phải được thực hiện trong đó có công bằng với các tôn giáo.

- Tuyên ngôn của tín đồ Phật Giáo Việt Nam ký ngày 10.5.1963 đòi nghiêm trị kẻ giết người ở Đà Phát Thanh. Bồi thường cho Phật tử nạn nhân, thực thi bình đẳng tôn giáo, xóa bỏ Đạo Dụ số 10.

- Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết đã gửi một bản ghi chép những nguyện vọng của Phật giáo như trên đòi Chính phủ phải thực thi.

- Ngày 15.5.1963, Ban Đại diện 5 cấp Trị Sự Phật giáo được thành lập. Phật Giáo Nam Tông, Bắc Tông đã sát vai trong sự sống còn chung của Đạo Pháp. Đại diện Phật giáo vào Đình Độc Lập bày tỏ nguyện vọng trước khi có thái độ cứng rắn.

- Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam

- Đại Diện 5 cấp Trị Sự

- Phật Giáo Nam Tông

- Linh Mục Lê Quang Oánh và đồng bào Thiên Chúa giáo Tuyên Đức- Đà Lạt.

- 11 Tông phái Giáo hệ đồng loạt ký một Tuyên ngôn ủng hộ Tuyên ngôn 5 điểm của Hội đồng 5 cấp Trị Sự và loan báo Đạo pháp lâm nguy.

- Sinh viên Phật tử, các đoàn thể Giáo hội bạn ủng hộ. Đại Đức Thích Quảng Đức xin tự thiêu. Biểu tình tuần hành im lặng phản đối Nhà cầm quyền liên tục. Tuyệt thực khắp nơi trên toàn quốc.

- Ngày 11.6.1963 (20.4 nhuận) Thượng Tọa Thích Quảng Đức tự thiêu tại ngã tư Phan Đình Phùng-Lê văn Duyệt. Ngài gửi lời nguyện tâm huyết lên Tổng Thống Diệm, mong chư Phật độ trì Tổng Thống sáng suốt thực hiện 5 điều thỉnh nguyện của Phật Giáo. Cầu cho Phật Giáo Việt Nam được trường tồn, đất nước thanh bình an lạc.

Hòa Thượng Quảng Đức tự thiêu, cả nước kinh hoàng, thế giới rung động.

Điện văn các nước ủng hộ lập trường Phật Giáo ùn ùn gởi về Việt Nam, báo chí Quốc tế bắt đầu bình luận.

#### **IV. DIỄN TIẾN**

Ủy Ban Liên Phái bảo vệ Phật Giáo ra đời gồm 11 Tông phái Giáo hệ. Chính quyền lập Ủy Ban Liên Bộ để liên lạc giải quyết vấn đề Phật giáo. Chính quyền đã thực sự lung lay từ gốc rễ. Sau vụ tự thiêu, các tỉnh vùng lên đồng loạt.

Hai phái đoàn đã họp gần như suốt 72 tiếng đồng hồ và Thông cáo chung đã được loan báo vào lúc 09 giờ ngày 14.06.1963. Bản Thông Cáo Chung đã được Phái đoàn Phật giáo gồm 3 Thượng Tọa (Thích Thiện Minh, Thích Tâm Châu và Thích Thiện Hoa) cùng Ủy Ban Liên Bộ (gồm Nguyễn Ngọc Thơ, Nguyễn Đình Thuần và Bùi Văn Lương) đồng ký chỉ. Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết khán duyệt và Tổng Thống Ngô Đình Diệm ký thuận để thi hành. Ngày 16.6.1963 ở đó các nguyện vọng của Phật Giáo được thực thi đầy đủ. Mười ngày sau ông Nhu mà nhục Phật giáo trước lực lượng Thanh Niên Cộng Hòa mà ông là lãnh tụ. Các chùa chiền bị liên tục tấn công. Tăng Ni Phật tử bị bắt bớ giam cầm gia tăng. Hòa Thượng phải gởi kháng thư lên Tổng Thống. Một mặt thì đàm phán giải thích một mặt gia tăng vi phạm trấn áp đồng bào và Tăng Ni. Ủy Ban Liên Phái mở họp báo công bố những trường hợp vi phạm và thái độ ôn thuận của Phật Giáo.

Bộ trưởng Nội Vụ ban hành Nghị định số 358 đề ngày 9.7.1963 chỉ quy định việc treo cờ và chỉ thỏa mãn Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam, không đề cập đến các Tông Phái Giáo Hệ Phật Giáo. Do vậy phản ứng của Phật Tử lại bộc phát.

- Tổng Hội Phật Giáo Thế Giới ủng hộ sự tranh đấu của Phật Giáo Việt Nam.
- Giáo Hội Phật Giáo Nhật Bản ủng hộ Phật Giáo Việt Nam và gởi kháng thư đến Tổng Thống Diệm, kêu gọi Giáo Hoàng Vatican có ý kiến.
- Giáo Hội Tin Lành Mỹ bắt tín nhiệm Chính quyền Ngô Đình Diệm.
- Khắp nơi đều biểu tình đòi thực thi Thông Cáo Chung trên nguyên tắc bất bạo động, tuân hành tuyệt thực không gây rối loạn. Đồng bào cả nước hầu như ngưng sinh hoạt để theo dõi tình hình. Tổng Thống phải có lời hiệu triệu quốc dân, nhưng vẫn không từ bỏ sự lừa dối, tổ chức Tăng đoàn giả, dựng lập, mua chuộc Phật giáo Cổ Sơn Môn Việt Nam chống lại Phật Giáo
- Tổ chức biểu tình gọi là thương phế binh, nhân dân tự vệ đòi chính Phật Giáo lên án kết tội Bác sỹ Tâm Minh Lê Đình Thám miền Bắc sáng lập Tổng Hội Phật Giáo miền Nam tay sai cho Việt Cộng.
- Sinh viên, học sinh biểu tình ủng hộ Phật giáo.

Ngày 13.7.63, Ủy Ban Liên Phái bảo vệ Phật Giáo ra Tuyên ngôn nhất mực đòi hỏi Chính quyền phải nghiêm túc tôn trọng thực thi Thông Cáo Chung.

- Thầy Nguyên Hương tự thiêu tại Phan Thiết ngày 4.8.1963. Đàn áp lại bắt đầu.

- Phật tử nữ sinh Mai Tuyết An chặt tay ủng hộ Phật Giáo và cầu nguyện Đạo Pháp khỏi tai nạn, đòi Chính quyền lưu tâm đến tự do tín ngưỡng.

- Đại Đức Thích Thanh Huệ tự thiêu ở Huế ngày 13.8.1963.

- Ngày 15.8.1963, Ni sư Diệu Quang tự thiêu tại Ninh Hòa - Nha Trang.

- Ngày 16.8.1963, Thượng Tọa Thích Tiêu Diêu tự thiêu tại Huế.
- Giáo sư Đại Học Huế từ chức để ủng hộ Phật Giáo ở Huế ngày 17.8.1963.

Các Hội Phật Giáo các nước Tích Lan, Thái Lan, Đài Loan, Tân Gia Ba, Nhật Bản, Đại Hàn, Ấn Độ đánh điện ủng hộ. Liên Hiệp Quốc đồng tình cảnh cáo chế độ Tổng Thống Diệm.

Tổng Thống tuyên bố Tổ Quốc lâm nguy, ra lệnh thiết quân luật, bắt bớ, phá chùa gia tăng.

Ngày 7.7.1963, Nhà văn Nhất Linh tự vận phản đối Chính quyền đã xét xử, cộng với tình hình đàn áp Phật Giáo.

- Ngoại Trưởng Vũ văn Mẫu từ chức, cạo đầu chống Chính phủ. Sinh viên, học sinh khắp nước biểu tình, bãi khóa ủng hộ Phật Giáo.

- Nữ sinh Quách Thị Trang đã hy sinh tại công trường Diên Hồng trong cuộc biểu tình ngày 25.8.1963.

- Sinh viên Hoa Kỳ biểu tình ở Tòa Bạch Ốc đòi Chính phủ Hoa Kỳ bất tín nhiệm chế độ Ngô Đình Diệm.

- Phái đoàn Tăng Ni vượt biên giới để cổ động các nước ngày 28.8.1963.

- Đạo hữu Nguyễn Thìn tự thiêu tại Vũng Tàu ngày 29.9.1963

- Đại Đức Thích Thiện Mỹ tự thiêu trước nhà thờ Đức Bà ngày 27.10.1963.

- Phái đoàn L.H.Q đến Sài-Gòn viếng thăm Xá Lợi, Ấn Quang ngày 25.10.63: 9 giờ sáng Phái đoàn gặp Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết, lúc 13 giờ Cách mạng nổ súng, chế độ ông Diệm bị lật đổ. Hội Đồng Tướng Lãnh Cách Mạng do Tướng Dương văn Minh cầm đầu. Tất cả Tăng tín đồ Phật Giáo bị giam cầm được ưu tiên phóng thích.

## V. THÀNH QUẢ CỦA ĐẤU TRANH

Đó là thiện chí đoàn kết và vô úy thống nhất. Từ Trung Ương đến thôn làng, Phật Giáo đồ tuân hành Giáo chỉ, qui tự về Niệm Phật Đường, chùa chiền im lặng giảng biểu ngữ, đòi hỏi nguyện vọng của mình, bất bạo động, tuyệt thực. Quần chúng thấu đáo đường lối của Phật giáo và biết rõ dã tâm của Chính quyền.

Dù bị xuyên tạc, chụp mũ, mưu đồ phân hóa các Tông phái giáo hệ Phật Giáo Thống Nhất nhưng Tăng Tín đồ Phật Giáo trước sau như một, âm thầm nhẫn nhục chịu đựng không thoái xuất chí hướng.

Cuộc đấu tranh thành công, Phật giáo trở về cương vị tôn giáo của mình, không tranh dành đoạt lợi, xen lẫn vào Chính quyền. Nỗ lực hợp tác củng cố nội bộ, thống nhất Giáo Hội, củng cố Giáo quyền, trang nghiêm Tăng chúng.

## VI. PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT

### Đại Hội Phật Giáo:

Cuộc cách mạng lật đổ Tổng Thống Ngô Đình Diệm thành công, Tăng tín đồ Phật Giáo bị giam cầm được phóng thích, tất cả đều trở về chùa Xá Lợi. Ủy Ban Liên Phái bảo vệ Phật Giáo tiếp tục sứ mạng tiến hành Đại Hội Phật Giáo gồm có

2 Tông phái Bắc Tông và Nam Tông gồm 11 Giáo hệ, để đi đến chỗ thống nhất Giáo quyền. Các sắc thái đặc thù của Môn phái giáo hệ vẫn giữ nguyên. Đây là một ưu điểm nổi bật của Tăng đoàn Việt Nam, không quốc gia nào có được. Bản Hiến Chương Phật Giáo được ra đời, đánh dấu một thời cường thịnh và có thể nói phong trào chấn hưng Phật Giáo Việt Nam đã đạt đỉnh cao. Bản Hiến Chương Phật Giáo gồm có 11 Chương, 32 Điều do sự kết hợp thống nhất giữa 11 phái đoàn Phật giáo trong nước đồng soạn lập.

- 1) Phái đoàn Giáo Hội Tăng Già Nguyên Thủy: Đại Đức Giới Nghiêm
- 2) Phái đoàn Giáo Hội Tăng Già Trung Phần: Thượng Tọa Thích Trí Thủ.
- 3) Phái đoàn Giáo Hội Thiên Tịnh Đạo Tràng: Đại Đức Thích Pháp Triều.
- 4) Phái đoàn Giáo Hội Tăng Già Nam Việt: Thượng Tọa Thích Trí Tịnh.
- 5) Phái đoàn Giáo Hội Tăng Già Bắc Việt: Thượng Tọa Thích Tâm Giác.
- 6) Phái Đoàn Giáo Hội Tăng Sĩ Therevada: Đại Đức Thạch Gông.
- 7) Phái đoàn Phật Giáo Nguyên Thủy: Đạo Hữu Nguyễn Văn Điều
- 8) Phái đoàn Hội Phật Học Nam Việt: Đạo Hữu Chánh Trí Mai Thọ Truyền.
- 9) Phái đoàn Giáo Phái Therevada: Đạo Hữu Sơn Thái Nguyên.
- 10) Phái đoàn Hội Phật Giáo Việt Nam Trung Phần: Đại Đức Thích Đức Tấn.
- 11) Phái đoàn Hội Việt Nam Phật Giáo Bắc Việt: Đạo hữu Viên Trạm Vũ Bảo Vinh.

Sau khi bản Hiến Chương Phật Giáo được Tổng Trưởng Nội Vụ duyệt thuận bằng Nghị Định số 329 ngày 14.5.1963, Giáo Hội Cổ Sơn Môn gia nhập G.H.P.G.V.N.T.N và tiếp theo là Sắc Luật số 158 ngày 14.5.1964 của Hội Đồng Chính Phủ.

## VII. KẾT LUẬN.

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống nhất nói riêng, Phật Giáo Việt Nam nói chung, luôn luôn tôn trọng luật pháp, phục vụ và đòi hỏi những nguyện vọng chính đáng của dân tộc. Phật giáo chỉ biểu tình bày tỏ nguyện vọng chính đáng, không chấp nhận đấu tranh sắt máu, mà chỉ bày tỏ thiện chí và hành xử quyền hạn của công dân mà luật pháp công nhận. Luôn luôn nhận chịu khổ đau, mất mát để sửa tâm ý quần chúng, thức tỉnh lương tâm con người, phục vụ chân lý trật tự, an vui công bằng và bình đẳng xã hội.

# **CỔ ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH TỊNH KHIẾT ĐỆ NHẤT TĂNG THỐNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT**

Cổ Đại Lão Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết, Đệ Nhất Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, là một trong năm vị Đại Hòa Thượng sáng lập An Nam Phật Học Hội cùng với 18 vị cư sĩ mà Trưởng giả Tâm Minh Lê Đình Thám là vượt trội hơn cả.

Ngài là vị đồng chân xuất gia, tục danh là Nguyễn Văn Kính, sinh ngày 17 tháng 11 năm Tân Mão (1890), con trai thứ 3 của Cụ Nguyễn Văn Toán và Cụ Bà Tôn Nữ Thị Lý, quán làng Dương Mong Thượng, xã Phú Mỹ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên.

Thuở nhỏ theo Nho học, tư chất thông minh, chẳng bao lâu làu thông kinh sách. Lúc 15 tuổi xin song thân xuất gia tu học cùng anh ruột tại chùa Tường Vân, làng Dương Xuân Hạ, quận Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên. Bốn sư là Ngài Thanh Thái, dòng Lâm Tế, được thầy ban cho pháp danh Thượng Trùng Hạ Thống tự là Chân Thường và về sau thọ Đại Giới Đàn cụ túc có Pháp hiệu là Tịnh Khiết.

Vì là người tư chất khác phàm, phong độ oai nghi, giới hạnh tinh chuyên, đức độ hòa mục nên được Chư Tôn đặc cách miễn tuổi. Lúc 19 tuổi được thọ Tam Đàn Cụ Túc mà Ngài Vĩnh Gia là Hòa Thượng Đầu Đàn .

Trở về chùa phát tâm thọ bộ Vạn Phật trong 3 năm. Đến năm 23 tuổi, song thân đồng tử trần một lúc đúng như ý nguyện của 2 cụ lúc còn sinh tiền.

Năm ngài 26 tuổi làm Trụ trì chùa Phước Huệ. Năm 30 tuổi được Hòa Thượng Phước Chỉ cho Pháp hiệu là Tịnh Khiết.

Năm 32 tuổi, Hòa Thượng Phước Chỉ viên tịch, Ngài trở về Tổ đình thọ tang Thầy, rồi vào Cao Đẳng Phật Học thọ học cùng quý Ngài Thiên Hương, Phước Huệ đồng thời cùng tham cứu kinh điển trong một thời gian 3 năm.

Năm 42 tuổi Ngài làm Dẫn Thỉnh Sư Đại Giới Đàn Từ Hiếu. Hai năm sau Hòa Thượng Tịnh Hạnh, anh ruột của Ngài viên tịch tại Từ Hiếu, Ngài về kế vị trụ trì tại đó.

Năm 1940 , Ngài làm Giám Đốc Đạo Hạnh Cao Đẳng Phật Học Đường Tường Vân và Báo Quốc. Có những Tăng sinh về sau trở thành bậc Pháp khí như cố Hòa Thượng Thiện Hoa, cố Hòa Thượng Thiện Hòa, cố Hòa Thượng Hành Trụ, Hòa Thượng Trí Tịnh, cố Hòa Thượng Thiện Minh, các Ngài Trí Quang, Thiện Siêu.

- Năm 1944 làm Yết Ma Đại Giới Đàn Thuyền Tôn
- Năm 1947 làm Tòng Lâm Pháp Chủ Trung Việt
- Năm 1948 Đầu Đàn Hòa Thượng Đại Giới Đàn Báo Quốc.
- Năm 1950 Tổng Hội Chủ Phật Giáo Việt Nam

- Năm 1951 Chủ tọa Đại Hội Tăng Già Toàn Quốc tại chùa Quán Sứ Hà Nội
- Năm 1952 Chủ tọa Lễ Truy phong Pháp Chủ tại Tổ Đình Ấn Quang
- Năm 1955 dự Đại Hội Phật Giáo tại Sri Lanka
- Ngày 20.02.1962, gửi 2 kháng thư lên Tổng Thống Ngô Đình Diệm và Lưỡng Viện Quốc Hội, phản đối việc kỳ thị tôn giáo.
- Ngày 20.08.1963, bị thương trong ngày đầu Pháp nạn.
- Năm 1964 được chư Tăng cung thỉnh lên ngôi vị Tăng Thống và vào Ấn Quang để tiếp tục sự nghiệp.
- Năm 1968 gửi Thông điệp Sứ mệnh Hòa bình
- Năm 1972 nhân mùa Phật Đản, ngài viết một bản Thông điệp hòa bình kêu gọi các phe lâm chiến hãy thương thảo về vấn đề cuộc chiến thay cho giải pháp quân sự. Lời lẽ thống thiết đạo tình.
- Năm 1973 gửi Thông điệp Ý lực tự giác.
- Tháng 11 năm Nhâm Tý, Hội Đồng Lưỡng Viện làm lễ tiễn đưa Ngài từ Quảng Hương Già Lam về lại Cố đô Huế.

Ngài viên tịch vào lúc 20 giờ 45, ngày 23 tháng Giêng năm Quý Sửu (25.02.1973) tại Tổ Đình Tường Vân thọ 83 tuổi, hạ lạp 64. Pháp hiệu Thanh Trai.

Ngài có hơn 50 đệ tử xuất gia và hàng tại gia thì số nhiều không kể xiết.

Vì Ngài là bậc chân tu, văn phòng Viện Tăng Thống có phụng soạn tiểu sử đời Ngài khá chi tiết và tỉ mỉ, xin quý vị độc giả tham khảo thêm.

# **CỔ THƯỢNG THÍCH THIÊN HOA VIỆN TRƯỞNG VIỆN HÓA ĐẠO GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT**

## **THÂN THỂ VÀ TIỂU SỬ**

Hòa Thượng Thích Thiên Hoa tên thật là Trần Thiên Hoa, quy y từ lúc nhỏ nên song thân lấy pháp danh làm tục danh. Ngài sinh ngày 07 tháng Tám năm Mậu Ngọ (1918). Là con thứ trong một gia đình Phật tử thuần thành ở cù lao Tân Quy, xã An Phú Tân, quận Cầu Kè, tỉnh Vĩnh Bình. Thân phụ là Trần Văn Thê, Pháp danh Thiện Huệ, hương cả của làng. Thân mẫu là Nguyễn Thị Sáu, pháp danh là Diệu Tịnh. Cha Ngài mất sớm, năm ngài lên 6 tuổi, mẹ mất lúc 90 tuổi vào năm 1967.

Toàn thể gia đình Ngài quy y với Tổ Chí Thiên, chùa Phi Lai núi Voi, Châu Đốc. Pháp danh của ngài do Tổ cho. Sau khi thân sinh mất, ngài theo mẹ đi chùa Phước Hậu ở Trà Ôn làm lễ cầu siêu. Tại đó, Ngài cương quyết xin xuất gia ở lại chùa. Sau đó ngài lên chùa Long Phước quận Cái Vồng theo học với Tổ Khánh Anh. Trong gia đình Ngài còn có người anh thứ 5, chị thứ 7 và anh thứ 8 cùng xuất gia cả.

Ngài cầu Pháp với Tổ Khánh Anh được hiệu là Hoàn Tuyên, Tổ đi giảng nơi nào Ngài đều được đi theo.

Năm 1931; Tổ đến Chùa Long An ở Trà Ôn và khai giáo tại đây, ngài cũng nhập chúng tu học tại chùa này. Đầu mùa hạ 1935, lúc Ngài 17 tuổi, Ngài theo học Phật Học Đường Lương Xuyên, Trà Vinh và thọ giới Sa Di.

Ba năm sau Ngài đi Huế tiếp tục chương trình tu học tại Phật Học Đường Tây Thiên trong 2 năm. Sau đó Ngài vào thọ học cùng Tổ Phước Huệ, chùa Thập Tháp tại Bình Định một năm rồi lại trở ra Huế nhập học Phật Học Đường Bảo Quốc.

Năm 1945 lớp học vừa dứt thì chiến tranh tràn đến, ngài dẫn một số chúng Tăng vô Nam theo sự ủy thác của Hội An Nam Phật Học.

Trở về miền Nam năm 1945, Ngài hợp tác cùng Ngài Trí Tịnh mở Phật Học Đường Phật Quang tại Rạch Bang Chang, Trà Ôn. Đây là khóa học đầu tiên cho tu sĩ miền Nam. Hiện nay trong số hơn 30 Tăng, Ni còn lại một số vị nổi tiếng như: Hòa Thượng Thanh Trí, Ni Sư Trí Định. Ngoài lớp giáo lý, Ngài còn mở các lớp học quốc ngữ mỗi buổi sáng để dạy cho các em trong làng. Dạy lớp Bình dân học vụ mỗi tối và mở Trạm y Tế để giúp cho đồng bào khi tật bệnh. Chính Ngài đã lập ra phương thức học văn bằng lối thơ lục bát mà cho đến nay nhiều người còn nhớ rõ.

Đến năm 1952, Ngài được các Pháp lữ như ngài Thiện Hòa, lúc ấy là Giám Đốc Phật Học Đường Nam Việt, Hòa Thượng Thích Nhật Liên, Tổng Thư Ký Giáo Hội Tăng Già Nam Việt và Hòa Thượng Thích Quang Minh, Hội Trưởng Hội Phật Học Nam Việt mời về Sài Gòn để chung lo Phật sự.

Năm 1953, Hòa Thượng chính thức lên Sài Gòn để cùng quý Vị Lãnh Đạo Giáo Hội Miền Nam gánh vác trách nhiệm hoằng dương Chánh pháp. Ngài đảm nhiệm

chức vụ Đốc Giáo Phật Học Đường Nam Việt, Trưởng Ban Hoằng Pháp và Trưởng ban Giáo Dục Giáo Hội Tăng Già Nam Việt.

Năm 1957, ngài cùng Hòa Thượng Thích Thiện Hòa sáng lập ra Phật Học Ni Tự tức chùa Dược Sư ngày nay. Ngài còn mở lớp Như Lai Sứ Giả tại chùa Pháp Hội, hằng tuần Ngài còn chủ trương và tổ chức các buổi phát thanh Phật Giáo trên đài Sài Gòn.

Hằng tuần vào tối thứ tư và thứ năm, Ngài mở lớp dạy giáo lý tại chùa Ấn Quang (Phật Học Đường Nam Việt) cho quý Phật tử cư sĩ. Đây là lớp học Phật Học Phổ Thông mà Ngài hằng ấp ủ hoài bão thực hiện. Đến năm 1965 thì hoàn tất được 12 nấc thang Giáo Lý.

Năm 1956, ngài được mời giữ chức vụ Hoằng Pháp Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam và làm Chủ Nhiệm tạp chí Phật học lấy tên là Tạp chí Phật Giáo Việt Nam.

Năm 1961, sau khi anh Trưởng Ban Hướng Dẫn GDPT Việt Nam Võ Đình Cường bị bắt, Ngài đã đứng ra lãnh chức vụ Trưởng Ban Hướng Dẫn GDPT Việt Nam.

Năm 1963, trong cuộc vận động của Phật Giáo Việt Nam, Ngài được suy cử giữ phó Chủ Tịch Ủy Ban Liên Phái bảo Vệ Phật Giáo và sau đó bị Chính quyền Ngô Đình Diệm bắt giam cùng với hàng trăm Tăng, Ni, tín đồ Phật tử.

Năm 1964, sau Pháp nạn, Ngài được suy cử chức Phó Viện Trưởng Đệ Nhất Viện Hóa Đạo GHPGVNTN . Đến năm 1967 được đề cử giữ chức vụ Viện Trưởng Viện Hóa Đạo kiêm Trụ Trì Việt Nam Quốc Tự.

Tuy công việc đa đoan, Ngài vẫn luôn luôn giữ hạnh Pháp thí cho đến ngày viên tịch lúc 6 giờ 05 ngày 20 tháng 12 năm Nhâm Tý tức ngày 23.01.1973 hưởng thọ 55 tuổi đời, 26 tuổi hạ.

## **SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ TRƯỚC TÁC**

Sau khi tốt nghiệp Cao Đẳng Phật Học Báo Quốc ở Huế cho đến khi viên tịch, dù bận bịu công việc, dù sức khỏe suy yếu, kể cả trong lúc khó khăn nhất vì thời đại, không lúc nào Ngài ngơi nghỉ trong công cuộc giáo dục Tăng, Ni, Phật tử.

Từ lớp Giáo Lý ở chùa Phật Quang đến Phật Học Đường Nam Việt tại Chùa Ấn Quang, đến Phật Học Dược Sư và nhiều chùa khác nữa, Ngài làm công việc một cách cần cù không ngơi nghỉ, không mệt mỏi. Ngài còn lưu ý đến việc truyền bá Phật Pháp bằng các phương tiện truyền thông đại chúng như chương trình Phát Thanh Phật Giáo Việt Nam mà Ngài chủ trương và tổ chức.

Tuy vậy Ngài vẫn không ngừng dịch thuật và trước tác. Các tác phẩm của Ngài phần nhiều do tự chúng mà thành và Ngài rất lưu tâm đến trình độ Giáo Lý của đại chúng, nên Ngài viết ra một cách đơn giản nhưng rất đầy đủ, súc tích và dễ hiểu. Chúng ta có thể kể đến các tác phẩm của Ngài như:

1. Phật Học Phổ Thông (12 khóa)
2. Duy Thức Học
3. Bản Đồ Tu Phật
4. Tám Quyển Sách Quý
5. Đại Cương Kinh Lăng Nghiêm
6. Triết Lý Đạo Phật

7. Kinh Viên Giác
8. Kinh Kim Cang Bát Nhã
9. Tâm Kinh
10. Luận Đại Thừa Khởi Tín
11. Nhân Minh Nhập Chánh Lý Luận
12. Luận A Đà Na Thức
13. Đại Thừa Bá Pháp Minh Môn Luận
14. Duy Thức Tam Thập Luận.
15. Luận Duy Thức Phương Tiện Đàm
16. Nghi thức Sám Hối
17. Nghi Thức Cầu An Cầu Siêu
18. Kinh Vu Lan dịch nghĩa
19. Kinh Tam Bảo
20. Kinh Di Đà dịch nghĩa và các bài Sám
21. Nghi Thức Trì Ngũ Bộ Chú
22. Nghi Thức Tọa Thiền Niệm Phật
23. Nghi Thức Kinh Hành Niệm Phật
24. Nghi Thức Thọ Bát Quan Trai Giới
25. Nghi Thức Đọc Trì Chú Phổ An
26. Nghi Thức Tụng Hoa Nghiêm Tự Mẫu
27. Sự tích Đức Di Lạc Tôn Phật
28. Lục Tổ Huệ Năng
29. Tổ Bồ Đề Đạt Ma
30. Ông Trưởng Giả Kén Rể
31. Tiên Nữ Đồng Tâm Đầu Phật
32. Nàng Bạch Tinh Xuất Gia
33. Phái Đoàn Phật Giáo Việt Nam 20 Ngày ở Nhật
34. Tinh thần có phải do vật chất sanh
35. Tam Quy Ngũ Giới
36. Năm Mười Năm Chấn Hưng Phật Giáo
37. Bài Học Ngàn Vàng (4 tập)
38. Phật Học Thường Thức (Chủ biên)

## **KẾT LUẬN**

Trong suốt cuộc đời của ngài, chúng ta thấy Ngài luôn luôn xả thân cho sự tồn vong của Phật Giáo và hành Pháp thí của Ngài vẫn giữ cho đến ngày viên tịch. Cuộc đời của Ngài là tấm gương hạnh nguyện cao đẹp rực rỡ mà mọi người con Phật vô cùng ngưỡng mộ và phát nguyện học tập.

Là Huỳnh Trưởng GDPT nhất là Liên Đoàn Trưởng nguyện xứng đáng với hoài bảo mà Cổ Thượng Tọa Viện Trưởng đã để lại cho Phật Giáo Đố Việt Nam.

# **HIỆN TÌNH PHẬT GIÁO VIỆT NAM TRONG NƯỚC TỪ SAU NĂM 1975 ĐẾN NAY.**

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, dù có nhiều sự răn đe của nhà nước cộng sản Việt Nam (CSVN), Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) vẫn kiên cường hoạt động, lãnh đạo Phật giáo đồ trên toàn miền Nam từ vĩ tuyến 17 đến mũi Cà Mau. Đã nhiều lần khuyến dụ, dọa nạt vẫn không có hiệu quả, CSVN bắt đầu đàn áp thẳng tay qua nhiều cuộc bắt bớ Tăng Ni diễn ra trên toàn quốc. Rất nhiều hàng giáo phẩm cao cấp lãnh đạo giáo hội bị chụp mũ, tù đày vô thời hạn nhằm muốn đập chết "đầu rắn" để khai tử giáo hội truyền thống dân lập này. Trước tình hình đó, năm 1977, Đại hội kỳ 7 của GHPVNTN được tổ chức tại chùa Ấn Quang - Sài Gòn, củng cố lại nhân sự cho giáo hội vào những chức vụ quan trọng trong Hội đồng lưỡng viện: Viện trưởng Viện Hóa Đạo, viện Tăng Thống, cùng các chức vụ trong các Tổng vụ như: Hoằng Pháp, Văn Hóa, Giáo dục, Tăng sự, Cư sĩ, Thanh niên, Tài chánh, Kiến thiết, Xã hội, .v.v... và nhiều vụ trực thuộc tổng vụ do Viện trưởng viện Hóa Đạo lãnh đạo và điều hành mọi Phật sự với hệ thống tổ chức cấu trúc theo từng Miền, Tỉnh, Thị, Quận, Huyện, Phường, Xã, Ấp.

Biết không thể áp đặt GHPGVNTN dưới sự lãnh đạo của mình qua bàn tay Mặt trận Tổ quốc và Ban Tôn giáo, CSVN chẳng ngần ngại thủ tiêu quý Thầy qua cái chết của Thượng Tọa Thích Thiện Minh và rồi đến cái chết đột ngột của Hòa Thượng Viện trưởng viện Hoá Đạo - HT Thích Trí Thủ, cùng nhiều bản án tử hình dành cho quý Thượng Tọa, Đại đức, Tăng Ni, .v.v....

Mặt khác, ngày 6 và 7 tháng 11 năm 1981, CSVN nâng đỡ những thành phần xu thời, cầu an, thân chính phủ giàn dựng Đại hội Phật giáo tại chùa Quán Sứ - Hà Nội, thành lập một giáo hội mới : giáo hội quốc doanh với danh xưng là Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN, chỉ thiếu 2 chữ Thống Nhất để phân biệt với giáo hội truyền thống dân lập). Khác với cơ cấu tổ chức của GHPGVNTN đã trình bày ở trên, Giáo hội này nằm dưới sự chỉ đạo của Ban Tôn giáo thuộc Mặt trận Tổ quốc, GHPGVN có ban lãnh đạo cao nhất là Ban Thường trực Hội đồng Trị sự. Trong Ban Thường trực (BTT) này có các chức vụ là Chủ tịch BTT, Phó chủ tịch, Tổng Thư ký, Phó TTK, các Ủy viên Thư ký, cùng với các Ban: Hướng Dẫn Nam Nữ Phật tử, Hoằng Pháp, Nghi lễ, Văn hóa, Kinh tế - Tài chánh, Từ thiện - Xã hội, Tăng sự và Kiểm soát. Mỗi ban có một Trưởng ban và một Phó trưởng ban nếu cần. Ví dụ Ban Hướng Dẫn Nam Nữ Phật tử trong nhiệm kỳ 3 (1992-1997) chỉ có Trưởng ban Hướng Dẫn Nam Nữ Phật tử là Thượng tọa Thích Thiện Duyên mà thôi chứ không có ai khác. Trong Ban Hướng Dẫn Nam Nữ Phật tử (BHDNNPT) lại không có quy chế, tổ chức và điều hành rõ rệt. Mãi đến cuối năm 1998 thì nhà nước chỉ thị cho giáo hội lấy toàn bộ cơ cấu của Ban Hướng Dẫn Trung Ương GDPT VN lấp vào và đặt dưới sự chỉ đạo của Trưởng Ban HDNNPT. Chính vì thế BAN HDTƯ GDPT VN mới này không thể dùng chữ "BAN" được nữa mà phải gọi là PHẦN BAN, và để phù hợp với danh xưng của hệ thống hàng dọc, người ta phải

bỏ các chữ "Trung Ương GDPT VN" mà thay vào đó là "Hướng Dẫn Nam Nữ Phật tử". Các đơn vị GDPT sinh hoạt dưới các chùa thuộc GHPGVN đều thuộc về Phân Ban HDNNPT. Vô hình chung tổ chức GDPT VN trong nước bị tách 2 : một thuộc về BHD TƯ GDPT VN (GHPGVNTN), một thuộc về Phân BHDNNPT (GHPGVN). Nhưng Phân BHDNNPT này không được thành hình ở cấp trung ương ngang hàng với cấp trung ương của GDPT VN, mà lại thành hình ở cấp Ban Hướng Dẫn Miền. Và ở cấp Miền, do sự linh động của một số các Huynh trưởng, Phân Ban Hướng Dẫn cấp Miền không dùng chữ "Nam Nữ Phật tử" mà vẫn duy trì chữ GDPT. Do đó ở Việt Nam chỉ có Phân Ban Hướng Dẫn GDPT Thừa Thiên - Huế, Phân BHD GDPT Thành phố Hồ Chí Minh, .v.v.... Các Phân BHD này chịu sự chỉ đạo của Thành hội Phật giáo hay Tỉnh hội Phật giáo (!!!!)

Từ đó, trong nước có hai giáo hội, CSVN chỉ thừa nhận giáo hội do chúng lập ra và kiểm soát mọi hoạt động của giáo hội này. Các tu viện, tự viện, trường học, mọi cơ sở, tài sản của GHPGVNTN bị tịch thu, cưỡng đoạt, giáo hội bù nhìn này không dám đòi lại. Và với quy chế "ăn theo", các đơn vị GDPT thuộc phe Phân Ban cũng được hoạt động công khai dưới sự giám sát của các cán bộ đoàn của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoặc các Đảng viên trẻ được gài vào các đơn vị để hướng dẫn giáo dục các đơn vị. Về cơ cấu hạ tầng, GHPGVN sao lại hệ thống tổ chức hạ tầng như GHPGVNTN với cấu trúc Tỉnh - Thị, Quận - Huyện, Phường - Xã, mỗi tỉnh có Tỉnh hội, thành phố có Thành hội, còn mỗi Quận hay Huyện thì có Đại diện Quận hay Huyện, đối với Phường hay Xã nếu Phường Xã đó có số lượng Phật tử đông thì sẽ có Đại diện.

Tưởng GHPGVN ra đời thì tự khắc sẽ xóa dần hình ảnh của GHPGVNTN, nhưng trái lại, chính nhờ sự nhu nhược, thiếu dũng cảm, cam tâm làm tay sai của GHPGVN càng làm cho niềm tin phục hoạt GHPGVNTN của Tăng tín đồ Phật tử ngày được un đúc ngấm ngấm hơn. Vô hình chung trong nước hiện hữu cùng lúc 2 giáo hội, một nổi, một chìm; một được nâng đỡ, một bị trừ dập. Giáo hội được nâng đỡ thì không đạt được lòng tin của đại đa số Phật tử. Giáo hội bị trừ dập thì càng được khối quần chúng Phật tử trong nước thương kính chư tôn đức và càng thể hiện tính vô úy của người Phật tử. Cũng nói thêm tình hình thế giới có nhiều điều bất lợi cho CSVN, khối Phật tử VN tại hải ngoại ủng hộ tuyệt đối tinh thần phục hoạt của GHPGVNTN lại càng khích lệ khối Phật tử trong nước vững tin hơn vào Giáo hội truyền thống này, điều đó buộc nhà nước CS đã phải giảm án tử hình cho một số Thầy. Và đã đến lúc chín mùi :

Cuối năm 1991, Hòa thượng Xử Lý viện Tăng Thống, HT Thích Đôn Hậu, trước khi xả bỏ báo thân, những ngày tháng cuối Ngài đã gửi tâm thư cho chư tôn đức trong và ngoài nước kêu gọi phục hoạt GHPGVNTN. Lời kêu gọi phát đi, hàng triệu lời đáp ứng mạnh mẽ. Tại hải ngoại các chi phần GHPGVNTN tại các châu, các quốc gia quay về với Giáo hội chính thống.

Tháng 4 năm 1992, sau tang lễ Đại lão HT Thích Đôn Hậu, thực thi di chúc của Ngài, Hòa thượng Thích Huyền Quang nhân danh Quyền Viện trưởng viện Hóa Đạo tuyên bố phục hồi sinh hoạt GHPGVNTN. Trong nước nhiều tự viện, Tăng, Ni lên tiếng ủng hộ và công khai bắt tay vào việc sinh hoạt với GHPGVNTN bằng cách ly khai với hệ thống GHPGVN. Dĩ nhiên là nhà nước CS không để yên, lại những màn bắt bớ, đàn áp thẳng tay diễn ra. Nhưng nhờ vào thành quả khoa học kỹ thuật trên lãnh vực thông tin, những vi phạm trầm trọng về nhân quyền

tổ giáo CSVN được nhanh chóng truyền bá, quốc tế buộc nhà nước CS phải tôn trọng những công ước về nhân quyền mà nhà nước VN đã cam kết thực thi. Sau cùng cuối năm 1992, nhà nước CSVN phải trả tự do cho tất cả các chư tôn đức giáo phẩm trong GHPGVNTN cùng một số các vị lãnh đạo các tôn giáo khác và các chiến sĩ nhân quyền.

Trong suốt 2 năm (1992-1994), dù luôn bị gây khó khăn, chèn ép, thả đọt nọ, bắt đọt kia, GHPGVNTN trong tình trạng dở sống dở chết nhưng vẫn cố gắng vươn lên, củng cố lại guồng máy giáo hội và đã đạt được những thành quả như sau :

- Thiết lập được Văn phòng 2 Viện Hoá Đạo tại Hoa Kỳ để điều hành Phật sự của Giáo hội tại hải ngoại (cuối năm 1993).
- Củng cố lại thành phần nhân sự trong hội đồng lưỡng viện và các tổng vụ (1994).

Và cứ như thế đã hơn 10 năm qua, từ 1994 cho đến nay, GHPGVNTN càng kiên cường phục hoạt bao nhiêu thì nhà nước CS lại càng tăng cường sức ép trấn áp bấy nhiêu. Có đôi lúc nhà nước mượn tay một số Thầy trong Giáo hội quốc doanh để nhằm lôi kéo vào GHPGVN, hoặc có đôi lúc tiếp xúc song phương với Hòa thượng Viện trưởng tại Hà Nội nhằm sáp nhập GHPGVNTN vào với GHPGVN để dễ dàng điều khiển bởi đảng CSVN qua tay Mặt trận Tổ quốc, nhưng đó là điều mà đại đa số tín đồ Phật tử trong và ngoài nước cùng chư tôn đức lãnh đạo GHPGVNTN nhất định không thể nhượng bộ.

Từ Khoa

**- IV -**

# **ĐIỀU ĐỘNG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ**

- 1. Quản trị hành chánh GĐPT**
- 2. Lễ lược trong GĐPT**
- 3. Chương trình thường niên  
của một đơn vị GĐPT**
- 4. Hoạt động thanh niên:**
  - a. Trại hè
  - b. Trại công tác
  - c. Trại du khảo
- 5. Văn nghệ trong GĐPT**

# QUẢN TRỊ HÀNH CHÁNH GDPT

## I. QUẢN TRỊ HÀNH CHÁNH

### a- Điều hành cấp gia đình:

Đạo hữu Gia trưởng hàng ngày nghiên cứu, giải quyết các công việc của Gia Đình, liên lạc với Ban Đại Diện địa phương (Chi hội Phật tử địa phương) tiếp xúc với phụ huynh của các đoàn sinh (nhất là Huynh Trưởng) trong gia đình để thăm viếng, tìm hiểu hoàn cảnh, thu thập ý kiến.

- Đạo hữu Gia Trưởng có thể cùng sinh hoạt 1 Đoàn
- Hằng tuần hay 2 tuần đến thăm các đoàn sinh hoạt để khích lệ tinh thần
- Hai tháng một lần họp ban huynh trưởng Gia Đình để kiểm điểm công việc, phối hợp hoạt động, hoạch định chương trình hoạt động tổng quát của Gia đình.
- Hai hay 3 tháng một lần tổ chức sinh hoạt chung toàn Gia đình dưới hình thức sinh hoạt hằng tuần của các Đoàn để thắt chặt tình thân ái giữa các đoàn viên trong một Gia Đình.
- Sáu tháng một lần tổ chức Trại sinh hoạt toàn Gia Đình để kiểm điểm sức sống, làm công tác xã hội tập thể.

### b- Điều hành cấp Liên đoàn

- Hằng ngày Liên Đoàn Trưởng nghiên cứu giải quyết các vấn đề trong phạm vi trách nhiệm của Liên đoàn.
- Theo dõi các hoạt động của các Đoàn
- Lập báo cáo lên Gia trưởng và BHD

### c- Hoạt động

- Hằng tuần điều khiển, phối hợp sinh hoạt tổng quát các Đoàn trong Liên đoàn.
- Hàng tháng họp các Huynh trưởng thuộc các Đoàn kiểm điểm sự hoạt động của các Đoàn cùng vạch chương trình hoạt động cho tháng tới.
- Bốn tháng một lần tổ chức Trại Liên đoàn mục đích kiểm điểm sức sống, thắt chặt tình huynh đệ giữa các Đoàn, thực hiện công tác xã hội tập thể.

## II. CHƯƠNG TRÌNH TU HỌC

Được áp dụng chung cho các Ngành theo chương trình do BHD Âu châu ấn hành. Về quy tắc vạch chương trình sẽ được trình bày ở bài quy tắc vạch chương trình tu học.

## III. HỘI ĐỒNG GIA ĐÌNH

Họp tất cả các Huynh trưởng trong Gia đình để kiểm điểm Phật sự đã qua và định chương trình cho các công việc sắp đến. Điều gì tổn hại đến thanh danh của GDPT thì họp Hội Đồng Kỷ Luật để giải quyết.

Thành phần Hội đồng này gồm có bác Gia trưởng chủ tọa và toàn ban Huynh Trưởng:

- a) Nếu người có lỗi là Huynh trưởng chưa có cấp bậc
- b) Các Huynh Trưởng có cùng cấp bậc được ấn định trong Quy Chế, nếu người có lỗi là Huynh trưởng có cấp.

Nếu công việc xảy ra có quan hệ chung đến GDPT mà Hội đồng này không giải quyết được thì phải đưa lên BHD.

## **Thưởng phạt**

### **Hội Đồng thưởng:**

Thành phần gồm có đạo hữu Gia trưởng chủ tọa, các Đoàn trưởng, Đoàn phó và thư ký v.v... (do đề nghị của Liên Đoàn đưa lên để mở Hội đồng). Sau khi Hội Đồng xét quyết định thưởng cho Đoàn sinh và Huynh trưởng sẽ được công bố trước toàn thể Gia Đình.

### **Hội Đồng Phạt:**

Thành phần gồm có đạo hữu Gia trưởng chủ tọa, các Đoàn Trưởng, Đoàn phó và thư ký v.v... (do Liên Đoàn đưa lên yêu cầu mở Hội Đồng Kỷ Luật)

### **Ghi chú:**

- Thưởng để công khai kích thích thúc dục sự làm việc của Đoàn sinh và Huynh trưởng.

- Phạt để sửa đổi sự lầm lỗi. Phạt có hai cách:

- \*Phạt chung: Đối với Đoàn sinh thì phạt tại chỗ hoặc giữa Đoàn từng em hay từng Đội, Chúng hoặc cả Đoàn tùy theo trường hợp. Hình thức này có ích không đến nỗi chạm lòng tự ái của các em.
- \*Phạt riêng: Nhất là đối với Huynh Trưởng nên dùng hoàn toàn tình cảm mà cảm hóa hoặc viết thư, hoặc kêu gọi người phạm lỗi đến nhà hay đưa đi chơi mà khuyên nhủ trong bầu không khí vô cùng thân mật.

## **IV. HÀNH CHÁNH**

### **a- Sổ sách Gia Đình phải có:**

- Sổ Gia phả hay Nhật ký Đoàn (Thư ký giữ)
- Tập ghi sổ thư đi
- Tập ghi sổ thư đến
- Tập lưu chiếu văn thư đến
- Sổ công tác Gia Đình
- Sổ công đức (sổ vàng)
- Tập lưu báo cáo (Thêm bản tình trạng Huynh trưởng và đoàn sinh trong Gia Đình) (mẫu đính kèm)

Tất cả sổ sách trên đây do thư ký Gia đình chịu trách nhiệm giữ gìn và nhật tu. Riêng sổ tài chánh, tập lưu chiếu Phiếu Xuất biên lai các chi tiêu và báo cáo tình trạng ngân quỹ do Thủ quỹ Gia Đình giữ gìn và nhật tu.

- Sổ chuyên cần do Liên Đoàn Trưởng giữ
- Hồ sơ sách tịch Huynh trưởng (đơn xin vào Gia Đình) do Đạo hữu Gia Trưởng giữ, phần hành do Thư ký làm.

**b- Lập sách tịch Huynh Trưởng và Đoàn sinh:**

Tất cả Huynh trưởng và Đoàn sinh phải lập sách tịch. Huynh trưởng do Thư ký Gia Đình nhật tu các hoạt động liên tiếp. Đoàn sinh do Thư ký Liên đoàn nhật tu. Mỗi khi Huynh trưởng và Đoàn sinh đi nơi khác đều chuyển cho đương sự để xuất trình địa phương đến (bản sao để đơn vị giữ 1, 1 bản gửi lên BHD)

**c- Thẻ Huynh trưởng và Đoàn sinh:**

Huynh trưởng:

- Phải được Hội đồng duyệt xét Quy chế Huynh trưởng công nhận
- Phải xuất thân một Trại Huấn Luyện Huynh Trưởng được Ban Hướng Dẫn tổ chức công nhận.

Đoàn sinh:

- Sau ba tháng sinh hoạt và được Ban Huynh Trưởng Gia Đình công nhận

Duyệt ký:

- Huynh Trưởng và Đoàn sinh trực thuộc do Ban Hướng Dẫn Tỉnh.

**c- Di chuyển - Thu hồi hủy bỏ**

Di chuyển: Khi có sự di chuyển, Huynh trưởng cũng như Đoàn sinh phải xuất trình Thẻ nơi mới đến cho:

- Ban Hướng Dẫn Tỉnh, nếu là Huynh trưởng
- Gia Đình nếu là Đoàn sinh

Thu hồi hủy bỏ: Huynh Trưởng và Đoàn sinh nghỉ sinh hoạt vĩnh viễn, Thẻ đương nhiên bị thu hồi và xem như bị hủy bỏ. Thẻ thu hồi, hủy bỏ sẽ được đăng tên vào nội san GDPT.

**V. THẺ THỨC TÀI CHÁNH**

Các tổ chức thường hay mất người vì vấn đề này do đó mà khi giao cần phải lựa chọn kỹ và giúp đỡ họ về cách thức làm việc. Ngoài ra, thủ tục, giới hạn việc chi tiêu công quỹ Gia đình cần ấn định rõ ràng.

**Thẻ thức thu:**

Thư ký thu mọi khoản trong nội bộ xong giao lại cho Thủ quỹ hay trực tiếp với các Đoàn. Xuất biên nhận, giữ tồn cần ghi chép rõ ràng hoặc vào sổ trước mặt người giao.

Những khoản thu đặc biệt phải ghi vào sổ Công đức, tiền này Thủ quỹ không trực tiếp nhận, ngoại trừ trường hợp đã được cắt cử thu nhận.

**Thẻ thức xuất chi:**

Liên Đoàn Trưởng (hai ngành) ký phiếu xuất chi. Phiếu này giao cho người nhận hai bản dính liền nhau. Thủ quỹ phát tiền khi hai phiếu này vẫn liền nhau.

Thủ quỹ kiểm soát phiếu xuất chi xem thử đã ghi đầy đủ chi tiết và hai bản có dính liền với nhau không, có hợp lệ mới phát tiền cùng một phiếu chi tiêu. Người nhận sau khi chi tiêu lập phiếu chi tiêu giao trả lại cho Thủ quỹ để nhận lại một

phiếu xuất chi nơi Thủ Quỹ trao lại cho Thư ký (Để Liên Đoàn Trưởng theo dõi việc chi tiêu. Chỉ khi nào người chi tiêu nạp lại cho Thủ Quỹ đủ biên lai hoặc phiếu chi tiêu mới gọi là thanh toán xong).

**Quyền hạn xuất chi:**

Tùy theo số tiền chi, từ một Huynh Trưởng đến Liên Đoàn Trưởng, hoặc Ban huynh Trưởng có thể đề nghị. Số tiền cụ thể sẽ ấn định sau, tuy nhiên mọi đề nghị chi tiêu phải xác đáng và tiến hành đúng thủ tục cần thiết.

**Điều hòa ngân quỹ:**

-Đạo hữu Gia trưởng, Liên Đoàn Trưởng cũng như toàn Ban Huynh Trưởng có kế hoạch điều hòa ngân quỹ để sự sinh hoạt của Gia Đình được thuận lợi cũng như việc giao tế, tương trợ, cứu trợ được thực hiện hiệu quả.

-Quản lý tài chánh rõ ràng, phải lưu tâm giữ cho ngân quỹ Gia đình được dồi dào, không bị thâm hụt, tạo ý thức trách nhiệm giữ gìn ngân khoản và tài sản của Gia Đình chặt chẽ.

(Đính kèm các mẫu chi xuất)

# LỄ LƯỢC TRONG GDPT

## I. LỜI MỞ ĐẦU

Lễ lược là yếu tố cần thiết cho mỗi hoạt động của một tổ chức, một đoàn thể.

Lễ lược là nề nếp giáo dục, là khuôn phép cố hữu văn hóa, tâm hồn của con người, của dân tộc nhất là sức sống đoàn thể.

Đối với GDPT, những lễ nghi được chọn lọc dung hợp để không nặng màu sắc, cổ truyền cầu kỳ, lại cũng không chạy theo thời đại rỗng tuếch. Chủ yếu là trang nghiêm, có ý nghĩa là đủ.

## II. CÁC LOẠI LỄ LƯỢC

**A- Lễ tôn giáo:** (Sở dĩ đề cập đến là vì cũng cùng một buổi lễ Cầu An, Cầu Siêu nhưng giản lược vì dành cho tuổi trẻ (Thiếu nhi ...)

Loại này gồm có:

- Cầu an
- Cầu Siêu
- Sám Hối
- Phóng Sanh, Phóng Đăng
- Các bài sám Xuất gia, Phật Đản, Vu Lan, Thành Đạo v.v..

Có tính giản lược vì:

- Bạch văn (Văn Việt)
- Không tán tụng
- Không khoa nghi khánh, bồng, chình, cỗ
- Không tuyên sớ
- Không lạy nhiều (như đại sám hối)
- Không nhiều chú. GDPT chỉ thông dụng các loại chú: Vãng Sanh, Sám Hối, Chuẩn Đề, Tiêu Tai Cát Tường, Thất Phật Diệt Tội.

**B- Lễ hành chánh:**

- Lễ chính thức thành lập
- Quy y
- Phát nguyện
- Trao cấp hiệu cho Đoàn Sinh, thọ cấp cho Huynh Trưởng
- Lên Đoàn
- Tái sinh hoạt

**C- Lễ Truyền Thống**

- Chu niên
- Sinh nhật Đoàn
- Ngày Dừng
- Ngày Hạnh
- Ngày Hiếu
- Trung Thu v.v..

### III. NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC

Thành phần được tổ chức: Những GDPT đã có quyết định chính thức thành lập mới được tổ chức các hình thức lễ lược, Thi Vượt Bậc, Trại, Văn Nghệ, gây quỹ v.v..

Những hình thức tổ chức trong phạm vi thuần túy sinh hoạt:

1. Đối với GDPT: trình thư cho ban Giáo Hội địa phương để thỏa hiệp trước
2. Đối với Ban Hướng Dẫn (Hay Ban Chấp Hành- Đại Diện Tỉnh, Thị): trình thư cho Ban Hướng Dẫn (Hay BCH-ĐD Tỉnh Thị) để thẩm tường trước 48 giờ, kèm theo chương trình với những chi tiết cần thiết thời gian, địa điểm, mục đích, diễn văn, thành phần quan khách v.v...
3. Đối với Chính quyền địa phương: Nếu tổ chức trong phạm vi chùa chiền thì có thể khỏi, nhưng ngoài phạm vi chùa thì nhờ Giáo Hội địa phương liên hệ xin phép hoặc thông qua.

#### A- Nguyên tắc hành chánh

Sau khi gửi thư xin phép BHD (hay BCH- ĐD Tỉnh) bất cứ việc gì, Gia Đình phải liên lạc để biết kết quả. Khi được chấp thuận (bằng phúc thư) của BHD (hay BCH- ĐD Tỉnh) mới được thực hiện.

Có những trường hợp ngoại lệ như công tác xã hội từ thiện hay họp bạn do lời mời hay yêu cầu của bất cứ cơ quan nào, đoàn thể nào ngoài GDPT, Gia Đình phải trình BHD (hay BCH-ĐD Tỉnh) xin quyết định.

Trong những lễ lược của GDPT, vị Chủ tọa luôn luôn là cấp lãnh đạo trực tiếp BHD, BCH hay ĐD Tỉnh. Vị Thầy chứng minh nếu có, thường là Đại Đức Đặc Ủy Thanh Niên hay cố vấn Giáo Lý Đơn vị do Gia Đình thỉnh hay nhờ BHD tỉnh nếu là Đặc Ủy Thanh Niên.

Ngoài những thành phần trên, không ai đủ tư cách, thẩm quyền chứng minh, chủ tọa các lễ lược của GDPT (cấp Gia Đình)

#### B- Thể thức Lễ Phật

Hương đăng, lên nhang đèn và 3 cây nhang cho chủ lễ, xong đánh 3 tiếng chuông.

- Đoàn sinh và Huynh Trưởng tuần tự và im lặng vào vị trí (Chánh Điện)
- Vị chủ lễ đánh lễ, quỳ cầm nhang 2 tay đưa ngang trán (Niệm hương bạch Phật)
- Lễ Tam Bảo
- Khai chuông mõ
- Tụng kinh
- Niệm Phật
- Trì chú
- Lễ Tam Bảo
- Hồi Hương
- Cử bài Trầm Hương Đốt (Nếu lễ thường ngày sinh hoạt)
- Đọc các điều luật

Ngoài lễ Phật ra, các lễ khác có 2 phần

**Phần A:** Nghi lễ thường lệ gồm:

- Lý do
- Niệm Phật cầu gia bị
- Chào cờ, cử bài Sen Trắng
- Giới thiệu thành phần tham dự

**Phần B:** Chương trình thuần túy dành cho các lễ. Thí dụ như Chu Niên:

- Lời khai mạc của Gia Trưởng
- Báo cáo sinh hoạt, sức sống, thành quả 1 năm qua.
- Đốt nến kỷ niệm mừng số chu niên của đơn vị
- Huấn từ của Ban Hướng Dẫn
- Đạo từ của Đại Đức Đặc Ủy Thanh niên chứng minh
- Tắt nến
- Liên hoan văn nghệ (nếu có)
- Lời cảm tạ
- Tiễn quan khách
- Giây thân ái

**C- Điều hành**

Cần chú trọng Huynh Trưởng điều khiển chương trình, phải bật thiệp, lưu loát, nghiêm trang, nắm rõ các mặt để không làm hỏng không khí trang nghiêm, đầm ấm, tốt đẹp. Phải nắm rõ thành phần quan khách để việc giới thiệu đúng theo thứ tự Giáo phẩm, Chức vụ, Cấp bậc và Chức vị.

Chương trình được sắp xếp kỹ lưỡng và tuyệt đối theo đúng mọi lễ nghi cung cách đầy đủ, mọi phân công chu đáo. Ban Tổ chức vững vàng, làm việc chặt chẽ.

**Phần gợi ý:**

- Tiếp tân, nước uống, bánh trái
- Trang trí
- Âm thanh, ánh sáng, phim ảnh
- Chòi rạp (nếu cần)
- Bàn ghế
- Vận chuyển đưa rước (nếu cần)
- Điều khiển đơn vị
- Trao phần thưởng, quà tặng, quà kỷ niệm.

Các lễ khác (xem phần Hành chánh của GDPT)

**IV. KẾT LUẬN**

Tổ chức các lễ lược GDPT là điều hết sức quan trọng. Huynh Trưởng phải hiểu rõ giá trị và ý nghĩa tinh thần của các buổi lễ, am tường cách tổ chức và thực hiện chu đáo để đạt kết quả tốt đẹp, không nên làm lấy lệ vá vúi, lọng cọng. Có chuẩn bị, nếu cần phải tập dượt không nên cập rập.

Hãy tận dụng khả năng tổ chức: Khéo léo, sáng kiến, hợp lực, nhiệt tâm, nghiêm túc và trang trọng.

Tuyệt đối theo lẽ lối thể thức căn bản của GDPT ấn định.

# VẠCH CHƯƠNG TRÌNH THƯỜNG NIÊN

## I. DẪN NHẬP

Phàm làm một việc gì cũng đều có tính toán, có thời khóa và chương trình, nhất là về phương diện giáo dục; việc vạch chương trình lại càng được chú trọng hơn.

Do đó việc vạch chương trình cho một Đơn vị, một Đoàn, một Ngành, người Huynh Trưởng trách nhiệm phải am hiểu và quan tâm hàng đầu.

## II. MỤC ĐÍCH

Trong chương trình tu học, sinh hoạt của các Ngành thuộc GDPT gồm:

### 1- Phật pháp:

Là nhằm đào luyện nếp sống tôn giáo tức là tạo một nhân cách đầy đủ tình thương, trí tuệ và đạt được thành quả trong mọi công việc, lại biết vui sống hạnh phúc hòa bình với nhau, biết lo cái lo chung, biết chia sẻ chan hòa với cộng đồng sống.

### 2- Chuyên môn:

Nhằm rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo cho công cuộc khoa học kỹ thuật ngày mai, bởi nhanh nhẹn nắm bắt, linh hoạt của trí óc và tay chân.

### 3- Văn Nghệ:

Hướng tâm tư và thẩm mỹ vào mục đích cao cả, không ủy mị mà ngõ hầu đạt nghệ thuật thanh cao, giàu sáng tạo, phong phú văn mỹ nghệ hóa dân tộc.

### 4- Xã hội:

Biết cảm thông, chia sẻ với những thiếu thốn cùng khổ của đồng loại, biết xây những công trình công ích nhỏ nhỏ, biết quên mình vì người bằng cách nhịn phần ăn sáng, việc vui chơi của mình cho bạn nghèo... Ngoài một chương trình tu học nêu trên còn có các hoạt động khác nào lễ nghi, truyền thống, nào hoạt động Giáo Hội, xã hội vv...

Một yêu cầu tổng hợp như vậy cần được san định ra cho 10 bậc học cho 3 ngành (oanh, thiếu, thanh) và cho thời gian 12 tháng.

Nhiệm vụ của Huynh Trưởng là san lập một Chương Trình Tu học và Sinh Hoạt cho từng bậc học :

a- Oanh : Mở mắt, Cánh mềm, Chân cứng, Tung bay.

Thiếu : Hướng Thiện, Sơ Thiện, Trung Thiện, Chánh Thiện

Thanh : Hòa, Trực

b- Chung cho toàn đơn vị GDPT trong năm.

## III. NGUYÊN TẮC YÊU CẦU

San lập như thế nào để đạt :

Theo sát chương trình quy định chung ( do trên )

Rải đều các bộ môn Phật Pháp, Chuyên Môn, Văn Nghệ, Xã Hội, Mỹ Thuật và hoạt động khác.

Các bậc từ thấp đến cao cũng không ngoài chương trình quy định.

Lập thời gian cho từng bậc học đã quy định.

Không trở ngại các sinh hoạt riêng như lễ lược, sinh hoạt ngoài trời, trại mạc, truyền thống.

Biểu đồ: Tổng quát cho cả năm.

#### **IV. NGƯỜI TRÁCH NHIỆM VẠCH CHƯƠNG TRÌNH**

Trách nhiệm ở đây là điều phối giữa công tác và tu học, giữa sinh hoạt này với sinh hoạt khác, giữa chương trình chung với chương trình riêng, giữa thành thị với thôn quê làm sao được sát theo thời gian và đúng theo chương trình quy định.

Muốn như vậy, người vạch Chương Trình là:

- Huỳnh Trưởng đầu Đơn Vị.
- Có đủ khả năng, hiểu biết.
- Có thiện chí và thời gian theo dõi, kiểm tra đôn đốc. (Lỡ có chương trình dồn dập vì có những hoạt động ngoài chương trình đến dồn dập thì phải biết vận dụng để lấp vào khoảng trống.)

#### **V. KẾT LUẬN**

Chương trình Tu học và Sinh hoạt GDPT nhằm đào luyện con người lấy phương pháp làm thực nghiệm, lấy chân lý giải thoát làm cứu cánh. Ngoài việc chương trình được vạch kỹ lưỡng ra, các bài soạn và giảng dạy đòi hỏi phải phù hợp, có tính sư phạm, giản dị, hợp đạo.

Tránh không nhồi sọ, mê tín, trừu tượng, sâu cao...

Cần chọn lựa Huỳnh Trưởng có khả năng, dạy phù hợp tuổi tác, trình độ.

Phải thường xuyên trắc nghiệm lại chương trình truyền đạt, tu học, tánh khí, tinh thần.

Chương trình Tu học Đoàn sinh GDPT đã đúc kết kinh nghiệm gần 60 năm, thực hành đúng phương châm giáo dục, vì vậy không được một ai tùy tiện thêm bớt.

Huỳnh Trưởng phải đặt công việc giảng dạy Đoàn sinh lên trên tất cả các công tác khác.

Giá trị của Huỳnh Trưởng được đo nơi trình độ hiểu biết của Đoàn sinh.

# HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN.

## \*\*\* TRẠI HÈ

Trại hè là trại sinh hoạt vui chơi, được tổ chức vào những ngày hè đầy nắng.

Để được tròn ý nghĩa, các Huynh Trưởng thường chọn những nơi xa, có biển cả, núi non, cảnh đẹp v.v...

Nhưng dù là trại gì, đối với đoàn thể giáo dục cùng đều mang một đích chung.

### I. MỤC ĐÍCH.

Trại mạc là một hoạt động giáo dục đa môn:

- Trước hết là nhằm thỏa mãn mọi nhu cầu vui chơi hoạt động của tuổi trẻ.
- Tạo điều kiện gần gũi với thiên nhiên.
- Làm quen với môi trường lạ.
- Tập thích nghi với hoàn cảnh thiếu thốn.
- Tập tự tạo tiện nghi đời sống cho mình.
- Tập lao động chân tay, làm việc có phương pháp kỹ thuật như sử dụng rìu rựa, búa cưa, đục, dao v.v...
- Tập chịu đựng bền bỉ với gió mưa, sương nắng.
- Lại còn học hỏi những điều ngoài sách vở.
- Bổ túc thực nghiệm lý thuyết cho nhà trường.
- Tập làm những việc công ích như sửa cầu, bắc cống v.v...

### II. KẾ HOẠCH

Dựa trên chương trình tu học và sinh hoạt hàng năm kèm theo chương trình hoạt động ngoài trời cho từng Đoàn, từng ngành, từng 3, 6 tháng hay cả năm.

Chúng ta chia đều mọi hoạt động ấy trong chương trình tu học, sinh hoạt cho phù hợp với loại trại, thời gian v.v...

Ví dụ: Trại Hè tất nhiên phải được tổ chức vào mùa hè nắng ráo.

( Phần kế hoạch và Tổ chức hành chánh được xem là nguyên tắc chung )

### III. TỔ CHỨC.

- Nêu rõ mục đích và yêu cầu trại
- Nắm vững lộ trình-địa điểm.
- Hình thành Ban Quản Trại
- Phương án- mô hình chung-riêng
- Chương trình tổng quát - chương trình chi tiết.
- Nhu cầu: Tài chính - phương tiện - dụng cụ v.v...
- Thủ tục xin phép - Thông báo.

#### a- Họp phổ biến:

- Ngày giờ lên đường
- Địa điểm thời gian
- Thành phần ( Ngành , Đoàn.)

**b- Phân công.**

Trại hè đi về miền nào thì tăng cường về mặt đó.

Ví dụ: Đi trại miền biển phải chú trọng ngay đến biện pháp an toàn khi tắm biển.

- Lập toán an toàn gồm nhiều Huynh Trưởng biết bơi lội giỏi
- Kiến thức trại (đặc biệt cho mùa hè)
- Các trò chơi
- Y tế
- Sinh hoạt v.v..

**c- Phương tiện di chuyển**

Vì là trại có tính chất nghỉ ngơi, giải trí nên cần đến danh lam thắng cảnh - miền biển hay vùng di tích mà các vùng ấy thường xa thành phố hoặc dân cư nên vấn đề lo phương tiện là cần yếu.

Loại thuê bao hay xe đò thì người tổ chức cũng phải tiên liệu vào phần tổ chức.

**d- Ẩm thực**

Vấn đề đặt ra là khi thành phần đi trại là nhỏ tuổi hay nhiều Đoàn (Gia Đình) thì ẩm thực và tiện nghi cũng được bàn đến.

**e- Chương trình**

Bất kỳ một trại nào, dù dài hay ngắn ngày đều cũng phải có hoạch định chương trình, phải giờ nào việc đó. Không buông thả, tùy tiện mạnh ai nấy chơi thì không ra thể thống gì là Đoàn thể nữa.

**f- Các dự kiến khác**

Ngoài chương trình chính được vạch ra cụ thể, chặt chẽ, còn phải dự liệu các mặt khác như thuyết minh về di tích lịch sử, văn hóa, phải tiên liệu các bất trắc có thể xảy ra.

**IV. TẠI ĐẤT TRẠI**

Luôn theo đúng giờ giấc, chương trình đã vạch sẵn.

Hướng mọi sinh hoạt vui chơi vào giáo dục.

Dù rằng chơi nhưng phải điều độ, không nên mệt quá sức.

Khuyến khích Trại sinh biết tận hưởng hạnh phúc do chính bàn tay, học tạo dựng tiện nghi cho chính họ.

Nêu cao tinh thần đồng đội, đồng loại và tính tuân phục.

Đừng vui chơi quá mê say.

Người trách nhiệm nên thường xuyên trông chừng.

Nên quản lý tài sản của Trại.

Sau trại: Kiểm điểm

- Con người

- Dụng cụ, của cải

- Phương tiện (nếu là cá nhân)

Rời đất trại, chia tay, đi đến nơi về đến chốn

- Họp rút ưu khuyết.

- Kiểm tra khí mẫn. Hoàn trả (nếu mượn) và bồi hoàn (nếu mất)

- Tài chánh: thiếu-thừa
- Theo dõi Đoàn sinh có trở ngại, đau ốm v.v...
- Báo cáo cấp trên (bằng văn bản)

## **V. KẾT LUẬN**

Trại Hè là trại mới xem tưởng chừng như là trại nhằm nghỉ ngơi xả hơi, nhưng thật ra đòi hỏi ta phải hoàn thành các mặt sau đây trong chương trình:

Kiểm tra bài học - Kiến thức - Thể lực - Tánh khí- Kỹ năng- Mỹ thuật.

Vì sao vậy? Ra khỏi phố về miền thôn quê, miền biển, miền núi để bổ túc thêm cho kiến thức. Có thi gan với nắng gió, sóng biển mới đo được sức dẻo dai của thể lực. Họ có sợ nước sợ sóng hay liều mạng, ấy là đo lường tánh khí. Họ có can đảm vào hang sâu hay núi cao rừng rậm cũng là một biểu hiện của tánh khí, ý chí. Muốn biết họ có đủ sức vượt sóng bằng cái bè do chính họ tự tạo hay không ? Đấy là kỹ năng. Vài sừ tầm nhỏ bằng cành cây, gốc tre, phiến đá cũng đủ nói lên óc thẩm mỹ của họ rồi. Chính vì vậy đừng quên kiểm tra sức lực, sở năng sở trường Đoàn sinh trong dịp Trại Hè là tốt nhất.

Ngoài ra phải tạo cho Trại sinh biết:

- Mở rộng lòng với cộng đồng thân hữu, yêu thiên nhiên, giữ gìn nơi công cộng.
- Sẵn sàng, tuân phục, thương yêu, giúp đỡ
- Sống đời sống luật - hạnh

Hãy biết dinh dưỡng tinh thần, kết hợp mọi sinh hoạt phù hợp từng hạng tuổi.

# HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN.

## \*\*\* TRẠI CÔNG TÁC

Trại công tác bao gồm trại từ thiện, cứu trợ hỏa hoạn, bão lụt, di tản chiến hạm, bắc cầu hoặc sửa chữa cầu cống (loại ván, tre), sửa chữa đường sá, cống rãnh.

### I. MỤC ĐÍCH

Đạo Phật nói chung, GDPT nói riêng đều chủ trương lấy giúp ích tha nhân làm đầu trong cuộc sống cộng đồng nhân loại. Vì vậy trong chương trình giáo dục của GDPT đều có đưa vào một số lớn giờ hoạt động công tác xã hội cho các bậc học. Nhằm tạo ý thức nếp sống, làm quen, hòa đồng vào các tầng lớp trong xã hội, tăng trưởng lòng từ bi, cảm thông niềm khổ đau, khổ đau đồng loại qua các thiên tai, dịch họa v.v..

### II. THỂ LOẠI

Như đã nói ở trên, một trong những loại công tác trên, khi được yêu cầu, hay đã nằm trong kế hoạch của Đơn vị cần tổ chức thì tùy loại công tác mà tổ chức dựng trại:

- Loại trại mà không cần dựng trại, đưa đoàn công tác đến ở một ngôi đình hay chùa nào đó, nhưng mọi sinh hoạt, sắp xếp, việc làm như trại.
- Loại đi trong ngày không ở lại, xong việc là ra về.

### III. TỔ CHỨC

Khi được yêu cầu hoặc khi nắm được công việc cần làm, Huynh Trưởng có trách nhiệm đến tìm hiểu, tiếp xúc, trao đổi, nắm mọi nhu cầu của sự việc thì:

#### a- Tiếp xúc

- Biết lượng giá sự việc
- Lượng sức để nhận việc
- Khả năng nhân tài, vật lực
- Quyết định

#### b- Phương án

- Loại công việc: Việc gì, cần gì
- Bảng chiết tính: Dự liệu các mặt chi tiết (Nhân tài vật lực)
- Thời gian: Công việc ấy sẽ làm bao lâu
- Thành phần: Sẽ giao ai (Đoàn nào) công việc
- Người chỉ huy: Ai đảm trách công việc vừa đối nội đối ngoại (Đối nội là điều động hoàn thành công việc; đối ngoại là giao tế, tiếp xúc với dân chúng địa phương, kể cả các cấp chính quyền), rất cần sự yểm trợ các mặt để sớm hoàn thành công tác.

### IV. THỰC HIỆN

Sau khi đã họp bàn, lên phương án, đã nắm thành phần nhân lực bao nhiêu người cho công việc; thời gian ấn định là mấy ngày.

- **Nhân lực:** Người nào việc đó, bắt tay vào việc, chia công việc thành khâu, từng công đoạn. Mỗi khâu có người chịu trách nhiệm, bao nhiêu nhân lực trong khâu ấy, phải nắm hết việc mình làm, phải làm hết sức mình.

- **Vật liệu:** Các vật liệu như xây dựng nhà, sửa cầu đường v.v., phẩm vật nếu là cứu trợ như mùng mền, áo quần, gạo..

- **Phương tiện:** Các vật liệu, dụng cụ, phẩm vật ấy chở bằng loại phương tiện nào. Tự thuê bao hay do ai yểm trợ, đã đủ cho số lượng người tham dự ? Hẹn ngày giờ, địa điểm, đưa đón..

- **Đến nơi:** Kiểm tra, cắt đặt công việc, bắt tay vào việc trình tự theo chương trình vạch sẵn, việc gì trước việc gì sau.

- **Bắt tay vào việc:** Đồng loạt, vui vẻ, nhiệt tình, hết sức cho công việc. Tránh tranh cãi, ca cẩm dù gặp trở ngại khó khăn (chuyện đương nhiên là có khó khăn phải chấp nhận). Cố gắng hoàn tất công việc tốt đẹp.

- **Kiểm tra:** Sắp xong công việc phải kiểm tra các mặt công việc. Giao tế địa phương. Kiểm tra dụng cụ thừa thiếu, đồ đạc của mình mang theo, tránh mọi sơ sót.

- **Bàn giao, chia tay:** Công việc xong, ai nấy đều hoan hỷ nên khiêm nhường, lịch sự là có được khen chê, tạo ấn tượng tốt khi chia tay. Dù sao cũng cảm ơn quý vị các cấp tạo điều kiện giúp đỡ hoàn thành công tác.

- **Sau công việc:** Kiểm điểm việc làm. Các thành viên tham dự có ai bệnh hoạn hay trở ngại gì. Đồ đạc, dụng cụ vay mượn phải hoàn trả, nếu có thất thoát, bồi thường xứng đáng. Kiểm tra sự chi dụng (nếu có). Báo cáo kết quả cho cấp trên trực tiếp v.v..

## V. KẾT LUẬN

Trại công tác từ thiện được xem là đạt thành quả là khi mọi người tham gia đều ý thức được việc làm của mình, đều hoan hỷ nhiệt tình tham gia (tự nguyện). Việc làm tới nơi, tối chốn, tròn công việc. Ba thành phần: người làm - công trình - đối tượng được hưởng công trình ấy đều cộng hưởng.

Ý nghĩa là mình tự thấy như làm cho chính mình không rậm rộ khoe khoang. Tự lực là chính, không kỳ kèo xin xỏ ai giúp mình trong công việc ấy.

Vì là công tác công ích nhằm giáo dục, nên trước khi làm việc gì cũng giải thích cặn kẽ để họ có tinh thần tự nguyện hơn là ép buộc. Họ được vui vẻ làm hết mình mà không thấy bị làm. Thế mới ý nghĩa công tác.

Công tác dù trại hay không cũng đều quan tâm tổ chức chu đáo.

Thành phần tham dự cũng phải chọn lựa, không nên để một vài kẻ thiếu ý thức đến, không những làm hỏng công việc mà còn tác động tới người khác.

Phải tập thói quen biết lượng sức để nhận việc. Khi đã nhận việc là phải hoàn thành việc. Tất cả cho công tác tự nguyện công ích. Trại chỉ thành công khi tất cả đồng lòng, đồng chí và hiểu rõ tầm vóc và ý nghĩ việc làm

# HOẠT ĐỘNG THANH NIÊN.

## \*\*\* TRẠI DU KHẢO

### I. DẪN NHẬP

Nhằm làm phong phú thêm chương trình tu học của GDPT cho nên Đại Hội 1973 đã đưa chương trình môn Khảo Sát để mở rộng kiến thức về một số đề tài quan yếu như: trồng trọt, địa hình, địa vật, di tích, cây cỏ, địa phương, phong tục, tập quán v.v..

### II. MỤC ĐÍCH

Tạo điều kiện để đoàn sinh ngành Thanh - Thiếu giao lưu, tiếp cận, nghiên cứu, thực nghiệm xoay quanh mấy yêu cầu sau đây:

- Sinh hoạt địa phương : Nông nghiệp, mùa màng, trồng trọt, cây cỏ
- Địa hình địa vật: ghi chép có phương pháp lên giấy một vùng dân cư, núi sông, làng mạc, chợ búa v.v...
- Phong tục tập quán : Lễ hội, văn hóa, cúng tế, đình, miếu
- Di tích lịch sử: Danh lam, chùa chiền, kiến trúc, hiện đại, tu tạc, truyền thừa

### III. PHƯƠNG ÁN

Huynh Trưởng họp thành phần du thẩm khảo sát lại và triển khai yêu cầu:

- Khảo loại - Chủ đề gì? Ở đâu?
- Cách: Khai triển ra sao
- Ghi chép, hình ảnh, tài liệu, văn bia v.v...
- Bản tổng kết phải ghi chép ra sao
- Thời gian từ ngày nào đến ngày nào
- Phân nhóm, nhóm mấy người
- Chia việc cụ thể
- Các phương tiện.
- Mọi nhu cầu trại, ẩm thực, tiện nghi
- Giấy xin phép hoặc giới thiệu.
- Họp ngày giờ địa điểm lên đường.

### IV. THỰC HIỆN

Khi đến nơi phân chia khảo sát trình tự từng phần.

**Ví dụ:** Khảo sát một ngôi chùa cổ

01. Chụp hình hoặc ghi lại tổng thể: Tam quan, Chánh điện, Hậu điện.
02. Loại kiến trúc, thời nào.
03. Tọa lạc trên diện tích ( bằng phẳng, gò cao, đồi núi.v.v...)
04. Phương hướng: mặt tiền quay về hướng nào, các phía tiếp giáp các vùng nào, gần trục lộ hay ở cách biệt. Diện tích chùa và khuôn viên chùa.
05. Cách thờ phụng, lâu chuông, trống, các loại nhạc cụ, hoành phi, đối liễn, bia ký v.v.
06. Trụ trì - Chư Tăng (Ni). Tìm hiểu Tổ Khai sơn, nối truyền, tông phái
07. Sinh hoạt, kinh tế.

08. Diện tích canh tác (nếu có), loại đất, độ cao, đá.
09. Mộ tháp
10. Cây cối (cổ thụ), hoa kiểng.
11. Nguồn nước uống : Giếng, suối hay bồn chứa nước mưa.
12. Kết luận: Ghi chép- Bản vẽ- Hình ảnh.

Nếu thời gian ngắn, chia mỗi nhóm vài phần, sau đó gộp lại. Hộp đúc kết thành bản Khảo Sát.

## **V. PHÚC TRÌNH**

Trong thời gian khảo sát nghiên cứu, tìm hiểu, chỉ ghi nháp. Sau khi xong, ráp nối, chép hoặc đánh máy thành bản văn khảo sát kèm theo hình ảnh, phụ chú văn bia, mộ tháp, đối liễn, hoành phi.

Sưu tầm so sánh thời đại, niên hiệu, sắc phong (nếu có), đính kèm văn kiện được sao chép.

Đọc lại, lập thành tối thiểu 2 bản, gửi bản chánh và giữ lại bản lưu cho mình.

## **VI. KẾT LUẬN**

Bản tường trình Trại Du Khảo có giá trị là khi mình biết cách điều tra nghiên cứu có đầy đủ dữ kiện, nêu được thực tại và mốc điểm quá khứ xuyên qua sự kiện chứng tích.

Giá trị được ghi nhận trên văn từ, hình ảnh, nếu vẽ thể loại cỏ cây, đất đá, cần kèm theo mẫu. Về mùa màng nông nghiệp phải rút được kinh nghiệm thực tiễn thực nghiệm.

Cuối cùng phải hiểu rằng Trại chỉ là phương tiện mà mục đích là "Khảo Sát" để nắm bắt thực tế những gì cần biết. Cho nên ở đây không bàn đến nhiều thêm.

Nên cho Đoàn sinh thực tập từ việc nhỏ rồi tập sự đi vào chương trình Khảo Sát.

Dù sao, đây cũng chỉ là vài gợi ý cho công cuộc học tập bộ môn này, xin các Anh, Chị nghiên cứu thêm để lên chương trình cho thích hợp.

# VĂN NGHỆ TRONG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

## I. DẪN NHẬP

Trong kho tàng Kinh điển Nhà Phật, Thế Tôn đã ân cần dẫn dò tứ chúng môn đồ chớ thân cận văn nhân nghệ sĩ, đàn ca hát xướng, đánh đấm võ quyền. Thế nhưng trước những thời Pháp quan trọng, Thiên Long Bát Bộ, Hộ Pháp Tôn Thần, Bồ Tát Thánh Chúng câu hội đều có hoa hương, trổi nhạc chúc tán, tác kệ tán thán. Do vậy việc đưa bộ môn Văn Nghệ vào chương trình tu học trường kỳ của Đoàn sinh và Huynh Trưởng phải có chủ đích rõ rệt cụ thể mà Huynh trưởng và Đoàn sinh GDPT không thể không nắm, nhất là Huynh Trưởng Huyền Trang.

### a- Định nghĩa

Văn nghệ: văn học, nghệ thuật. Văn nghệ là từ chung chỉ cho các loại thể sinh hoạt văn hoá nghệ thuật. Là phần chủ động trong cuộc sống tinh thần của con người. Bộ môn này tùy theo tuổi tác và bậc học mà áp dụng. Toàn thể gồm có các môn: thi ca, hò, vè, kể chuyện, tường thuật, âm nhạc, múa, hát, kịch, hội họa, điêu khắc, nhiếp ảnh, quản thủ thư viện, báo chí, triển lãm, hóa trang, thủ công mỹ nghệ.

Sự giáo dục của GDPT không nhằm đào tạo những nghệ nhân chuyên nghiệp mà để khai triển phương tiện đưa văn nghệ hội nhập cuộc sống. Trên tinh thần hướng thượng giải thoát luân hồi tử sinh và phiền não. Do vậy nội dung không được phản bác với hệ thống giáo điển Phật đà.

### b- Mục đích

Tạo cho thanh, thiếu niên có cuộc sống tao nhã, thích nghi với hoàn cảnh, môi trường xã hội. Với một vốn liếng nhận định sáng suốt không vấp ngã theo khuynh hướng xấu. Góp phần đưa nền văn hóa dân tộc truyền thống, bảo vệ nền luân lý đạo đức lâu đời của dân tộc.

Rèn luyện trẻ dạn dĩ bày tỏ được quan điểm, lập trường, suy tư và ước vọng bằng nhiều thể tài phong phú tự tin, không nhút nhát, hèn kém và vụng về lúng túng.

### c- Chủ đề

Cuộc sống, niềm tin và chí hướng tu tiến đến đạo quả giải thoát tự tại và an vui.

## II. CÁC LOẠI SINH HOẠT VĂN NGHỆ TRONG GDPT

Sau đây là đôi nét về các môn (loại hình) trong tổ chức GDPT. Nói đến văn nghệ không thể không đề cập đến ba giới nghệ sĩ:

- Nghệ nhân sáng tác (tác giả)

- Nghệ nhân trình diễn
- Nghệ nhân thường ngoạn.

Thông thường, người ta chỉ đề cập đến 2 giới nghệ sĩ đầu. Nhưng thực tế giới thứ 3 đóng vai trò quan yếu thẩm định giá trị một tác phẩm văn học nghệ thuật, nhất là xây dựng cho giới thứ 1 có những đóng góp kiệt xuất cho nền văn hóa nhân loại.

Giáo dục GDPT có tính cách khoa giáo hiện thực, nghĩa là dẫn thân vào cả 3 giới, đó là:

- Tập làm nghệ nhân sáng tác để biết cách diễn đạt, suy tư khát vọng, niềm tin và sức sống bằng một tác phẩm. Trước là để rèn luyện bản thân, sau là biết được những khó khăn hành sự, nên lúc phê phán sẽ được chân xác.

- Tập làm nghệ nhân trình diễn: Phát khởi óc sáng tạo biết quên mình để nhập vai, một hành động dẫn thân có đầu tư chiều sâu tư tưởng, trí tuệ. Cốt để tránh những vụng về, sơ sót trong việc sống, giao tế, tiếp xúc hằng ngày, tạo dựng nên một lớp người lịch duyệt, khôn ngoan và thận trọng.

- Tập làm nghệ nhân thường ngoạn. Làm quen với các trường phái văn nghệ. Nắm được những nguyên lý xây dựng tác phẩm, biết cách phân tích nội dung bố cục, từ đó nhờ sự thường ngoạn mà kiến thức, trình độ thể tục được nâng cao và bồi dưỡng ngày một phong phú.

Cụ thể xuyên sâu vào các môn của bộ môn này:

- i. Thơ, ca, hò, vè: Hiểu một cách khái quát về nền văn học dân gian, cách thể hiện tình cảm, tư duy, ước vọng, niềm tin và hạnh của dân tộc giản dị, súc tích, nhẹ nhàng, hiện thực nhưng phóng khoáng của dân tộc. Biết sáng tác ca ngâm.
- ii. Kể chuyện tường thuật: Tập cách ghi nhận thứ lớp các sự kiện trong cùng một vấn đề. Tập nói chuyện trước đám đông, theo dõi được tâm lý quần chúng, đánh giá được trình độ nhận thức của người và của ta để vươn lên.
- iii. Hội họa: Làm quen với cách sử dụng màu sắc, ánh sáng, phối trí, đặc điểm các trường phái hiện thực, trang trí, tả chân, truyền thần, siêu thực, lập thể, biếm họa, hoạt họa.
- iv. Điêu khắc: Cách tạo tượng làm khuôn, trọng tâm, sinh học, cơ thể học, vật lý học trong nghệ thuật điêu khắc. Tranh mỹ nghệ, sơn mài, các tác phẩm tiểu thủ công. Tập khắc trên gôm, trên phấn, trên củ khoai, gỗ mềm, khuôn dấu, hình nổi, hình chìm.
- v. Âm nhạc: Biết ký âm, xướng âm, hòa âm, biết sử dụng tối thiểu một loại nhạc cụ.
- vi. Phim ảnh: Biết cách ghi hình, nắm vững các nguyên tắc cơ bản về bố cục, màu sắc, ánh sáng của một hình ảnh nghệ thuật, các kỹ thuật lắp ráp phim ảnh, làm quen với các phim trường nổi tiếng.
- vii. Kịch: Biết các loại tuồng, khái quát về cấu trúc thể loại, nghệ thuật diễn đạt, hát bội, cải lương, chèo, quan họ, kịch nói.
- viii. Vũ: Biết cách diễn tả tình cảm qua những thao tác các chi phần của cơ thể theo âm giai và nhịp điệu của một bản nhạc.

- Nặng về các hoạt vụ nhí nhảnh vui tươi, hân hoan.
- ix. **Hóa trang:** Môn học kết hợp giữa văn nghệ, óc quan sát và trình độ kiến thức xuyên qua các thời đại. Giúp cho các em biết cách phân tích để thẩm định giá trị một kịch bản của nghệ sĩ và nhà đạo diễn, ưu khuyết, thành bại để học hỏi, tiến tới và tránh những lỗi lầm khi nhận định phê phán.
  - x. **Hoạt cảnh:** Biết cách phối trí và thể hiện tình cảm sống động 1 ca khúc, 1 đoàn văn, 1 giai đoạn lịch sử mà mình có chủ đề muốn khán thính giả cùng chia sẻ.
  - xi. **Báo chí:** biết khái quát các giai đoạn hình thành một tờ báo. Biết sử dụng báo chí làm diễn đàn chính thức để bày tỏ quan điểm, lập trường nhận định của mình để học hỏi đối thoại để xây dựng và phát triển. Biết vai trò, trách nhiệm của từng phần vụ, rõ thấu giá trị của công tác cần lao văn hóa.
  - xii. **Triển lãm trưng bày sức sống:** Đây là một môn học truyền thống không có tiết khóa vì Đoàn quán của đơn vị luôn luôn là một nhà trưng bày sức sống của đơn vị. Dĩ nhiên có những tác phẩm giá trị cần bảo quản tốt, đơn vị cần cất đi, chỉ trưng bày vào những ngày quan trọng. Nhưng công việc sưu tầm, sáng tác của Đoàn sinh, Huynh trưởng và các Đoàn là trường kỳ không gián đoạn.
  - xiii. **Trang nhà :** Biết cách mở một trang nhà (homepage) trên mạng internet cho đơn vị mình, và tất cả các bộ môn 1, 3, 6, 11, 12 trên đây đều phối hợp và dùng trang nhà làm phương tiện thực hiện.

### III. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ LIÊN ĐOÀN TRƯỞNG PHẢI THẤU ĐÁO.

Sau đây là 3 vấn đề Liên Đoàn Trưởng phải quán triệt để việc điều hành Gia Đình gặt được nhiều kết quả :

- Tổ chức Thư viện đơn vị (Tủ sách Gia Đình, máy vi tính, tủ CD, VCD và DVD)
- Báo chí đơn vị.
- Tổ chức một buổi trình diễn văn nghệ.

#### 1/ TỔ CHỨC THƯ VIỆN GIA ĐÌNH.

**a- Mục đích:** Sưu tầm kinh sách, tài liệu tu học, tài liệu lịch sử, văn hóa, khoa học, xã hội, nghệ thuật để Huynh Trưởng, Đoàn Sinh tự tham khảo, bồi dưỡng kiến thức để việc hướng dẫn và học tập đều tốt, đạt chất lượng cao. Do vậy vấn đề chọn sách báo cho tủ sách Gia Đình tại đơn vị để nó được coi như là một kho tàng trí thức, với chúng ta là cả một vấn đề chứ không phải muốn sách nào cũng được, không có những tác hại với bạn đọc.

Trong khuôn khổ thư viện đơn vị, việc chọn sách phải cẩn thận, muốn tránh sai lầm nên chọn như sau:

- Tất cả các sách, báo, DVD, VCD, CD do BHD Trung Ương ấn hành.
- Tất cả các kinh sách dành cho Cư Sĩ tại gia do Giáo Hội Ban Hoằng Pháp

ấn hành.

- Các loại sách học làm người
- Sách do Bộ Giáo Dục xuất bản dành cho Thanh Thiếu niên, sách thể thao, sách có chủ đề khoa học tự nhiên và xã hội.

**b- Ý nghĩa:** Công khai hóa các vấn đề học tập, huấn luyện và tu trì, mở mang kiến thức và trình độ tổng quát. Tiếp cận với sinh hoạt văn hóa dân tộc, hòa hiệp với xã hội. Nắm vững những nguyên lý căn bản của Tổ Chức, của Đạo Pháp. Thúc đẩy Huynh Trưởng và Đoàn sinh đúng Chánh Pháp, tư duy đúng Chánh Pháp, thực hành đúng Chánh Pháp. Theo dõi thông tin, cập nhật hóa chương trình, đưa tổ chức ngày một đi lên.

**c- Cách thực hiện:** Vận động chư Tăng, Ni, Đạo hữu địa phương giúp đỡ kinh phí. Phát động Huynh Trưởng và Đoàn sinh đóng góp một cuốn sách. Mở phong trào thi đua các Đoàn góp mỗi tuần một hay nhiều cuốn sách v.v.. Phát động phong trào gây quỹ như bán nước tương, bán nhang v.v.. để có tiền mua sách.

#### **d- Nguyên tắc quản trị và điều hành:**

- Tủ đựng sách, VCD, DVD, CD.
- Lập thư tịch tổng quát. Số lớn ghi theo thể loại có đánh số. Thí dụ: Tài liệu tu học cho Ngành Oanh mang ký hiệu I.A. Bậc Mở Mắt 001. Ta ghi I.A/001
- Phiếu thư tịch cho mượn. Mỗi tựa đề sách/CD là 1 phiếu. Trên đầu ghi tựa đề, tác giả, số mục thư tịch, chỗ để, dưới ghi ngày tháng cho mượn, tên người cho mượn, ngày trả.
- Quản thủ Thư viện là 1 Huynh Trưởng hoặc Đoàn sinh có trình độ. Nếu là Đoàn sinh, thì phải là ngành Thanh để biết cập nhật hóa sách báo, đương nhiên là được sự hướng dẫn của Liên Đoàn Trưởng.
- Mỗi tháng hoặc 2 tháng phải kiểm tra một lần.
- Thư viện mở cửa trước giờ sinh hoạt 1 giờ, đóng cửa sau khi tan hàng 1 giờ.
- Trong giờ sinh hoạt Thư viện đóng cửa để Quản thủ Thư viện cùng tham gia sinh hoạt hàng tuần.

#### **e- Kết luận:**

Để tránh tình trạng khan hiếm tài liệu tu học, việc thiết lập Thư viện rất là cần thiết. Quản thủ Thư viện có thể đề nghị chụp sao để lưu hành nội bộ. Đây là một môi trường thích nghi để hoằng dương Đạo Pháp, phục vụ lợi ích thực tế của mọi người trong đơn vị Gia Đình nên không nên xem thường hay bỏ qua.

## **2/ BÁO CHÍ TRONG G.Đ.P.T**

Trong tổ chức GDPT, kể từ Đới, Chúng ngành Thiếu ngành Thanh, cấp Đoàn ở ngành Oanh, báo chí là một môn sinh hoạt truyền thống của Tổ Chức. Đây là diễn đàn, là tiếng nói phản ảnh trung thực cuộc sống sinh hoạt và học tập tu trì của Đoàn sinh và Huynh Trưởng trực thuộc. Công tác này không được phép giao

riêng cho một nhóm mà tất cả mọi người đều làm, một sinh hoạt tự biên tự diễn kiểm duyệt và phát hành. Nhằm mục đích tạo cho Thanh, Thiếu niên có tinh thần trách nhiệm chung và thực sự trưởng thành. Không có gì to tát và ghê gớm trên đời, nếu quyết chí, mọi việc đều có thể làm nên.

Các thể loại báo trong khuôn khổ một đơn vị Gia đình:

- Chung cho đơn vị có thể là đặc san khoảng 4 số một năm chẳng hạn như Đặc San Xuất Gia (Ngày Dừng ), Đặc San Mừng Khánh Đản, đặc san Vu Lan, Đặc san Thành Đạo.
- Bích báo Gia Đình. Đoàn có phân góc Đội, Chúng.
- Các Đoàn cũng có thể làm tờ nguyệt san cầm tay ra hàng tháng, báo tường nhật tu hàng tuần.
- Mỗi đơn vị gia đình có thể mở một trang nhà riêng cho mình, trên đó các thành viên của gia đình đều có thể đăng tải bài viết của mình, hay những hình ảnh sinh hoạt của đơn vị mình, v.v...
- Tuần san, bán nguyệt san, nguyệt san (ra hàng tuần, nửa tháng, một tháng tùy theo khả năng). Muốn làm một tờ báo bất kỳ dưới hình thức nào đều phải qua những giai đoạn như sau:
  - 1- Ban Biên tập: Chịu trách nhiệm phát động phong trào, nhận bài vở, lựa chọn bài vở, sắp xếp nội dung tờ báo.
  - 2- Khuyến khích mọi người đều làm. Bài phải được Ban Biên Tập sửa cho gãy gọn, súc tích. Người không viết bài thì phụ trách chép tay, đánh máy, quay rô-nê-ô hoặc đóng tập, cắt xén, trang trí. Nghĩa là tờ báo có sự đóng góp của mỗi đoàn viên trong Gia Đình, tránh mặc cảm thua sút, ít học, kém khả năng viết lách .... Tạo sự cộng tác tham gia phần khởi.
- Tiểu ban trang trí, minh họa, sắp xếp tựa đề.
- Tiểu ban lên trang (layout), in ấn.
- Tiểu ban phát hành, nhận đăng ký, đưa báo đến tay người đặt, thu chi.

Lưu ý quan trọng: Báo chí của GDPT không có tính cách phổ biến rộng rãi, chỉ lưu hành nội bộ dù cho bất cứ cấp nào chủ trương. Trọng tâm là viết cho các em, vì các em mà dựng lập. Do vậy, vấn đề phải giản dị, sáng sủa cụ thể, hỗ trợ cho vấn đề giảng dạy và huấn luyện tuổi trẻ. Dùng báo chí để nói lên các vấn đề mà tài liệu chưa đề cập tới mà mình thao thức.

Tại hải ngoại, do môi trường xã hội, các em hoặc ngay cả các tân huynh trưởng trưởng thành ở hải ngoại, có phần yếu tiếng Việt, nên rất lúng túng khi muốn diễn đạt suy nghĩ và ý kiến của mình trên giấy trắng mực đen, hay trên màn hình trang nhà. Phát động báo chí tại hải ngoại có lợi khí là giúp cho các anh chị em tập đọc, tập viết để học hỏi tiếng mẹ đẻ và trau dồi thêm ngôn ngữ Việt Nam, tự trang bị một tư thế "về nguồn" và "tùy duyên bất biến" đối với dân tộc và quê hương.

Bất kỳ một ngôn ngữ nào cũng vậy, có đọc, có viết thì mới trang bị được cho riêng mình đủ ngữ vựng để diễn đạt gãy gọn tư tưởng mình bằng ngôn ngữ đó. Các em sinh trưởng ở hải ngoại do tiếp xúc với người bản xứ nhiều hơn với người đồng hương nên bị yếu kém khả năng diễn đạt Việt ngữ cũng là lẽ tự nhiên. Và để bù đắp vào khiếm khuyết đó, báo GDPT là phương tiện giúp các em học hỏi

lẫn nhau. Trong đơn vị gia đình, nếu có những huynh trưởng diễn đạt một bài Phật Pháp ngắn bằng tiếng bản xứ là một ưu điểm để giáo dục các em không biết nhiều tiếng Việt, và báo chí bằng song ngữ là một lẽ tất nhiên cần thiết để cho các em học thêm tiếng Việt, hiểu thêm giáo lý.

### **3/ TỔ CHỨC MỘT ĐÊM VĂN NGHỆ SÂN KHẤU**

Là một tổ chức giáo dục nằm trong lòng Giáo Hội lại là con em của Đạo Hữu tại địa phương, cho nên vào những ngày lễ chính như Vu Lan, Phật Đản, Thành Đạo, Xuất Gia, Chu niên của Gia Đình, thực hiện một đêm văn nghệ cúng dường tạo không khí hân hoan phấn khởi để mọi người kết duyên cùng Phật Pháp. Nhân đây nói lên được tôn chỉ, mục đích của Tổ Chức, bày tỏ sức học, hiểu và hành động của người con Phật ở bối cảnh xã hội hiện tại là một điều quan trọng và cần thiết. Đây là một sinh hoạt được nâng lên hàng truyền thống. Các đơn vị gia đình nên cố gắng duy trì và thực hiện thật hoàn mãn. Công đức thật vô lượng.

Một đêm văn nghệ, nghe nói thật giản đơn, nhưng thực hiện tốn kém thời gian, công sức, tiền của đối với một tổ chức như chúng ta không phải là nhỏ. Tuổi trẻ năng động, háo hăng, ham vui. Văn nghệ có sức thu hút mạnh, do vậy luôn luôn là con dao 2 lưỡi. Nếu việc quản lý không tốt, tinh thần tu học sẽ giảm sút và kéo theo sự phóng túng, giao du bất chánh giữa nam nữ. Do vậy, Liên Đoàn Trưởng đóng vai trò cầm cân nảy mực lên phương án thực hiện và quản lý sát sao từ nội dung đến tinh thần và phong cách biểu diễn để đúc kết thành những bài học không chủ đề nhưng chuẩn xác và bổ ích trong vấn đề uốn nắn xây dựng những tâm hồn, mầm non của Đạo Pháp và Dân Tộc. Để đêm văn nghệ được thành công, Liên Đoàn Trưởng phải hoàn tất 4 công tác sau đây:

1. Thời gian, địa điểm, chủ đề, xây dựng chương trình thực hiện. Thời gian chính 1 đêm văn nghệ đơn vị Gia Đình thường từ 1 giờ 30 đến 2 giờ đồng hồ.

- Đặc điểm: Trong rạp, ngoài trời, nếu ngoài trời thì phải lo khâu trật tự sát sao.
- Chủ đề: Như Xuất Gia, Phật đản, Hiếu, Hạnh, Dũng v.v...
- Lên chương trình: Khi nào cũng vượt thời gian ấn định khoảng 30 phút để khi tổng dợt ta bỏ những tiết mục không đạt yêu cầu.

2. Phân chia công tác, chuẩn bị thực hiện:

- Sân khấu, trần thiết, trang trí, đạo cụ. Phân định Huynh Trưởng trách nhiệm và nhân lực đoàn Thanh Thiếu thực hiện đều có ghi biên bản.
- Âm thanh, ánh sáng: Huynh Trưởng được phân công chịu trách nhiệm phải hoàn tất chu đáo và trước thời gian ấn định để đảm bảo khỏi bị trục trặc.
- Trật tự và giữ xe.

3. Tập dợt: Huynh Trưởng đảm trách chương trình phải theo dõi đạo diễn, uốn nắn những sai sót lầm lỗi. Khi tổng dợt xong là sắp xếp chương trình. Vở kịch chính nên để giữa chương trình. Các phần còn lại xen kẽ nhau nhưng nội dung các tiết mục chuyển nối nhau như những móc xích. Xướng ngôn viên soạn lời giới thiệu trước. Khi còn một tiết mục cuối, ta nên cảm tạ quan khách trước.

4. Tổng dợt : Làm y như thật cùng phong màn, hóa trang để các vai trò phù trợ chuyên môn thích nghi với sân khấu khung cảnh. Làm quen với máy móc âm thanh, ánh sáng, sân khấu v.v... Để khi trình diễn chính thức các vai không ngỡ ngàng.

Kiểm điểm công tác: Sau khi đêm văn nghệ kết thúc, tổ chức kiểm điểm để rút ưu khuyết điểm, đừng bao giờ kỳ hẹn lại 'sau hãy làm' vấn đề này, vì trong ai cũng còn đang tồn đọng những hình ảnh sống động nóng bỏng. Do đó những bài học kinh nghiệm từ thành công đến thất bại đều rất đáng giá.

#### **IV. KẾT LUẬN.**

Vấn đề văn nghệ sân khấu đòi hỏi tốn kém nhiều về thời gian và tiền bạc, lại nữa khung cảnh đi đêm đi hôm để tập dợt là môi trường thích nghi để tình cảm riêng tư cá nhân chớm nở, ảnh hưởng không tốt trong vấn đề giáo dục. Do vậy Liên Đoàn Trưởng cần phải đặc biệt quan tâm.

Nên đầu tư tập một số tiết mục giá trị lớn để nâng lên hàng truyền thống của đơn vị. Luôn luôn có người thay thế được để khi tổ chức một đêm văn nghệ chỉ thêm một số tiết mục phụ là thành hình. Sở dĩ nhấn mạnh khía cạnh này vì các chi phân còn lại của bộ môn Văn nghệ đã được khai thác kỹ ở các thời khóa tu học hàng tuần rồi vậy.

# Đường đến đất Trại HUYỀN TRANG

Địa chỉ: Chùa Viên Giác  
 Karlsruher Str. 6  
 30519 HANNOVER - GERMANY  
 Tel: 0511-879630 Fax: 0511-8790963

## Đến bằng máy bay:

Xuống phi trường ở Hannover, lấy xe Bus số 60 để về nhà ga xe lửa của Hannover. Từ đây dùng xe điện ngầm về chùa (xin xem phần kế tiếp)

## Đến bằng xe lửa:

Từ nhà ga Hannover, lấy tàu điện ngầm số 1 hướng LAATZEN (hoặc hướng SARSTEDT) hay lấy tàu điện ngầm số 2 hướng RETHEN.

Xuống trạm DORFSTRASSE (xem bảng đồ tàu điện)

Rồi hướng về bên trái, từ phố xuống, đi bộ dọc theo con đường lớn tên AM MITTELFELDE, đi qua cầu (phía dưới cầu là đường xe lửa). Đến ngã tư, quẹo tay phải vào đường KARLSRUHE STRASSE.

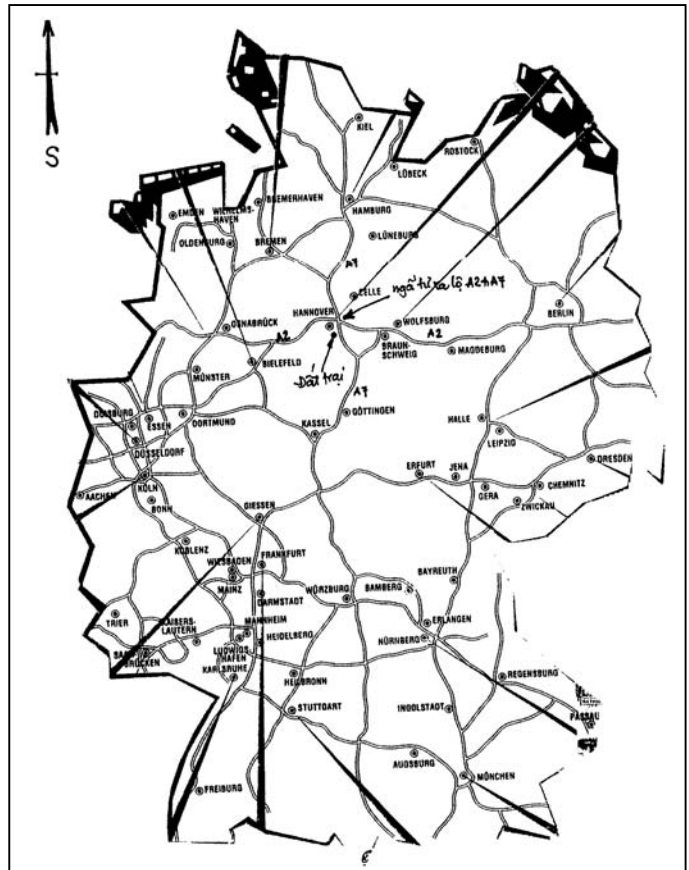
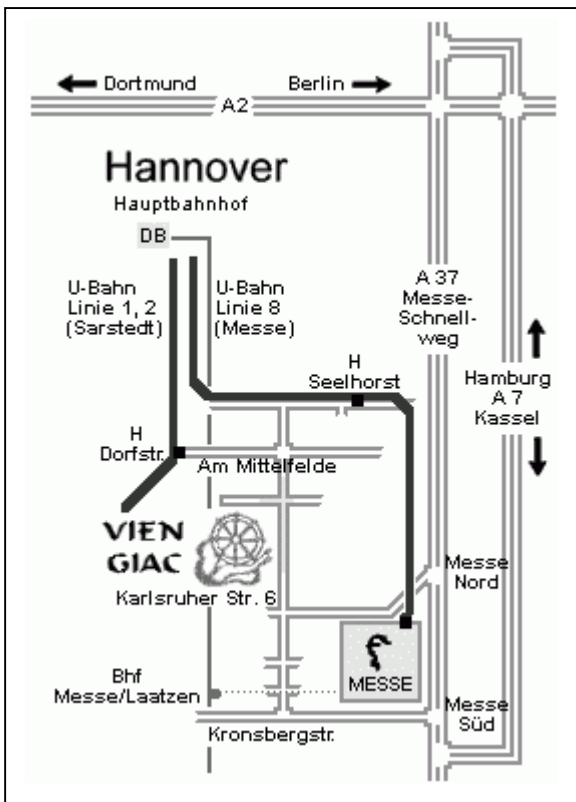
Tại đây sẽ thấy tháp của chùa sau dãy nhà kho.

Tiếp tục đến ngã tư đường EICHELKAMP là sẽ đến chùa.

## Đến bằng xe hơi:

Có 2 xa lộ lớn để về HANNOVER là A2 (đi từ Tây sang Đông) và A7 (đi từ Bắc xuống Nam).

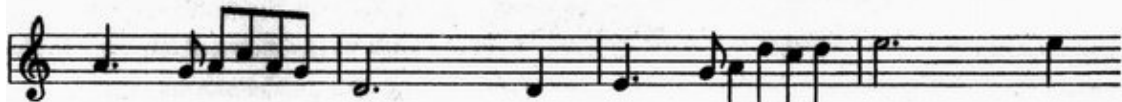
Tốt nhất là từ A2 đổi qua A7 ở ngã tư xa lộ, sau đó nhắm hướng MESSE (có bảng chỉ). Đến được MESSE rồi, xem bảng đồ.



# TRẠI CA HUYỀN TRANG



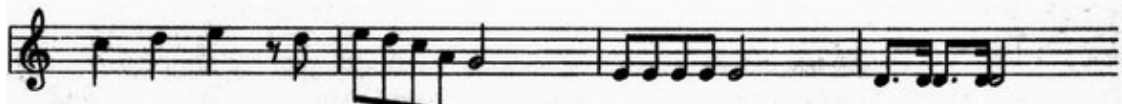
Huyền Trang ngàn năm vẫn không phai mờ. Huyền



Trang lừng danh tiếng thơm muôn đời. Huyền Trang liêu thần không màn nguy khó. Mang



về cho nhân loại ba Tạng Kinh. Ta đi lên xông pha. Tay trong tay vui ca



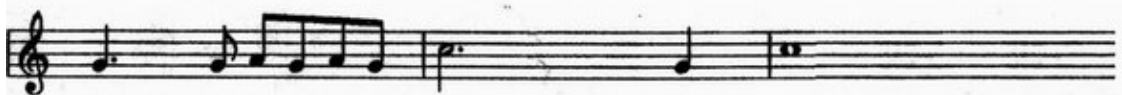
lòng hăng hái ta quyết noi theo gương Ngài. Ta vui lên hăng lên cho bao nguy gian lao



Cùng hòa vang lời ca quyết tâm. Trời mai ngàn hoa ngát hương từng bùng. Cùng



nhau cầm tay hát ca vang lừng. Huyền Trang ngàn năm muôn đời ghi nhớ. Quyết



thề một tâm thành không nào phai..